**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Mục lục -Những vụ tống tiền khó hiểu](%22%20%5Cl%20%22bm2)

[Người bán xà bông](%22%20%5Cl%20%22bm3)

[Mẹo thám tử tư](%22%20%5Cl%20%22bm4)

[Chuột sa bẫy](%22%20%5Cl%20%22bm5)

[Mẹ người bị tù oan](%22%20%5Cl%20%22bm6)

[Trước ngã ba đường](%22%20%5Cl%20%22bm7)

[Cuộc chơi xả láng](%22%20%5Cl%20%22bm8)

[Hai cha con](%22%20%5Cl%20%22bm9)

[Chứng cớ nắm trong tay](%22%20%5Cl%20%22bm10)

[Bông cẩm chướng đỏ](%22%20%5Cl%20%22bm11)

[Những rặng cây biết ăn thịt](%22%20%5Cl%20%22bm12)

[Ông già gác đền thờ](%22%20%5Cl%20%22bm13)

[Sự ra đời của một tội danh mới](%22%20%5Cl%20%22bm14)

[Bà cố vấn về tai nạn giao thông](%22%20%5Cl%20%22bm15)

[Kẻ hèn nhát](%22%20%5Cl%20%22bm16)

[Một cuộc đời hai kiếp sống](%22%20%5Cl%20%22bm17)

[Đoạn kết một cuộc tình Vương giả](%22%20%5Cl%20%22bm18)

[Người vượt biên sống sót](%22%20%5Cl%20%22bm19)

[Người tình của Kenedy thú nhận](%22%20%5Cl%20%22bm20)

[Cô gái trên đoàn tàu tốc hành](%22%20%5Cl%20%22bm21)

["Chó Ngao" nhân viên FBI](%22%20%5Cl%20%22bm22)

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Mục lục -Những vụ tống tiền khó hiểu**

1. Những vụ tống tiền khó hiểu (Ý).

2. Người bán xà bông (Nga).

3. Mẹo thám tử tư (Úc).

4. Chuột sa bẫy (Mỹ).

5. Mẹ người bị tù oan (Mỹ).

6. Trước ngã ba đường (Mỹ).

7. Cuộc chơi xả láng (Mỹ).

8. Hai cha con (Pháp).

9. Chứng cứ nắm trong tay (Anh).

10. Bông cẩm chướng đỏ (Mỹ).

11. Những rặng cây biết ăn thịt (Achentina).

12. Ông già gác đền thờ (Jerusalem).

13. Sự ra đời một tội danh mới (Mỹ).

14. Bà cố vấn về tai nạn giao thông (Pháp).

15. Kẻ hèn nhát (Mỹ).

16. Một cuộc đời hai kiếp sống (Đức).

17. Đoạn kết một cuộc tình vương giả (Thái Lan).

18. Người vượt biên sống sót (Pháp).

19. Người tình của Kennedy thú nhận... (Mỹ).

20. Cô gái trên đoàn tàu tốc hành (Đan Mạch).

21. "Chó ngao" Nhân viên FBI (Mỹ).

   **Những vụ tống tiền khó hiểu.**

 Truyện ngắn Ý.

Tối mùng 10 tháng sáu năm 1960, ông chủ trại giầu có Giorogio Canetto ở thị trấn Marazini trên đảo Sicile vừa dùng xong bữa tối cùng với vợ và con trai thì có tiếng đập cửa dồn dập. Cậu con đứng lên, trước khi ra mở cửa chính, cậu tới ngó qua cửa sổ coi thử vị khách nào tới nhà vào lúc trời tối này... Cậu trở lại bên bố:

- Bố ơi, có vị tu sĩ dòng Thánh Françoise!

Giorgio ngạc nhiên, đứng lên ra mở cửa. Người tu sĩ này muốn gì mà tới đây khi đêm đang xuống?

Người vừa hiện ra trên bục của choàng chiếc áo dài nâu sồng bằng vải len thô, chiếc mũ trùm nhọn đầu sụp tận mặt. Tuy thế, Giorgio vẫn nhận ra đây là cha Vicenzo, bề trên trong nhà thờ gần Marazini. Cha lật mũ, để lộ khuôn mặt nghiêm nghị dưới mái tóc trắng phau.

- Ông Giorgio này, tôi tới đây vì một công việc… tế nhị. Yêu cầu ông đưa tôi một số tiền… một số tiền lớn: 2 triệu lia.

Giorgio há hốc mồm kinh ngạc, lát sau mới cười ồ lên.

- Thì ra là cha… Cha quyên tiền kiểu gì lạ vậy? Nét mặt tu sĩ sa sầm:

- Đâu phải cho nhà thờ, mà cho… xã hội đáng kính. Họ tới kiếm Antonio Bronzini, anh làm vườn cho nhà thờ, bảo rằng các tu sĩ phải làm trung gian thu tiền của con chiên trong vùng, nếu không tu viện sẽ bị đốt cháy và tất cả các tu sĩ sẽ bị giết chết. Thoạt tiên cha đâu có tin, nhưng chỉ ba ngày sau đó, cha Beppino bị một phát đạn. Các cha chẳng còn cách nào khác, đành tuân theo họ. Họ bắt cha phải tới kiếm ông để lấy số tiền này.

Giorgio phản ứng quyết liệt:

- Chuyện này không liên quan gì tới con. Cha đi báo cảnh sát mới đúng. Vị tu sĩ buồn bã lắc đầu.

- Ông thừa biết thế là không thể được.

Đúng, Giorgio biết rõ như vậy. Ngay chuyện gọi đích danh chúng là mafia còn chẳng dám, cứ phải gọi trệch đi là "xã hội đáng kính”, huống hồ đi báo cảnh sát. Có mà chết đầu nước! Chủ trại quyết định chấm dứt câu chuyện.

- Con rất tiếc, thưa cha. Xưa nay con chưa bao giờ lùi bước trước những lời hù dạo. Vả lại, có lẽ không có gì nghiêm trọng đâu. Họ chỉ thử làm cha hoảng thôi. Cha hãy làm như con: không chịu và rồi đâu vào đấy.

Tu sĩ biết nói nữa cũng vô ích. Đành thở dài, trùm mũ lên rồi đi thẳng…

Cha Vicenzo đi giữa bóng đêm, lưng còng xuống như đeo một gánh nặng vô hình. Những điều cha vừa nói với người chủ trại giầu có là sự thực trăm phần trăm. Cách đây một tuần, Antonio Bronzini đã tới gặp cha. Anh ta ba mươi tuổi, rất tốt, hoàn toàn mù chữ. Bố mẹ chết hết trong chiến tranh, anh được tu viện mang về, trở thành người làm vườn cho tập thể. Tận tụy với công việc, sống độc thân trong căn nhà nhỏ gần tu viện. Cha Vicenzo rất thương, coi gần như con đẻ. Thành ra khi nghe Antonio báo tin, cha thực sự choáng váng.

- Thưa cha, bữa qua có hai ông tới kiếm con. Họ tự giới thiệu là người của xã hội đáng kính. Và bảo: "Này Antonio, mày tới bảo cha Vicenzo rằng từ nay các tu sĩ của viện Marazini phải quyên tiền cho bọn tao. Các tu sĩ đưa tiền cho mày, bọn tao sẽ tới nhận. Nếu các tu sĩ không chịu, tụi tao sẽ đốt cháy tu viện và giết mày".

Antonio kể lại như vậy, mặt cắt không còn giọt máu. Cha Vicenzo thì bực, cho là có những kẻ đùa dai với anh chàng chất phác này. Cha cố trấn an Antonio, nhưng ba ngày sau xảy ra vụ cha Beppino bị bắn trúng lưng trên đường đi cầu nguyện. Viên đạn chỉ sượt qua da, tuy kẻ nổ súng ở vị trí rất thuận tiện có thể dễ dàng bắn hạ cha nếu nó muốn. Rõ ràng đây chỉ là đòn cảnh cáo. Chính Antonio Bronzini xác nhận ngay sáng bữa sau:

- Hai ông đó bữa qua vừa trở lại, bảo: "Tụi tao chỉ xin cha Beppino tí tiết thôi. Lần sau sẽ cho đi đứt luôn”. Họ cho biết tên người đứng đầu danh sách: Giorgio Canetto, số tiền: 2 triệu lia.

Đó là những sự kiện làm cuộc sống trong tu viện đảo lộn. Bọn Mafia liều lĩnh và trắng trọn tới mức dám biến cả một tập thể tu sĩ thành những kẻ tống tiền… Về tới tu viện, cha Vicenzo báo cho Antonio biết cha trở về tay không. Anh chàng khốn khổ hết sức lo sợ, khóc nức nở và lạy van:

- Cha ơi, chúng sẽ giết con mất thôi! Chúng có những con dao to đùng, cả súng nữa. Xin cha quay lại gặp ngài Canetto lần nữa. Nhân danh Đức Mẹ Nhân từ!

Giorgio Canetto không coi cuộc viếng thăm bữa đó của cha Vicenzo là chuyện nghiêm túc. Sáng sau, ông đi kể cho cả làng nghe. Và chế nhạo cái cách các tu sĩ dòng Thánh Françoise quyên góp… Nhưng dân làng không ai dám cười. Khi dính dáng tới Mafia thì đứng có đùa, rất có thể xảy ra những chuyện tày đình. Ngay tối đó cha Vicenzo trở lại gặp chủ trại Giorgio. Lần này, chủ trại chẳng thèm mở cửa, chỉ nói qua cửa sổ:

- Tôi đã nói không là không. Cha không hiểu à?

Tu sĩ cố nài:

- Chúng sẽ giết Antonio! Giết ông!

Chủ trại không phải loại người thích tranh cãi. Ông ta cố nghĩ một câu trả lời quyết định, hét thẳng vào mặt tu sĩ già:

- Đi với ma quỷ cho rồi!

Cha Vicenzo trùm mũ che mặt, nói bằng giọng khàn khàn:

- Chúa phù hộ cho con, Giorgio…

7 giờ tối hôm sau, những tá điền làm thuê ăn công thấy Giorgio nằm thõng thượt, mắt trợn ngược trên rìa con đường dẫn tới đồi trồng nho. Trên ngực có hai vết đạn… Sự kiện gây hoảng loạn khắp làng. Không ai còn nghi ngờ gì nữa, tất cả đều biết mình phải giữ mồm giữ miệng: Không thể tính chuyện đi báo cảnh sát. Coi như Giorgio bị tử thương trong “tai nạn săn bắn”. Khá đông dân làng đi trong đám tang chủ trại, nhưng không ai nói với ai một câu, thậm chí không dám nhìn mặt nhau. Tên sát nhân có thể trà trộn đâu đây… Làng Marazini chìm trong khiếp sợ, trong thời gian khá dài…

Bữa sau khi mai táng Giorgio, dân làng thấy tu sĩ già dòng Thánh Françoise đi về phía ngôi nhà Giorgio Canetto, mũ trùm kín mặt. Mọi người đoán biết cha mang tới đây thông điệp gì. Cái chết của người chồng không thay đổi tình thế: cha tới đòi góa phụ nộp tiền. Quả nhiên, cha Vicenzo rầu rĩ bảo Carmela Canetto:

- Bữa qua chúng lại tới gặp Antonio. Bảo nếu con không giao nộp 2 triệu lia, nạn nhân thứ hai phải trả giá sẽ là con trai của con…

Camela đã biết thế từ trước. Bà chuẩn bị đủ số tiền gói trong mảnh vải. Bà đưa cho tu sĩ… Người làng Marazini đã nộp khoản tiền chuộc mạng đầu tiên. Cỗ máy đã khởi động. Ngày 18 tháng Sáu năm 1960. Trời vừa chạng vạng tối, một bóng người choàng áo len vải thô đi qua làng, dừng lại trước ngôi nhà bề thế. Nhà của dược sĩ Bartolo Cordl, giầu thứ nhì trong vùng, chỉ thua nhà Giorgio. Cha Vicenzo gõ cửa, vào nhà… Dược sĩ sống một mình trong ngôi nhà mênh mông. Ông góa vợ từ nhiều năm nay. Tu sĩ đi ngay vào việc.

- Con chắc biết cha tới có chuyện gì chứ?

Bartolo biết. Và không coi đây là chuyện có thể coi thường. Mồ hôi chảy đầm đìa trên bộ mặt xám ngoét chứng tỏ như vậy. Khốn nỗi, bản tính con người này rất keo kiệt… Cha Vicenzo nói tiếp:

- Chúng ấn định số tiền là 2 triệu.

Con số làm dược sĩ nhăn mặt đau xót. Ông la lên:

- Không có đâu! Nếu có, con sẵng sàng nộp cho chúng, nhưng đào đâu ra bây giờ!

Tu sĩ cố thuyết phục:

- Cha biết con có đủ mà. Đủ 2 triệu lia. Đừng chống cự vô ích. Chúng dám làm mọi chuyện, không biết ghê tay là gì. Hãy nghĩ tới Giorgio.

- Không có! Nhờ cha nhắn lại cho chúng.

- Thôi được, cha sẽ nhắn. Cha cầu nguyện cho con.

Đêm hôm sau, cả làng Marazini choàng dậy: cửa hàng dược bốc cháy… Khi lính cứu hỏa tới thì đã muộn. Ngọn lửa hung hãn từ những can xăng phụt ra hết sức dữ dội, chẳng mấy chốc cơ ngơi nhà Bartolo biến thành tro. Ngay bữa đó, đêm vừa buông xuống, đúng giờ đã thành lệ, mọi người lại thấy bóng đen khoác áo chùng đội mũ trùm đầu tới gõ cửa nhà Bartolo. Như trường hợp đã xảy ra với Giorgio, đòn trừng phạt không thay thế khoản tiền phải cống nộp. Mafia vẫn đòi bằng đủ. Người mở cửa cho tu sĩ gần như kiệt sức.

- Con mất hết rồi cha ơi. Nhưng phải cố giữ mạng sống… Ông ta đưa một bọc tròn gói giấy.

- Con cất được ít vàng. Chỗ này vừa đủ 2 triệu lia. Đáng lẽ nghe cha từ bữa qua. Giờ đây chẳng còn hy vọng gì nữa.

Hỏa hoạn tại hiệu dược phẩm Bartolo như trái bom nổ giữa Marazini. Cả làng kinh khiếp tột độ, không nghĩ tới gì khác được nữa, chỉ nơm nớp chờ xem tu sĩ sẽ gõ cửa nhà ai. Lúc này, càng không một ai nghĩ tới việc báo cảnh sát. Các tu sĩ trở lại làng. Bây giờ không chỉ một mình Vicenzo như trước, nhiều tu sĩ khác cũng phải nhận làm trung gian cho bọn Mafia, mỗi tuần hai hoặc ba lần vào làng lúc trời tối. Dân làng Marazini vừa thấy mặt trời lặn là nín thở, chờ các tu sĩ tới "quyên góp" như Giorgio bất hạnh đã gọi hành động tống tiền như vậy.

Nhiều tuần lễ trôi qua, bóng đen choàng áo vải thô lần lượt gõ cửa các nhà, bất kể giàu nghèo. Không một ai được miễn, tất cả dân làng lần lượt bị tống tiền. Bọn Mafia tỏ ra nắm rất chắc khả năng từng nhà, chúng ấn định số tiền phải nộp theo tỷ lệ gia sản từng hộ. Những nhà nghèo nhất chỉ phải nộp khoảng vài ngàn lia. Càng ngày Marazini càng chìm sâu vào ác mộng. Cuộc sống hàng ngày bị lệ quyên góp chi phối hoàn toàn, mọi sinh hoạt đều xoay quanh cái trục quái ác đó. Đêm đêm, đàn ông cũng như đàn bà con trẻ đều mơ thấy toàn tu sĩ đen đúa trùm mũ kín mít. Những cha đạo hiền hậu, được cả vùng yêu mến đã bị Mafia biến thành tu sĩ ma quỷ.

Ngày 8 tháng Tám năm 1960. Một tu sĩ cầm trên tay vài tờ 10.000 lia ra khỏi nhà người vừa bị tống tiền bước ra. Căn nhà xoàng xĩnh của Bernardo Stoppia, nhân viên gác rừng. Anh đóng cửa đăm chiêu suy nghĩ. Và quyết định. Anh chán ngấy đến tận cổ tình hình này. Dân làng quá nhu nhược không dám đứng lên tự bảo vệ, anh sẽ bảo vệ họ. Anh còn trẻ, chưa vợ con, đây là việc củâ anh. Anh sẽ một mình cáng đáng hết. Biết là nguy hiểm lắm, nhưng chúng không dễ gì lột được da anh mà không trả giá đắt: anh là tay thiện xạ trong vùng. Bernardo tính toán suốt đem, đến sáng thì kế hoạch hành động đã hình thành. Cũng như mọi người trong làng, anh biết các tu sĩ không trực tiếp gặp Mafia. Bọn này chỉ tiếp xúc với Antonio, người làm vườn cho tu viện. Các tu sĩ giao tiền cho anh ta, Mafia sẽ tới nhà anh thu tiền. Vậy thì Bernardo sẽ theo dõi Antonio và từ đây lần ra đường dây Mafia.

Thời khóa biểu hàng ngày của Antonio rất dễ theo dõi: sáng nào cũng ra khỏi nhà lúc 6 giờ để tới tu viện, 7 giờ tối trở về nhà. Đường đi không xa quá 300 mét. Ngoài ra, anh làm vườn rất ít giao du, gần như chưa lần nào vào làng. Một anh chàng có vẻ chất phác, coi mảnh vườn rau là cả thế giới rồi… Tối 9 tháng Tám, Bernardo phục trước tu viện. 7 giờ, thấy rõ Antonio đi ra và về thẳng nhà. Ngay phía đối diện có căn nhà đổ, dùng làm đài quan sát rất tốt. Bernardo vào nấp sau khung cửa sổ, đặt súng trước mặt…

Đêm xuống. Anh hồi hộp chờ những bóng đen xuất hiện, nhưng không thấy gì. Trời gần sáng, anh gác rừng trở về nhà. Trong mười lăm ngày tiếp theo. Bernardo không rời mắt khỏi anh làm vườn nhưng không kết quả. Mafia đánh hơi thấy rồi chăng? Nhưng chúng vẫn quyên góp đều đều như trước. Gần như mỗi tối lại có một tu sĩ đến tống tiền ai đó trong làng. Tiền vẫn giao cho Antonio như thường lệ. Mafia đợi gì mà không tới lấy?

Ngày 24 tháng Tám năm 1960. Như mọi bữa, anh gác rừng bám sát Antonio. Đang đi trước Bernardo mấy mét, bất thình lình Antonio quay lại. Bernardo không kịp lẩn tránh.

- Tớ biết cậu bám đuôi từ mấy bữa nay - Anh làm vườn nói - Xéo ngay! Còn lảng vảng ở đây, chúng sẽ giết cả cậu và tớ luôn.

- Chúng là ai? Tớ chẳng thấy có người nào tới đây.

Antonio vung tay:

- Chúng ở khắp nơi, nhưng làm sao cậu thấy được. Đi ngay, đừng để bị biến thành thây ma.

Anh gác rừng không hỏi nữa, bỏ đi thẳng, biết mình sẽ phải làm gì… Mãi khi chỉ còn cách đồn cảnh sát Marazini chừng 500 mét anh mới nhận ra mình đã phạm sai lầm: Phải chạy thật lẹ lên, thay vì đi từ tốn như thế này. Anh cắm đầu lấy đà lao lên, và đúng lúc vửa tới cửa đồn thì một tiếng nổ chát chúa vang lên. Bernardo thấy lưng bị đập rất mạnh, anh ngã vật xuống… Khi tỉnh lại, Bernardo nhận ra mình đang nằm dưới nền đồn cảnh sát. Một bác sĩ đang khám vết thương, trung úy chỉ huy đồn cũng có mặt. Trung úy nói nhẹ nhàng:

- Vết thương không nặng, sẽ qua khỏi thôi. Đừng sợ, chúng tôi sẽ bảo vệ anh khỏi tay Mafia. Lâu nay chúng tôi chưa hành động vì không ai khiếu kiện gì, nhưng giờ đây đã khác rồi.

Anh gác rừng thấy mình đang kiệt sức. Phải nói ngay những gì mình biết, nếu không sẽ muộn mất. Cố thu hết nghị lực còn lại, anh thều thào:

- Không phải Mafia… thằng Antonio Bronzini là chủ mưu… Vừa nãy, nó biết tôi đã phát hiện ra nên bám đuôi tôi… Nó bắn tôi, trước đây nó đã bắn chết Giorgio và đốt nhà thuốc. Bắt lấy nó!

Nói vừa dứt, Bernardo xỉu luôn. Trên đường chạy tới nhà gã làm vườn của tu viện, cảnh sát hết sức ngạc nhiên. Antonio mù chữ, dáng vẻ thật thà, chăm chỉ, mà lại là tác giả của kế hoạc kỳ quái này sao? Một kế hoạch bịt mắt cả một tu viện, cả một làng trong nhiều tháng ròng! Một gã trông hiền lành thế, mà lại giết người không ghê tay. Khi tới nơi, cảnh sát thấy nhà Antonio trống trơn. Hắn đã bỏ trốn, mang theo vài thứ lặt vặt. Không làm được gì hơn, cảnh sát đành báo động cho tất cả các đồn trên toàn đảo Sicile, nói rõ hung thủ rất nguy hiểm. Một lần nữa, nhà chức trách lại đánh giá thấp Antonio Bronzini. Họ tưởng thằng cha đần độn chưa một lần thò mặt ra khỏi làng phen này chỉ lẩn quất đâu đó trên đảo. Thế nhưng cuối cùng người ta tóm được gáy hung thủ ở tận Bergame, miền cực bắc nước Ý. Nó định tậu một căn nhà để ẩn náu tới ngày xuống lỗ. Công chứng viên thấy gã nông dân mù chữ mà lại có trong tay những 15 triệu lia tiền mặt bèn mật báo cảnh sát… Khi tra tay vào còng số 8, Antonio gật đầu thú tội. Và nói:

- Ngày mai, tôi sẽ khai hết.

Sáng hôm sau, cảnh sát thấy nó đã treo cổ lên cửa sổ xà lim tạm giam. Thành thử không ai biết tại sao và bằng cách nào nó nẩy ra ý thực hiện một vụ được coi là kỳ lạ nhất trong lịch sử hình sự của đảo Sicile. Được xếp hạng số một ở nơi xảy ra không ít vụ án li kỳ, kế hoạch tống tiền của Antonio Bronzini quả là vô tiền khoáng hậu!

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Người bán xà bông**

Truyện ngắn Nga.
Ngày 16 tháng Mười một năm 1913, Anna Firsova nữ chủ nhân ngôi nhà cho thuê trên đường Letchourov thành phố Saint Pétersbourg tới đồn cảnh sát phường. Người tiếp bà ta, trung úy Boris Yarochenko không hề ngạc nhiên khi thấy Anna. Ngôi nhà khá tồi tàn của bà thường do những người không mấy tử tế thuê mướn làm nơi trú chân. Bà đã tam tứ phen tới đồn trình báo về những kẻ nghi là bất lương hoặc phản loạn chống chế độ Sa hoàng. Đặc biệt hôm nay bà Anna tỏ vẻ rất lo lắng.
- Hắn mướn phòng số 11 từ hai tháng nay. Xưng tên là Muller, quốc tịch Đức, nhưng chắc là người Nga… Bốn ngày nay không thấy thò mặt ra ngoài, nhưng tôi biết chắc hắn có ở trong phòng. Nhiều lần tôi thử mở cửa, nhưng cửa khóa trái.
Trung úy Boris dẫn hai cảnh sát tới ngay đường Letchourov. Đúng là cửa phòng 11 khóa từ bên trong. Không có cách nào khác, phải phá cửa…
Vừa thò mũi vào, các cảnh sát viên đã bị một mùi kinh tởm xộc lên tận óc, trước mắt hiện ra cảnh tượng hãi hùng: trên chiếc giường dơ dáy, nằm thõng thượt cái xác đồ sộ nhưng cụt đầu của một người đàn ông bận comple. Lát sau, một cảnh sát nhìn thấy trong lò bếp cái đầu cháy thành than. Ngoài ra không có dấu vết gì: không giấy tờ tùy thân, không tư trang, không quần áo nào khác ngoài bộ trên thi thể nạn nhân. Rõ ràng hung thủ đã dọn kỹ trước khi tẩu thoát. Và chuồn qua cửa sổ, tụt theo máng xối, nên phòng vẫn khóa trái.
Trung úy Boris biết mình bị vướng vào một vụ khó gỡ. Theo thói quen nhà nghề, anh nhìn chiếc veston của nạn nhân. Biết đâu đấy, có thể hung thủ quên không gỡ bỏ nhãn hiệu tiệm may. Chuyện này thường hay xảy ra. Quả nhiên như thế thật. Trung úy Boris đọc trên túi áo trong dòng chữ: "Nikitine, thợ may. Saint Pétersbourg". Trung úy tìm địa chỉ trong sổ rồi lao tới. Nikitine là một ông già, mắt rất tinh tường nhanh nhẹn. Vừa trông thấy chiếc veston trung úy đưa ra, ông già nói ngay:
- Tôi mới làm cách đây hai tháng thôi. Chờ tôi coi sổ nghe!
Trong khi bác thợ may lúi húi tra sổ, trung úy Boris cầu trời ông ta đừng tìm phải cái tên Muller, rõ ràng đây là tên giả…
Nhưng một lần nữa, may mắn lại mỉm cười với trung úy. BácNikitine trở ra, chìa cuốn sổ:
- Đây rồi, trung úy. Người may bộ đồ này tên Vladimir Yakov, buôn bán xà bông ở Saint Pétersbourg.
Trung úy phấn khởi rời tiệm may. Sau có vài giờ, cuộc điều tra của anh tiến triển như đi hia bảy dặm. Bây giờ là lúc tìm hiểu kỹ về Yakov, tính cách nhân vật này có khi giúp tìm ra hung thủ. Và lần thứ ba này, may mắn lại thuọc về trung úy. Gã Yakov, ba mươi tuổi có tên trong sổ đen của cảnh sát. Hắn đã có tiền án về tội trộm cắp và hành vi trái đạo đức với thanh niên. Hồ sơ có hình nhưng tiếc rằng không có vân tay. Vì hồi lập hồ sơ, chưa có quy tắc phải lấy vân tay. Hôm sau, trung úy Yarochenko nhận được biên bản của bác sỹ pháp y, xác nhận các ý tưởng của anh: nạn nhân khoảng ba mươi, không có dấu vết gì đặc biệt ngoài chiếc sẹo nhỏ bên đùi trái…
Trung úy triệu bà Valentina Yakov, mẹ người bán xà bông tới văn phòng. Bà mặc đồ đen gần như ngã phịch xuống ghế, rút khăn chấm chấm hai mắt. Trung úy muốn tránh cho bà khỏi cơn thử thách quá nặng nề: tới nhà xác để nhận mặt cái xác không đầu. Vả lại, bà già làm sao nhận ra nổi?
Anh hỏi:
- Theo bà, con trai bà có dấu vết gì đặc biệt không?
Bà Yakov không chần chừ:
- Có, một vết sẹo trên đùi trái. Tự gây ra từ hồi nhỏ xíu.
Vậy là không còn nghi ngờ gì nữa. Trung úy Yarochenko ngỏ lời chia buồn cùng bà mẹ khốn khổ. Định hỏi vài câu, nhưng lại thôi, để sau sẽ hỏi. Việc khó khăn nhất đã làm xong, nếu vận may vẫn còn chắc sẽ gỡ ra hết trong thời gian ngắn. Nhưng trung úy không ngờ tới những chuyện sẽ xảy ra tiếp. Cho tới giờ, anh toàn gặp may, ít ra là có vẻ may. Từ lúc này trở đi, anh sẽ gặp hết bất ngờ này tới ngạc nhiên khác…
Đầu tiên là cuộc viếng thăm của Mikhail Golovine ngay sáng hôm sau. Mikhail Golovine nhỏ thó, dáng vẻ tầm thường. Trung úy tiếp ông tại văn phòng sau khi biết ông định nói về vụ Yakov. Ông mở đầu với giọng nhỏ nhẹ:
- Thưa trung úy, tôi tới để hỏi xem có thể xin một văn bản chính thức chứng nhận nạn nhân đúng là Vladimir Yakov?
Boris tỏ vẻ ngạc nhiên:
- Tôi tin chắc như vậy. Sao ông lại hỏi thế?
Mikhail Golovine vẫn nhỏ nhẹ:
- Tôi là đại điện công ty bảo hiểm “Phượng Hoàng". Ông thấy đấy, chúng tôi phải có chứng thực đó mới chi tiền. Số tiền rất lớn.
Trung úy cảm thấy công trình anh xây tưởng là chắc chắn hóa ra lại có vết nứt.
- Số tiền lớn lắm à?
- Phải. Cách đây ba tháng, ông Yakov đăng ký bảo hiểm nhân thọ 250.000 rúp, nhân đôi nếu bị chết bất đắc kỳ tử, nghĩa là 500.000 rúp. Người thụ hưởng là bà mẹ, tên Valentina Yakov. Đầu óc trung úy rối tung. Phải chăng sự thật lại phức tạp, lại khủng khiếp hơn anh tưởng đến vậy sao?
Nạn nhân không phải là người anh đã phát hiện sao?
Những tình cờ mà anh cho là vận may: nhãn hiệu trên áo veston, tên người ghi trong sổ…chẳng lẽ chỉ là những dấu vết ngụy tạo đề đánh lạc hướng?
Nếu vậy, Yakov không phải là nạn nhân đáng thương mà lại là hung thủ đáng trừng trị… Có lẽ vì vậy nên hung thủ phải chặt đầu nạn nhân và thiêu cháy để phi tang…
Nhưng bà già Yakov nói trên đùi trái có vết sẹo. Một ý nghĩ khủng khiếp thoáng hiện trong đầu viên trung úy.
Không! Đời nào bà ta bịa chuyện để lĩnh 500.000 rúp! Người mẹ khóc thương con thảm thiết như vậy chắc không đang tâm giết con. Nếu thế thì thật quái gở. Nhưng trên đời này vẫn có những quái vật đấy chứ!…
Dù sao, ngay lúc này trung úy chưa thể nói gì với đại diện công ty bảo hiểm, chỉ tuyên bố ngắn gọn: cuộc điều tra đang tiếp tục. Đang tiếp tục, hay đang bắt đầu từ con số không thì đúng hơn. Boris thấy cần hỏi Valentina đôi điều…
Bà già ngụ trong căn nhà nhỏ ven đô Saint Pétersbourg. Từ xa, trung úy thấy bà ngồi trên bực cửa. Tự nhiên không hiểu vì sao, anh rón rén nấp sau hàng rào tiến tới gần. Khi biết đã có thể nhìn được rõ, anh dướn người lên đảo mắt và thấy tim giật thót: bà mẹ tội nghiệp vừa tủm tỉm cười. Phải, cười với vẻ khoái trá…
Đúng lúc đó thì phát hiện ra Boris, bà già giật mình, rút vội chiếc khăn trong túi. Khi Boris tới bên, mặt bà già đã đầm đìa nước mắt. Bà hỏi trung úy bằng giọng của người hấp hối:
- Trung úy đã tìm ra hung thủ rồi chứ?
Boris đáp với giọng cục cằn ngoài ý muốn:
- Chưa. Kể tôi nghe về bạn bè của con bà!
Valentina khó nhọc kể:
- Vladimir kín lắm. Ít chuyện trò với mẹ. Tôi chỉ biết nó thường hay lui tới một phòng tắm hơi kiểu Phần Lan ngay gần nhà nó và kết bạn ở đó…
Trung úy không khai thác được gì hơn, bỏ về. Trong bụng cảm thấy nhẹ nhõm: hướng điều tra phải thay đổi, Valentina đúng là con quái vật đã giết hoặc có thể đã thuê giết con trai để lĩnh tiền bảo hiểm. Giờ đây, anh phải tìm ra kẻ đã thực thi vụ án mạng ghê tởm này, mụ già Valentina rõ ràng không thể tự tay hành quyết thằng con. Sự tàn nhẫn quái vật dù sao cũng có giới hạn.
Chủ phòng tắm hơi tỏ vẻ khó chịu ra mặt khi cảnh sát tới.
- Cơ sở này rất đàng hoàng. Khách của tôi toàn những vị đáng kính trọng.
Trung úy liếc mắt nhìn qua cơ ngơi tồi tàn, không như chủ nó vừa vỗ ngực khoe. Nhưng anh không quan tâm chuyện này.
- Kể tôi nghe về Yakov. Ông biết người đó chứ?
Giám đốc phòng tắm hơi mỉm cười cáo lỗi:
- Ông ta là khách hàng thật, nhưng tôi khó lòng cung cấp được gì nhiều về ông ấy… Ông Brodski may ra có thể. Hai người thường cùng tới đây một lúc. Mà hình như ông ta hiện đang ở đây.
Vài phút sau, trung úy Boris gặp Brodski, chừng ba mươi tuổi, rất to con.
- Vâng, tôi vẫn còn nhớ. Cách nay ba tháng chúng tôi gặp nhau tại đây. Kết bạn với nhau cho tới bữa tôi nổi giận. Vừa tắm xong, Yakov nhìn tôi bằng cặp mắt rất kỳ, rồi bảo: "Hay thật kìa, thân hình hai chúng mình sao giống nhau như đúc thế này. Nếu chặt cụt đầu, chắc không thể phân biệt nổi”. - Brodski lúng túng nói tiếp - Tôi nghĩ,,, Yakov có những ý tưởng không lành mạnh, hơn nữa, có vẻ thuộc vào loại…Tôi bảo anh ta đừng bắt chuyện với tôi nữa, và sau đó hình như anh ta không quay lại đây nữa thì phải…
Giám đốc phòng tắm có vẻ choáng váng khi nghe về vụ đồi phong bại tục xảy ra ngay trong cơ sở của ông ta:
- Xin cam đoan với trung úy đây là lần đầu tiên tôi nghe có chuyện như vậy…
Boris bực mình dẹp ngay thói ba hoa của ông chủ. Một lần nữa, phải làm lại từ đâu. Như vậy Yakov không phải là nạn nhân một gã đâm thuê giết mướn do mẹ hắn trả công. Chính hắn đã xuống tay, chính hắn là tên sát nhân quái vật, nó đã rắp tâm bỏ ra nhiều tháng để kiếm ra người có thân hình giống hệt nó.
- Tuy vẫn có một chi tiết đáng ngờ: chiếc sẹo trên đùi trái. Khó có thể tin có sự trùng hợp kỳ lạ đó. Vậy xác chết không đầu trên đường Letchourov là ai? Là Yakov hay là nạn nhân của Yakov?
Trung úy Boris chưa tìm được lời giải thì vài ngày sau có một bà già tới xin gặp. Olga Larionova, trạc độ ngũ tuần, khá mau mồm miệng:
- Thưa trung úy, tôi rất lo. Về thằng cháu Ivan Laronov, mồ côi bố mẹ. Tôi là dì nó, góa chồng, là người thân độc nhất của nó. Tôi cư ngụ tại Matxcova. Ở Thủ đô đầy rẫy người ngoại quốc, mà thằng Ivan nhà tôi lại quá tin họ.
Trung úy cố gắng sắp xếp trật tự cho mớ ngôn từ đang cuồn cuộn tuôn ra:
- Khoan đã, cháu bà bao nhiêu tuổi?
- Hăm tám, thưa trung úy.
- Bà gặp lần mới nhất hồi nào?
- Cách đây ba tháng. Cháu tôi nói đi Saint Pétersbourg rồi bặt tin luôn… Tôi lo xa quá. Mà lại nhận được lá thư này nữa, càng lo dữ…
- Thư gì, thưa bà?
Bà khách rút trong xắc tay chiếc bì thư dán tem dày đặc:
- Thư tới đúng ngày tôi rời khỏi Matxcova. Gửi đi từ Paris. Viết về khoản tiền gì vậy?
Trung úy không đáp, mở ra đọc: “*Thưa dì kính mến, Cháu tới Paris nhận món tài sản được thừa kế do bố cháu gửi ngân hàng, như dì đã biết. Để cháu được nhận quyền sở hữu hợp pháp, mong dì vui lòng cho cháu một bản trích lý lịch kèm một bản sao tờ di chúc của bố cháu. Cháu yêu của dì. Ivan*" Trung úy Boris đăm chiêu suy nghĩ.
- Bà nhận đúng là chữ cháu bà chứ?
Olga vội đáp:
- Kể ra thì cũng giông giống. Nhưng nó không bao giờ nói với tôi "Cháu yêu của dì"… Mấy lại cần gì phải viết "Như dì đã biết"? Dĩ nhiên tôi phải biết rõ ông anh tôi qua đời ở Paris…
Trung úy thấy chỉ còn một câu hỏi:
- Bà có thấy cháu bà có vết sẹo trên đùi trái không?
Bà Olga Larionova không do dự:
- Có. Hồi bảy tuổi nó bị thủng đùi khi trèo cây. Trung úy Boris thở dài:
- Tôi rất buồn, thưa bà. E rằng cháu bà không còn sống trên đời này nữa…
Gương mặt bà Olga như chàm đổ. Giọng nghẹn ngào:
- Phải bắt tên giết người.
Boris rắn rỏi đáp:
- Vâng. Mong bà sẽ tiếp tay. Bà gửi ngay tới Paris những giấy tờ nó đòi. Mọi việc để tôi lo. Trung úy tức tốc đi gặp các sếp. Các quan chức Bộ Nội vụ thấy ngay tầm quan trọng của vụ án. Họ liên lạc ngay với các quan chức Pháp và nhận được lời cam kết cộng tác. Trung úy Boris Yarochenko được cử sang Paris theo dõi cuộc điều tra…
Olga gửi mọi giấy tờ sang Paris theo cách lưu ký, đúng như kế hoạch của trung úy. Vì vậy, Boris cùng các đồng nghiệp người Pháp bí mật phục trước phòng bưu điện trung tâm trên đường Louvre. Anh có trong tay tấm hình Vladimir Yakov…
Họ chờ ba ngày ròng rã…
Cuối cùng, gã bán xà bông thành Saint Pétersbourg xuất hiện. Nhắm loại trừ mọi vấn đề có thể còn tồn tại, trung úy Boris chờ tới lúc nó đến cửa ghise nhận lá thư vào tay mới tới tóm cổ. Nó phản đối quyết liệt:
- Tôi là Ivan Laronov. Ông muốn gì?
Lúc trông thấy tấm hình trên tay trung úy, nó biết mình thua rồi. Mấy phút sau Vladimir Yakov khai trong đồn cảnh sát trên đường Louvre:
- Tôi cần tiền. Nghĩ ra cách giết ai đó nhưng giả làm như người bị giết là tôi. Trước đó tôi đăng ký bảo hiểm để bà già lĩnh. Lần thứ nhất. định thử với thằng cha gặp tại phòng tắm hơi nhưng nó tỏ vẻ đề phòng. Sau đó tôi gặp Ivan Laronov trong quán café. Tôi thấy ngay nó rất ngây ngô, nhất là lại giống tôi y hệt về thân hình. Yakov ngưng một lát trước khi tả lại lúc nó xuống tay giết Ivan.
- Một buổi chiều, tôi đổ votka cho nó uống trong phòng tôi. Sau một giờ nó xỉn như chết, vì không biết uống rượu. Tôi cứa cổ, rồi…
Hung thủ ngưng bặt, rồi khai tiếp:
- Tôi mặc cho Ivan bộ đồ của tôi. Kiểm tra kỹ trên người nó có dấu vết gì đặc biệt không, và phát hiện vết sẹo trên đùi trái. Khi rời phòng, tôi tời gặp bà già nói rõ chi tiết đó, như vậy khỏi ai nghi ngờ khi nhận dạng xác chết.
Giờ đây nội vụ đã sáng tỏ. Mụ già Yakov đồng lõa với thằng con giết người. Vì thế nên Boris mới bắt gặp mụ mỉm cười, nụ cười từ 500.000 rúp do án mạng mang về cho chúng. Vladimir Yakov kết thúc lời khai:
- Ivan Laronov đã có lần kể với tôi về khoản thừa kế đang chờ nó ở Paris. Tôi muốn bắn một phát hạ hai con mồi. Sai lầm! Đáng lẽ chỉ nên bằng lòng với khoảng tiển bảo hiểm…
Trung úy Boris Yarochenko chia tay các đồng nghiệp Pháp, phần việc còn lại do người Pháp giải quyết tiếp. Anh chỉ còn một nhiệm vụ cuối cùng: trở về Saint Pétersbourg tóm gáy mẹ Yakov. Một tuần sau khi hoàn tất công vụ, trung úy Boris Yarochenko đã tưởng thế là xong, không ngờ lại có thêm việc mới: báo cho Valentina Yakov biết tin con trai mụ đã tự sát ngay đêm bị bắt, bằng cách nuốt chửng món hàng mẫu mới nhất của nó: một cục xà bông, bên trong gã giấu sẵn một ống cyanua.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Mẹo thám tử tư**

Truyện ngắn Úc.
Trung úy cảnh sát của thành phố Sydney bên nước Úc bữa nay rất hài lòng: anh vừa hoàn tất rất nhanh lẹ một cuộc điều tra khó khăn.
Cách đây hơn ba hôm, ngày 6 tháng Hai năm 1960 trong phường anh xảy ra một vụ án mạng. Bà Peggy Marshall năm mươi lăm tuổi, vợ ông chủ ngân hàng Nick Marshall bị chết ngạt dưới chiếc gối bông, ngay trong gian phòng lộng lẫy của bà tại số 1136 đường Hoàng Hậu. Nửa đêm đó, ông chồng đi làm về thì phát hiện sự việc. Hơn nữa, chính ông đã chạm trán hung thủ. Lúc ông bước vào vườn nhà, bất chợt một gã đàn ông xô vào ông rồi bỏ chạy. Vào được trong phòng bà vợ thì ôi thôi, mọi sự đã rồi. Bà đã tắt thở. Toàn bộ nữ trang để trong tráp gỗ đặt trên mặt bàn ngủ đã không cánh mà bay. Không tới ba ngày sau hung thủ đã bị bắt giữ. Người chủ tiệm kim hoàn thấy anh ta gạ bán nhiều nữ trang quý giá đã tố giác. Cảnh sát chỉ việc tới lôi đi…
Bước vào văn phòng trung úy Clark là Francis Barber khoảng hăm lăm, tóc hung bốc lửa, hai tay đeo còng. Anh ta cười gằn hỏi sĩ quan cảnh sát:
- Lão chủ tiệm đồ vàng cũ tố giác, hử?
Trung úy Clark nhún vai:
- Ông ta không muốn dính dấp vào án mạng.
Thái độ Francis đột ngột thay đổi hẳn:
- Án mạng nào? Chuyện gì kỳ cục vậy?
Trung úy hơi gắt:
- Vụ giết bà Peggy Marshall chứ còn vụ nào nữa…
Nghe chưa dứt lời, da mặt Francis đã xám ngoét:
- Không đúng! Tôi không giết!
Viên cảnh sát nhìn gã, vẻ ranh mãnh:
- Tất nhiên, hẳn là thế… Tự bà ta chết ngạt vì chúi đầu vào cái gối trong lúc anh mải chôm nữ trang của bà… Tắt cái trò gạt gẫm trẻ con đó đi, Francis. Chính anh lấy những nữ trang đó, lát nữa chồng nạn nhân sẽ tới nhận mặt anh… Tốt hơn hết là hãy thú nhận ngay…
Francis Barber nhảy bật trên ghế:
- Xin thề độc, tôi không giết người. Để tôi kể ông nghe. Biết nhà Marshall giầu có, tôi lập kế hoạch lẻn vào. Tưởng bữa đó nhà vắng người, dè đâu khi vào lại thấy bà ta nằm ngủ trên giường. Tráp nữ trang đặt tên bàn đầu giường. Tôi lẹ tay lấy hết không làm bà ta tỉnh giấc…
Đúng lúc có tiếng xe hơi vừa dừng ngoài cổng. Ông chồng đi làm về. Tôi vội chạy ra. Tông phải ông ta ngoài vườn… Thưa trung úy, xin thề sự việc đúng như vậy.
Trung úy Clark không đáp. Nhân viên vào báo ông Nick vừa tới. Trung úy ra lệnh mời vào ngay. Vừa trông thấy Francis, chủ ngân hàng reo to:
- Nó đấy!
Đúng nó. Tóc hung hung đỏ. Không lẫn vào đâu được!
Trung úy quay sang nhìn Francis:
- Thế nào? Còn chối nữa không?
Chàng trai giẫy nẩy:
- Tôi cũng nhận ra ngay ông Marshall. Tôi chạy vội nên tông phải ông ngoài vườn. Tôi có chối đâu! Không chối tội ăn trộm. Nhưng tôi không giết vợ ông này. Thề có Chúa chứng giám!
Tháng Mười một năm 1980, đứng trước tòa Francis vẫn một mực thề mình vô tội. Trộm cắp thì có, giết người thì không đời nào. Nhưng bằng chứng buộc tội lại rất xác đáng: đồ nữ trang, lời khai của Nick Marshall thừa nhận đúng là gã…
Ngay luật sư bào chữa cho Francis cũng tránh né không nói nhiều về nội vụ. Ông nhấn mạnh tới tuổi niên thiếu bất hạnh của thân chủ. Bố bỏ đi khi còn rất nhỏ. Mẹ nuôi dạy trong những điểu kiện khốn khó. Hơn nữa, hồi bé đã bị chấn thương sợ não nặng vì té ngã… Vì vậy, đáng được tòa khoan hồng…
Quả nhiên tòa kết luận Francis phạm tội nhưng do quá khứ như vậy nên được hưởng những tình tiết giảm nhẹ. Do đó, chỉ bị phạt mười lăm năm tù giam. Trước khi bị giải đi, Francis kêu lần chót:
- Tôi vô tội! Tôi không giết bà Marshall!
Trong phòng xử, một bà mới trạc tuổi ngũ tuần nhưng trông già trước tuổi quay sang người ngồi kế bên:
- Tôi biết tính thằng nhỏ. Nó la lên vậy là nó bị oan thật… Trong những việc quan trọng, không bao giờ nó nói dối. Tôi tự tôi sẽ chứng minh nó vô tội!
Kite Barber, mẹ của Francis rời công thự Tòa án Sydney. Bước chân vẫn vững vàng không mảy may run rẩy. Bản án giáng lên đầu thằng con không làm bà gục ngã. Trái lại, bà cảm thấy mình có một sức mạnh không ngờ . Và biết rõ cần phải làm gì…
Vài ngày sau bà Kite Barber, vào ngồi trên chiếc ghế trong phòng đợi của nhà thám tử tư trứ danh. Lúc này bà mới hơi run run. Trong chiếc xắc tay đặt trên đùi có 1.000 đôla, tiền vừa bán chiếc trâm hồng ngọc của mẹ bà để lại. Vật quý duy nhất bà có được và thề không bao giờ rời xa. Mới đây, đọc báo bà được biết nhà thám tử George vừa giải quyết rất tài tình một vụ tranh chấp thừa kế rất phức tạp. Bà đặt hết hy vọng vào ông này. Vài phút sau, ngồi trong văn phòng bề thế trang bị cực kỳ hiện đại của thám tử, bà Kite rụt rè trình bày vụ việc.
- Tôi hiểu rõ con tôi. Từ hồi 17 tuổi nó đã bắt đầu chôm chỉa vì không sao kiểm nổi việc làm… Mà tôi thì làm sao chạy cho đủ mà nuôi con. Đâu phải lúc nào cũng có người thuê mướn giúp việc nhà cho họ… Quả tình cháu nó có bị bắt giữ nhiều lần, có ngồi tù một ít thật, nhưng nó không bao giờ giết người…
Kite Barber thò tay vào xắc lấy xấp 1.000 đô:
- Tôi van ông, ông thám tử, xin ông tìm ra thủ phạm cho! Tôi chỉ có bấy nhiêu, nếu chưa đủ, tôi sẽ làm việc đến hơi thở cuối cùng để trả tiền cho ông…
George Higgins phác một cử chỉ tỏ ý không nhận.
- Bà Kite Barber, mong bà giữ số tiền này. Nó có ích cho bà hơn cho tôi. Tôi sẽ làm việc giúp bà, miễn phí. Trường hợp của con bà khiến tôi quan tâm. Đọc tường thuật của các báo, tôi cũng cho rằng thái độ của con bà không giống thái độ của một kẻ phạm tội. - Ông cắt ngang mọi biểu thị nồng nhiệt của Kate. - Xin đừng cảm ơn. Theo một ý nghĩa nào đó, tôi cũng có lợi. Thành công trong vụ này sẽ là một màn quảng cáo rất ăn khách cho công việc của tôi.- Ông nói tiếp - Bà biết không, tôi đã có đầu mối cần tìm rồi. Lâu nay vẫn tự hỏi tại sao cảnh sát không điều tra người chồng. Vậy tôi sẽ làm chuyện đó.
Hiếm khi công việc của George Higgins lại mau lẹ và có hiệu suất cao như vậy. Chưa hết một tuần, ông đã nắm được nhiều điều đáng quan tâm xung quanh nhân vật Nick Marshall. Điều trước tiên: gia sản khổng lồ ông ta đang nắm do bà vợ gây dựng nên chứ không do công sức ông ta. Năm 1948, ông cưới Peggy, con của một đôi vợ chồng chủ trại cực kỳ giàu có. Nick bắt đầu nhảy vào kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng nhờ tiền của bố mẹ vợ. Chưa hết. Qua theo dõi Nick, thám tử phát hiện ông ta có nhân tình, một cô có tên Olivia Bedford hăm tám tuổi, nguyên là thư ký riêng của ông ta, hiện đang được bao trong căn hộ lộng lẫy ở Sydney. Đáng lẽ những việc này phải do cảnh sát tiến hành nhưng họ không nghĩ ra. George nói thẳng với trung úy Clark nhận xét của ông. Ông vốn đã từng là cảnh sát, nay vẫn giữ quan hệ tốt với đồng nghiệp cũ.
- Có bồ nhí, nhưng vướng bà vợ đang về già. Li dị thì mất hết. Đây không phải là động cơ gây án sao, trung úy?
Trung úy Clark lắng nghe rất chăm chú tất cả những phát hiện của viên thám tử tư. Và thấy cần thanh minh:
- Thú thật là tôi không nghĩ tới chuyện điều tra người chồng. Vì cho rằng tội của Francis đã sờ sờ ra đó. Nào ngờ lại có chuyện quái quỷ đến thế!
George gật gù:
- Đúng một tuyệt tác của kẻ lòng lang dạ thú. Sau khi bị Francis tông ngoài vườn. Nick chạy vội vào nhà và thấy vợ đang ngủ say. Nữ trang trên bàn không còn. Một ý tưởng chợt lóe lên trong đầu hắn: Phải chớp lấy thời cơ duy nhất này. Hắn vơ gối, đè Peggy ngạt thở. Hung thủ dĩ nhiên sẽ là tên trộm, bị chủ nhà bất chợt thức giấc trông thấy. Một án mạng kiểu này thật không thể từ chối thực hiện!
- Dĩ nhiên. Nhưng dị bản kia rất đáng chú ý: Francis cũng có thể là thủ phạm.
- Anh hoàn toàn có lý. Chính tôi cũng chưa tin hẳn chuyện Nick giết vợ. Nhưng cần có một cách khám phá ra sự thật. Có điều là… Có thể tôi sẽ cần tới thái độ trung lập có thiện cảm của anh, và có khi còn cần được mấy anh tiếp tay nữa. Bởi lẽ… cách của tôi thật ra không chính thống lắm.
George trình bày kế hoạch. Lát sau ông ra về, yên chí sẽ được cảnh sát hỗ trợ. Cuộc điều tra theo cung cách hơi đặc biệt của ông sắp bắt đầu. Ngay bữa đó, ông gọi tới nhà chủ ngân hàng.
- Chào ông Marshall… xin phép không xưng tên tôi. Tôi có áp phe cần bàn với ông.
George cảm thấy người đối thoại hình như định gác máy, vội tiếp:
- Tôi gọi điện cho ông về chuyện Bedford…
Im lặng ở đầu dây bên kia.
- Thưa ông Marshall, nghề chuyên môn của tôi là trộm cắp. Hồi nãy tôi vừa tới thăm nhà Olivia Bedford. Không kiếm được nữ trang, tiền bạc, nhưng lại được một thứ thú vị hơn…
Nick ngắt lời:
- Không đùa. Tôi không quen cô nào tên là Bedford.
Thám tử thản nhiên nói tiếp:
- Có, có đấy, ông quen thân là khác. Nhưng chắc ông không biết cô ta viết nhật ký… Nó đang nằm trước mắt tôi. Trong đó ghi rõ mối quan hệ giữa quý vị. Cô nàng trước kia là thư ký riêng, rồi bị ông quyến rũ. Điều này không đáng nói. Thú vị hơn là chỗ này này: ngày 7 tháng Hai năm 1980, tức một ngày sau khi vợ ông bị giết, cô Bedford viết trong nhật ký: "Nick thú nhận đã giết Peggy. Thật kinh khủng!…" Ông biết rõ điều gì còn kinh khủng hơn gấp bội chứ, ông Marshall? Đó là nếu cảnh sát nhận được cuốn nhật ký này làm bằng chứng…
Lại im lặng trong ống nghe… Chủ ngân hàng sẽ phản ứng thế nào? Đây là khoảnh khắc bộc lộ sự thật. Phản ứng của Nick rất ngắn gọn, chỉ vỏn vẹn trong hai từ:
- Bao nhiêu?
George đã chuẩn bị sẵn câu trả lời:
- 20.000 đô, tờ nhỏ. Ngày mai, lúc 18 giờ, trong nghĩa trang Bắc Sydney, lối đi số 3.
Ông gác máy. Bây giờ chỉ việc gọi điện cho trung úy Clark báo cáo kết quả và xin điều động cảnh sát tóm cổ Nick khi hắn nộp tiền. Trung úy chấp thuận kế hoạch nhưng muốn biết rõ một tình tiết:
- Tôi không hiểu tại sao Nick không hỏi cô ta về cuốn nhật ký trước khi…
George khoái chí ngắt lời:
- Tôi biết cô Bedford lúc này đang đi tới bên kia trái đất, sang tận nước Anh xa xôi. Làm sao Nick liên lạc được Trung úy thấy chưa, hắn bị dồn vào chân tường…
Hôm sau, vào lúc 18 giờ, trung úy Clark và nhân viên của ông nấp sau những ngôi mộ trong nghĩa trang Bắc Sydney thấy Nick Marshall đi tới, nách cắp chặt chiếc cặp. Lập tức Nick bị vây chặt và bắt giữ. Trong cặp da có 20.000 đô bằng giấy lẻ. Trung úy hét giữa mặt chủ ngân hàng:
- Ông Nick, ta có chuyện cần nói với nhau.
Qua vài giây sững sờ, Nick mau chóng lấy lại vẻ hung hăng vốn có.
- Chuyện gì? Tiền này của tôi, đầu phải tiền trộm cắp! Tôi có quyền dạo chơi với 20.000 đô trong tay chứ, phải không?
- Toàn bằng tiền lẻ? Và trong nghĩa trang?
- Thì đã sao? Ông cho biết đạo luật nào cấm công dân đi dạo trong nghĩa trang mang theo 20.000 đô giấy nhỏ?
- Chúng tôi có nguồn tin riêng, ông Nick! Biết ông tới chuộc quyển nhật ký của người tình Olivia Bedford trong có ghi lời ông thú nhận đã giết vợ.
- Nhật ký nào vậy? Đưa ra coi!
Trung úy thấy tình thế thế hơi bấp bênh.
- Dù sao, ông cũng phải giải thích rõ cho tôi chuyện này.
- Thôi được… tôi đang bị sức ép một cú săng ta về cô Bedford. Thú thật, cô ta đúng là bồ nhí của tôi. Một người như tôi không thể cho phép lan truyền những lời đồn đại lăng nhăng. Tôi tới đây với mục đích dập tắt vụ đó. Còn cái chết của bà xã tôi thì chẳng liên quan gì tới sự này. Vu khống trắng trợn đến thế là cùng.
Trung úy Clark không đôi co, Nick có lý: Không có bằng chứng cụ thể nào buộc tội hắn, hơn nữa hắn thuộc loại có vai vế đáng nể, đụng vào không dễ. Bắt giữ thằng lúc này là chơi với lửa. Nhưng trung úy tin chắc hắn phạm tội, không thể buông tha. Ông sẽ tận dụng thời hạn tạm giữ do pháp luật quy định, hy vọng từ nay tới khi hết hạn sẽ có sự kiện gì mới…
Quả nhiên, sự kiện đó xảy ra ngay hôm sau, dưới dạng chuyến bay London - Sydney. Olivia Bedford từ Anh trở về. Được cảnh sát sân bay cấp báo, trung úy Clack lập tức ra lệnh đưa cô nàng tới văn phòng đồ cảnh sát để đối chất với Nick. Vừa trông thấy Nick, cô ả đã hốt hoảng kêu lớn:
- Tôi không có tội! Không tiếp tay ông ta! Một mình ông ta làm hết!
Nick tái mặt. Hắn biết mình đã thua cuộc, thẫn thờ bảo Bedford:
- Đồ ngu! Ai bảo viết nhật ký!
Olivia Bedford ngơ ngác:
- Nhật ký nào? Anh nói gì lạ vậy?
- Chủ ngân hàng nhăn mặt nhìn viên trung úy:
- Đểu! Quá đểu! Không chính quy nhưng quá giỏi!
Tòa trả tự do cho Francis ngay tức thì. Tuy tội trộm cắp gã phạm đáng phạt tù lâu hơn, nhưng xét thấy trận thử thách vừa rồi đã đủ cho gã đền tội nên tòa cho gã được tự do có điều kiện.
Tháng Sáu năm 1981, chủ ngân hàng Nick và cô bồ nhí ra trước tòa. Cô ả được trắng án, Nick ngồi tù chung thân. Số phận? Francis Barber ra sao đây?
Sau khi được tha, anh kiếm ngay được chỗ làm: chạy giấy tờ cho George Higgins, thám tử.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Chuột sa bẫy**

Truyện ngắn Mỹ.
Năm 1974, sau mười hai năm góa vợ, Kenneth Benson vẫn ở vậy, vẫn điều hành công ty bảo hiểm, vẫn là một triệu phú hiếm có và vẫn ở trong biệt thự mang tên vợ tại Los Angeles. Các tường phòng treo la liệt chân dung người vợ yêu, ngôi biệt thự gần như trở thành đền thờ người đàn bà bạc mệnh. Kỷ niệm xưa không vì thời gian trôi qua mà phai nhạt trong tâm trí Kenneth. Dường như có cái gì đó vỡ vụn, khiến sau mười hai năm ông già hẳn đi…
Hai đứa con trai cũng đã thay đổi nhiều: John năm nay đã mười tám, Spencer mười sáu. Cả hai đều lớn bổng lên, phổng phao, khỏe mạnh. Và thay đổi sâu sắc về mặt tư cách đạo đức. Sau khi Elisa qua đời, người bố tự mình lo việc giáo dục hai đứa con, tất cả tình thương yêu dành cho vợ, bây giờ ông trao hết cho con. Nói là ông cưng chiều chúng có lẽ chưa đủ, vì cưng chiều không có nghĩa là thỏa mẵn bất cứ đòi hỏi nào của con cái. Đằng này, ông Kenneth không bao giờ từ chối một yêu sách nào của hai đứa con. Chúng đòi mua món đồ chơi vừa trông thấy trong tay thằng bạn con nhà tỷ phú ư? Có ngay. Một thằng phàn nàn người hầu của nó không chịu ngồi yên để nó thúc mũi giầy bào mạng mỡ anh ta ư? Lập tức ông chủ ra lệnh đuổi ngay anh hầu. Vừa đủ tuổi quy định, mỗi đứa đều được bố tặng vài ba chiếc mô tô phân khối lớn, sau đó là những chiếc xe hơi. Những chứ không phải một…
Ít lâu nay, ông Kenneth bắt đầu thấy lo lo, John lại vừa tông nát chiếc xe hơi thứ hai của nó. Lần này nó còn làm một người đi đường bị chấn thương…
Spencer tuy mới mười sáu tuổi nhưng không chịu kém. Nhiều lần bị giải vào đồn cảnh sát vì đánh lộn gây thương tích. Cả hai chẳng thiết học hành gì nữa, ngày đêm la cà hết quán rượu này tới hộp đêm khác trong thành phố, tới đâu gây chuyện bê bối tới đó. Mỗi khi các con càn quấy gây thiệt hại ở đâu đó, ông Kenneth lại vung tiền bồi hoàn gấp nhiều lần tổn thất, dàn xếp ổn thỏa chẳng ai thưa kiện thắc mắc gì. Đôi khi ông rụt rè trách móc con liền bị chúng gạt phăng:
- Có sao đâu bố? Vì bố nhiều tiền, khỏi lo. Tuổi chúng con là tuổi chơi bời thoải mái…
Tuy bắt đầu lo lo, nhưng ông Kenneth thấy chưa cần phải mạnh tay, chỉ thỉnh thoảng nhắc nhở qua loa thôi, Ông muốn các con được hạnh phúc trong cuộc sống, niềm hạnh phúc ông không kịp trao tặng trọn vẹn cho Elisa đã ra đi quá sớm…
Lúc hai mươi mốt giờ ngày 06 tháng Ba năm 1974, Kenneth đang ngồi đợi hai con đi từ sáng chưa thấy về, bỗng nghe tiếng còi hụ ngoài đường. Tiếng bánh xe rít trên sỏi. Hai cảnh sát đi kèm John và Spencer giải vào. Viên trung úy lịch sự nói với nhà tỷ phú:
- Thưa ông Kenneth, chúng tôi dẫn hai con trai của ông về. Vì là con ông nên chúng tôi bỏ qua. Nhưng đây là lần cuối cùng.
John và Spencer cười nhâng nháo khi ông Kenneth lo lắng hỏi trung úy:
- Lạy Chúa, chúng nó sinh sự gì vậy?
- Lấy trộm chiếc xe đạp.
- Ủa để làm gì mới được chứ?
Trung úy cảnh sát nhìn thẳng vào mắt nhà tỷ phú:
- Thưa ông Kenneth, ông nên hỏi các con ông thì hơn. Tôi chỉ có một lời khuyên: ông cần quản lý chặt hai cậu con, trước khi quá muộn…
Tiễn chân cảnh sát ra về, ông Kenneth vào hỏi hai đứa:
- Sao các con lại làm chuyện đó? Ăn cắp một chiếc xe đạp, lạ thiệt. Muốn mua mấy trăm chiếc chả được?
Spencer cười nhăng nhở:
- Bố chẳng hiểu gì hết! Xoáy chơi cho vui vậy thôi, để coi thử có những phản ứng gì. Chẳng lẽ chỉ bọn khố rách áo ôm mới trộm cắp, còn bọn con lại không?
Không tự chủ được nữa, Kenneth Benson giang thẳng tay tát giữa mặt Spencer. Phản ứng quyết liệt của người bố lần đầu tiên nổ bùng khiến thằng con choáng váng, đứng lặng hồi lâu rồi co cẳng chạy khỏi nhà. Thằng anh bám theo. Lát sau, tiếng mô tô phân khối lớn gầm lên. Còn lại một mình trong nhà, ông Kenneth bưng đầu gục xuống. Tất cả sự thực phũ phàng đột ngột phơi bày trước mắt…
Lỗi tại ông. Không nuôi dạy hai đứa con với tình thương yêu sáng suốt, ông đã làm chúng thối nát. Đã biến chúng thành quái vật, thành những hạt giống sát nhân. Ôi, giá như mẹ chúng vẫn còn chắc chắn tình hình sẽ khác hẳn, nhưng đau khổ thay, Elisa đã vắng bóng từ mười hai năm nay!
Ngay lập tức, Kenneth có một quyết định dứt khoát. Vốn là con người hành động, khi thấy có vấn đề đặt ra là ông tìm bằng được cách giải quyết rốt ráo. Tin rằng John va Spencer hư hỏng vì thiếu vắng sụ giáo dục của một người mẹ, ông quyết định: mình sẽ tục huyền. Cáng sớm chừng nào càng hay!
Kenneth Benson đã bắt tay vào việc thì tất yếu công việc phải được giải quyết trong thời gian ngắn nhất. Một tuần sau ông chấm được ý trung nhân. Người trúng cử là Dorothy Smith. Một phụ nữ bốn mươi lăm tuổi, tóc nâu sậm, người khô đét và dài như cây sào, khuôn mặt nhiều góc cạnh. Kenneth không quan tâm tới vẻ ngoài không mấy hấp dẫn của người vợ mới. Ông ấn định ngay vị trí và chức trách cho bà ta. Không có chuyện chăn gối gì hết, điều duy nhất phải làm cho tốt: dạy dỗ hai đứa con trai, không để chúng biến thành hai kẻ giết người. Dorothy Smith hiểu rất rõ nhiệm vụ được giao:
- Ông cứ tin ở tôi. Tôi chỉ yêu cầu ông đảm nhận mọi chi phí trong gia đình.
Nhà tỷ phú nhận lời. Đám cưới được tổ chức tháng Sáu năm 1974, rất giản dị. Từ đó tình hình biến đổi hẳn…
Dorothy ngự trị trong biệt thự Elisa như một nữ hoàng tối thượng. Nắm chặt tay hòm chìa khóa, kẻ ăn người ở phải tường trình mọi khoản chi tiêu mỗi ngày. Và dĩ nhiên, John cũng như Spencer đều bị cắt đứt mọi khoản tiêu vặt. Mô tô và xe hơi đều bị tịch thu hết. Việc học hành được mẹ kế giám sát rất chặt, một lời đe dọa được lặp lại nhiều lần: nếu không đủ điểm sẽ bị đuổi khỏi biệt thự, đi nơi khác ở và kiếm việc làm để sống như mọi người…
Thời gian đầu, hai anh em tìm mọi cách chống lại nền trật tự mới, nhưng chúng nhanh chóng nhận ra đối thủ cao tay hơn nhiều. Mỗi lần chúng phản đối đều bị Dorothy trừng mắt nhìn tuyên bố đanh thép:
- Mẹ đã quyết định như vậy, các con cứ vậy mà làm. Không bằng lòng thì đi khỏi nhà này…
Phải công nhận Dorothy rất công bằng, đối xử với hai anh em như nhau nên không đứa nào dám tỵ nạnh. Hai anh em biết thân biết phận nghiến răng chịu đựng, ôm chặt hận thù, giã từ cuộc sống phởn phơ trong hộp đêm, giã từ những cuộc đua xe bạt tử, những canh bạc bốc trời. Chúng phải vùi đầu vào học. Kenneth rất mừng. Nỗi tiếc thương người vợ trước vẫn âm thầm hủy hoại sức khỏe Kenneth rồi một bữa phá vỡ tim ông…
Một tuần sau công chứng viên của gia đình Kenneth Benson mở di chúc ông ta để lại. John và Spencer thực lòng yêu quý bố nên rất tiếc thương, nhưng lúc này chúng chỉ nghĩ tới một điều: được thừa kế gia tài, nhận hàng trăm triệu đôla, được vui chơi xả láng gấp nhiều lần trước… Phen này con mụ già thần nanh đỏ mỏ đừng hòng chọc gậy bánh xe!
Công chứng viên lấy giọng trịnh trọng đọc to: “Tôi để lại cho John và Spencer phần gia tài theo luật quy định tức là mỗi con tôi được nhận 300.000 đôla. Số tiền này sẽ được trao tận tay chúng khi nào vợ tôi là Dorothy qua đời. Tôi trao quyền cho Dorothy quản lý toàn bộ di sản của tôi. biệt thự Elisa là tài sản không chia phần, thuộc quyền sở hữu chung của hai con trai tôi và vợ tôi…"
Hai chàng té ngửa, gần nghẹt thở… Mất quyền thừa kế! Chúng bị mắt quyền thừa kế, chỉ được mỗi đứa 300 ngàn so với vô số triệu rơi vào tay mụ…
Dorothy ngồi thẳng lưng trên ghế bên khẽ nhấc miệng cười… Thì ra mụ đã biết từ trước. Đồ rắn độc!
John va Spencer căm uất nhìn mụ, trong mắt cả hai đứa lóe lên tia lửa hận thù man rợ… Tuy vậy bộ ba vẫn phải sống chung dưới một mái nhà, không ai chịu bỏ phần biệt thự của mình…
Thêm hai năm nữa qua đi. Bây giờ là tháng Ba năm 1979. Sự chung đụng trong biệt thự Elisa đã càng thẳng đến tột bực, mỗi hận thù của hai thằng con đối với dì ghẻ đã lên tới đỉnh điểm. Bỗng nhiên Dorothy Benson bị một cơn đột quỵ. Được cấp cứu kịp thời, mụ thoát chết. Bác sĩ của gia đình khi đưa mụ về nhà, dặn dò hai chàng:
- Điều chủ yếu là bà phải nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Nếu tái phát lần sau thì khó lòng…
"Nếu tái phát thì khó lòng…" Hai anh em chẳng cần đưa mắt, chẳng cần nói với nhau nửa lời đã hiểu rõ bụng nhau. Lời dặn dò ngắn gọn đã rút ngắn số mệnh Dorothy…
Một tháng sau, ngày 24 tháng Tư năm 1979, bác sĩ gia đình của nhà Benson nhận được cú điện thoại cấp báo:
- Mời tới ngay!
Bà mẹ kế chúng tôi ngát xỉu trong bồn tắm. Có vẻ nguy kịch. Bác sĩ phóng xe như bay tới biệt thự Elisa. Lao vào phòng tăm. Thoáng nhìn cũng biết ngay bệnh nhân đã hết thở. Dorothy ngòi bệt trong bồn, đầu lật ra sau, mắt trợn ngươc, mồm há hốc. Khám nghiệm qua loa, bác sĩ kết luận: chết vì suy tim. Ông cấp giấy phép chôn cất. Ông chẳng hồ nghi gì hết, kết cục bi thảm này đã được ông dự báo trước rồi.
Bác sĩ vừa đi khỏi, hai anh em thả sức bộc lộ niềm vui thắng lợi. Vị bác sĩ đáng kính đã sa bẫy. Án mạng đã được chúng dàn dựng tuyệt vời, không một kẽ hở nhỏ. Dù gia tài này có rơi vào tay đứa con gái riêng đời chồng trước của Dorothy thì mỗi đứa vẫn còn 300 ngàn đô và chiếc biệt thự này. "Chà, ngón đòn đúng là tuyệt chiêu! Thì ra mụ ta cũng không ghê gớm lắm. Ăn nhau ở chỗ dám liều. Dám liều nên hai đứa mình toàn thắng. Sự đồng tâm nhất trí của hai anh em mình là yếu tố quan trọng lắm lắm trong vụ này…".
Ít bữa sau, John và Spencer lại có mặt trong văn phòng viên công chứng của gia đình. Con riêng của Dorothy ngồi bên hai anh em. Cô ta là người sẽ đút túi tài sản khổng lồ của nhà Benson. Hai anh em thỉnh thoảng lừ mắt nguýt đầy ghen tức. Nhưng biết không thể xoay chuyển tình thế, chúng ấm ức chấp nhận số phận, cam chịu bằng lòng với phần đã được chia. Và thản nhiên nhìn công chứng viên gỡ xi gắn chiếc phong bì đựng di chúc người mẹ kế. Lần này sẽ không có gì khiến chúng kinh ngạc như lần nghe di chúc của bố. Công chứng viên cất giọng nhà nghề đọc to: “Tôi, Dorothy Benson, tuyên bố người nhận toàn bộ di sản của tôi là Spencer Benson, con trai riêng của chồng tôi…" Không khí trong văn phòng lặng ngắt. Một lát sau, tiếng rú thất thanh, tiếng đổ ghế cái rầm. Con gái Dorothy vùng chạy đi, kêu khóc thảm thiết. Còn lại hai anh em đối diện công chứng viên. Chúng quay nhìn nhau hồi lâu.
Một tuần sau khi mở chúc thư của Dorothy Benson, ngày 09 tháng Năm năm 1979, John Benson dừng xe trước đồn cảnh sát cận biệt thự Elisa. Viên cảnh sát tiếp gã lại chính là trung úy cách đây vài năm đã bắt giữ hắn cùng với Spencer về tội trộm xe đạp.
- Thưa trung úy, tôi muốn lương tâm được thanh thản. Nên mới tố giác: em trai tôi phạm tội giết người. Nó dìm mẹ kế tôi chết ngạt để thừa hưởng gia tài…
Sau phút bàng hoàng dễ hiểu, trung úy hỏi thêm chi tiết. John khai báo cặn kẽ, chính xác. Ngay hôm đó, Spencer bị bắt tại Los Angeles giải về gặp trung úy. Trung úy không rào đón úp mở, ném thẳng vào gã lời buộc tội:
- Anh đã ám hại Dorothy Benson. Dìm bà chết ngạt dưới bồn nước tắm. Nào, khôn hồn thì thú nhận.
Gã tân triệu phú đôla lấy giọng trịch thượng:
- Biết đang nói chuyện với ai không trung úy?
Viên sỹ quan vẫn điềm nhiên.
- Đừng lên gân cho mệt. Tôi biết hết rồi. Anh trai anh đã bật mí.
Nghe vậy, gã gục liền. Nghe trung úy hạ lệnh bắt giữ, gã chợt bật tỉnh:
- Thế còn John? Ông đã bắt hắn rồi chứ? Hai chúng tôi chung sức giết mụ già mà. John Benson bị tóm nốt, cảnh sát Los Angeles thay nhau lấy khẩu cung nhưng gã một mực chối.
- Spencer tự tay làm từ đầu đến đuôi. Nó được thừa kế, đâu phải tôi. Tôi phản đối hành động đó.
Sau bảy mười hai giờ thẩm vấn, gã mới chịu nhận tội. Và tỏ vẻ nhẹ nhõm, thanh thản. Xin một điếu thuốc, rít lấy rít để. Rồi nhếch mép cười mỉm, vệt cười nhếch mép trông kỳ cục chuyển dần thành tiếng cười rũ rượi kéo dài mấy phút không sao kìm nổi. Mãi sau hắn mới nói được giữa hai đợt nấc cụt:
- Hay thật! Hay cực kỳ!… Di chúc của con đĩ già ấy… Tôi vừa hiểu ra rồi… Hiểu tại sao mụ cho thằng Spencer tuốt tuột mà không cho tôi một đồng nào… Mụ biết trước…
Gã ngưng bặt, lấy lại hơi thở dốc.
- Mụ biết trước thế nào cũng bị chúng tôi thịt, nên nghĩ mẹo chia rẽ hai anh em tôi. Cho Spencer hết, để tôi trắng tay, mụ buộc tôi phải nghi ngờ thằng em phản. Và cuối cùng tôi sẽ không chịu thua, sẽ tố giác để nó không được hưởng gia tài. Thế là cả hai đứa đều nhịn luôn. Cả hai chuột đều sa bẫy. Tờ di chúc hay thật!
Cái bẫy tài tình sập một phát được cả hai chuột liền. Dorothy Benson đối xử với hai anh em như nhau, không phân biệt, không thiên vị đứa nào tuy trong di chúc lại làm ra vẻ ưu đãi thằng em hơn. Hội đồng bồi thẩm tòa Los Angeles không phân biệt tội trạng của hai anh em nhà Benson. Cả hai tên đều bị buộc tội ngang như nhau, John và Spencer đều lãnh án tù chung thân.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Mẹ người bị tù oan**

Truyện ngắn Mỹ
Người phụ nữ 58 tuổi này mang cái tên mà các cậu bé, cô bé Mỹ thường đặt cho con chuột bạch nhỏ xíu nuôi chơi trong lồng sắt: Minnie. Kể ra thì cũng có gì đáng ngạc nhiên, vì Minnie không khác con chuột nhỏ bao nhiêu. Trong lồng, chuột miệt mài suốt ngày đạp bốn cái chân quay chiếc vòng không ngơi nghỉ. Trên tầng 40 tòa cao ốc số 56 đường Đông NewYork, Minnie cũng ngày ngày bò bốn chân cọ rửa, lau chùi sàn nhà từ 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng. Sau đó từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều cùng ngày lại tới cọ rửa, lau chùi sàn các hộp đêm trên đường số 42. Ngày lại ngày cứ vậy, không ngơi nghỉ…
Thẻ đoàn viên "Công đoàn Người Lao công" của Minnie ghi: Minnie Rolls. Da trắng, 58 tuổi. Ngụ tại khu Brooklyn. Thế thôi. Thẻ công đoàn không ghi, giấy căn cước cũng không ghi một sự kiện tày đình trong đời sống riêng của bà: năm 18 tuổi chẳng may rơi vào tay một gã du đãng dưới gầm một cây cầu nọ ở Brooklyn. Và từ cuộc đụng độ bất ưng này đã ra đời một chú bé. Minnie đặt tên con là Till để tưởng nhớ người ông nội gốc Áo. Rồi ngay từ đó bắt đầu cuộc đời lao công nhọc nhằn để nuôi thân và nuôi con. Trong 40 năm đằng đẵng, từ 18 đến 58 tuổi, bà đã lết hai gối trên không biết bao nhiêu cây số vuông sàn nhà, chỉ biết rằng hai đĩa xương bánh chè đều mòn vẹt, mười đầu ngón tay thành chai cứng như gỗ. Nhưng vẫn không dám nghỉ, mong sao thằng con không vì đói mà làm liều không bị nay tù mai tội như biết bao đứa cùng cảnh "con hoang". Tội nghiệp Minnie!
Mơ ước chỉ có thế mà cũng không thực hiện nổi: Till bị cảnh sát bắt giam. Người mẹ biết con mình không trộm cắp, không giết người. Bà chắc chắn biết điều bất hạnh đã xảy ra với con bà là ở chỗ nó vô phúc rơi vào một viên cảnh sát nhầm lẫn nó với một tên khác. Hoặc cố tình bắt tội nó để khỏi tốn công truy tìm một tên khác. Chỉ một mình người mẹ biết và tin như vậy. Bữa đó nhằm ngày tháng Chạp năm 1932, Till bảo mẹ:
- Mẹ ơi, xin mẹ tin con. Con làm than suốt ngày trong nhà mình, đâu có lai vãng tới tiệm bán đồ, đâu có biết ai bị giết hồi nào!
Minnie tin. Nên từ bữa đó càng ra sức quét rửa, lau chùi không ngơi nghỉ, vì Till để lại cho bà một cô vợ trẻ và thằng cháu nội mới sinh. Dần dà, một ý nghĩ cháy bỏng nảy ra trong đầu, phát triển thành nỗi ám ảnh day dứt đêm ngày: phải tìm ra hung thủ, giải thoát con khỏi chốn ngục tù oan uổng. Muốn vậy, phải có điều kiện đầu tiên: đôla, thật nhiều đôla. Từ nay không thể ngủ tới 3 tiếng mỗi đêm. Cũng không được ăn mỗi ngày hai bữa... Nhờ nhịn ăn, nhịn mặc tăng giờ lau chùi cọ rửa nên mỗi cuối tuần Minnie lại tới ngân hàng gửi được chín phần mười số tiền vừa lãnh. Nhân viên thu tiền chăm chú nhìn mặt bà già héo hon trước tuổi, nhìn những ngón tay cong queo, khô khốc run rẩy đếm từng tờ giấy bạc, từng đồng xu lẻ. Rồi anh nói vui: “Bà là người lao công giàu có nhất NewYork". Thực ra Minnie đâu có giàu tiền giàu bạc, mà chỉ giàu hi vọng. Hy vọng kiếm đủ 5.000 đôla để cứu con…
Till lãnh án tù chung thân, vào tù từ năm 1932. Đến nay đã 12 năm trôi qua. Minnie đã gom được 5.000 đôla. Bà xin nghỉ việc. Nói với các ông bà chủ đang thuê mướn mình: "Tôi nghỉ xả hơi ít bữa". Minnie về căn nhà ổ chuột của mình tại Brooklyn, ở lỳ trong đó. Một mình vò võ. Vì từ lâu rồi cô con dâu đã bỏ cuộc: cô quá trẻ, quá xinh nên không thể thăm nuôi mãi người tuy gọi là chồng nhưng đã bị kết án tù chung thân. Cũng trong thời gian này, ở cuối thành phố NewYork có một nữ phóng viên trẻ măng của tờ báo nhỏ nhưng đầy tham vọng nổi danh. Cô phóng viên trẻ đang nóng lòng thi thố tài năng. Phụ nữ làm phóng viên ở những năm đầu thập niên 40 đòi hỏi phải thật sôi nổi, cả gan và tài giỏi hơn bất cứ nghề nào khác. Năm 1944 này, nữ phóng viên Elisabeth Falsh mới hai mươi hai tuổi, nhưng đã có đủ những phẩm chất đó. Trong khi những đồng nghiệp nam giới có những đề tài viết về âm mưu chính trị, ngụp lặn trong các vụ ganster, bới móc công đoàn và giành độc quyền về đề tài chiến tranh; Elisabeth có quan niệm khác hẳn họ về nhiệm vụ viết báo. Cô cho rằng tờ báo phải giúp bạn đọc thấu hiểu cảnh ngộ người đồng loại, nhất là những người dân bình thường. Cuộc sống thường nhật của họ thiếu gì những điều vĩ đại, những chuyện khác thường, sao cứ đua nhau vung phí giấy mực tả những vụ li hôn quái đản, những cuộc truy hoan của tỷ phú, những đám cưới hỏi của cô con gái dầu mỏ?
Nghĩ vậy nên sáng nào cô cũng chăm chú đọc mục tin vặt của tất cả các tờ báo trong nước. Sáng 20 tháng Mười, cô đọc trên tờ *Time của Chicago* mấy dòng sau đây: “Giải thưởng 5.000 đôla sẽ được trao tặng cho ai giúp phát hiện hung thủ giết một cảnh sát ngày 6 tháng Mười hai năm 1932. Xin gọi điện thoại số 522-44-16, tiếp suốt ngày". Elisabeth quay số, đinh ninh sẽ nghe giọng một đàn ông tiếp chuyện. Nhưng từ đầu dây bên kia vọng tới tiếng nói nhỏ nhẹ run run:
- Minnie Rolls đây, cô muốn gì vậy?
Tội nghiệp Minnie, từ bữa thuê đăng mấy dòng trên báo, bà đã nhận cơ man cú điện thoại của đủ loại người: lưu manh có, lừa đảo có, thám tử có, mà những kẻ rỗi mồm, tọc mạch và nhân chứng giả cũng không ít. Nên mỗi bận nghe máy bà đều trả lời:
- Xin thứ lỗi, tôi không có nhiều thời giờ tiếp chuyện lâu, nếu ông (hoặc bà) có bằng chứng gì, xin vui lòng viết thư gửi cho ngài biện lý. Bằng chứng nào đáng giá nhất sẽ nhận được tiền thưởng. Minnie không còn cách nào khác. Bà chỉ đủ tiền trả bảy kỳ báo. Tuy có 5.000 đôla gửi ngân hàng, nhưng đó là món tiền bất khả xâm phạm. nếu qua một tuần chưa có kết quả, bà sẽ lại đi làm, dành dụm rồi thuê đăng mấy ngày nữa. Elisabeth khẩn khoản nài:
- Tôi là nhà báo, thưa bà, xin đừng bỏ máy.
- Cũng phải như mọi người thôi. Tôi không muốn mất thời giờ vì tính tò mò của người khác.
- Tôi muốn được gặp bà. Cách bà theo đuổi chẳng có tích sự gì hết, thật đấy. Đời thủa nhà ai lại truy tìm tên sát nhân bằng mấy dòng rao vặt trên báo, như thể rao tìm việc làm?
Minnie đáp rằng con người thường tử tế khi ta cho họ cơ hội và đôla. Bà tận dụng thói ham tiền của các nhân chứng chứ không ảo tưởng tên giết người sẽ hối lỗi. Elisabeth vẫn vật nài đòi gặp. Minnie thẳng thừng từ chối:
- Bữa con tôi bị kết án, báo chí các cô đều im re. Tât cả mọi người không một ai mở miệng. Một cảnh sát bị giết, thế là người ta tóm một thằng bé ngốc nghếch và bắt nó trả giá. Cô muốn biết thì tới hỏi cảnh sát, họ sẽ thuật lại cho mà nghe. Tôi kể sao bằng họ được! Vả lại tôi bận ngập đầu, phải nghe trả lời điện thoại không kịp thở nữa kia. Mỗi giờ ngồi nói như thế này, không đi làm là tôi mất đứt nửa đô. Cô thử tính mà coi, tôi phải bỏ ra mười hai năm quần quật không ăn không ngủ mới tích cóp được 5.000 đôla.
Minnie gác máy. Elisabeth quyết định nhập cuộc, coi đây là sự nghiệp cả cuộc đời mình. Ông chủ báo hỏi cô căn cứ vào đâu cô tin chắc “Mụ già điên" có lý, Elisabeth đáp:
- Vì bà ta tin chắc mình có lý…
Tại đồn cảnh sát, Elisabeth được biết vụ Till xảy ra như sau: Ngày 6 tháng Mười hai năm 1932, một cảnh sát vào cửa hàng nọ uống vại bia, đúng lúc hai tên cướp tấn công người thu ngân. Viên cảnh sát định can thiệp thì bị chúng giết chết rồi biến mất. Bà quản lý cửa hàng khai Till là một tên trong bọn. Till cãi: ngày đó anh ta chở than về nhà, vào đúng giờ đó, vì cô vợ đang chuyển dạ trong bệnh viện, mùa đông năm nay sẽ rất giá buốt, nhà lại có trẻ sơ sinh. Tối đó, có người đàn ông nhìn không rõ mặt tới gọi cửa, nói:
- Chúng đang truy đuổi, tôi van anh, hãy giấu tôi đi…
Sau đó, Till khai thêm: người kia cố tình chui xuống hầm nhà nấp một lát rồi đi không nói năng gì. Anh đã kể hết đầu đuôi với chòm xóm, với mẹ rồi với vợ. Nhưng cảnh sát cho rằng vợ Till đồng lõa với chồng. Bà quản lý cửa hàng khai: "Đúng nó, không sai”. Vậy là đủ để kết tội Till giết người. Chỉ riêng ông thẩm phán điều tra vụ việc coi đây là một sai lầm tư pháp, khốn nỗi ông bị chết đột tử trước khi kịp đòi xem xét lại bản án. Tiền thuê luật sư thì quá cao, vả lại các luật sư đều biết rõ: bào chữa cho kẻ đã giết nhân viên công lực đang thi hành nhiệm vụ là chuyện chẳng ngon lành gì. Till không bị tử hình là do thiếu bằng chứng: bà quản lý cửa hàng không khẳng định chính tay anh ta đã nổ súng… Nắm được diễn biến vụ án, Elisabeth cùng với các đồng nghiệp bỏ ra nhiều tháng đi thu thập thêm lời khai của nhân chứng, tìm gặp từng người trong hội đồng bồi thẩm. Trong khi Minnie đều đặn quay về với chổi và giẻ lau nhà để lại tiếp tục đăng trên báo: "*Giải thưởng 5.000 đôla sẽ được trao tặng cho ai giúp phát hiện hung thủ giết một cảnh sát ngày 6 tháng Mười hai năm 1932. Xin gọi điện thoại số 522-44-16, tiếp suốt ngày*". Elisabeth tới hỏi bà con chòm xóm của mẹ con Minnie. Họ đều nói:
- Cả buổi chiều bữa đó, cậu ấy bốc than đem vào nhà. Sáng sau cậu ấy kể với bọn tôi là có người đàn ông lạ mặt tới nấp ít lâu trong nhà rồi bỏ đi. Elisabeth tới gặp bà quản lý cửa hàng… sau một hồi quanh co cuối cùng bà ta thú thực:
- Mấy chú cảnh sát dặn tôi nhận đúng cậu Till là một tên trong bọn. Thật tình mà nói, cậu ấy hơi hao hao giống, tuy có thấp nhỏ hơn… nhưng tôi nhìn đâu có còn tinh lắm…
Ngày 16 tháng Chín năm 1945, Ủy ban ân xá quyết định thả Till. Anh trở về căn nhà ổ chuột Brooklyn với khoản trợ cấp của chính quyền đền bù cho mười hai năm ngồi tù oan uổng. Trở về nhưng mất vợ, mất con, không biết làm một nghề gì kiếm sống, vì suốt mười hai năm đó anh chỉ được người ta dạy bảo có một điều duy nhất: "chờ".
Líu ríu bên con bước ra khỏi tòa án, mắt bà Minnie ướt đẫm, hai tay ghì chặt trước ngực một bọc nho nhỏ. Bà tới nhà cô phóng viên Elisabeth Falsh, hai tay nâng gói nhỏ đưa cô:
- 5.000 đôla của con đây, cầm lấy. Con rất xứng đáng được nhận món tiền thưởng này của mẹ.
Elisabeth khăng khăng từ chối. Giằng co mãi, bà Minnie mới thuận giữ lại cho mình kết quả của mười lăm tiếng quần quật mỗi ngày trong mười hai năm ròng rã. Bài báo của Elisabeth được đăng trên trang nhất với tựa đề: 65.699 giờ cọ rửa để chùi sạch vết nhơ oan ức trên người đứa con.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Trước ngã ba đường**

Truyện ngắn Mỹ.
Ở tuổi ngoài năm mươi một chút mà được như thế này William Farrell có thể tự coi là thành đạt trong cuộc đời: sau ít năm làm nhân viên quèn cho một ngân hàng lớn, giờ đây ông ngồi trên ghế giám đốc chi nhánh New York với thu nhập mỗi năm vài chục ngàn đô la. Có lẽ cũng vì thế mà William luôn thấy mình còn trẻ. Quả thật, so với bạn bè đồng nghiệp cùng lứa, ông vẫn còn tráng kiện lắm. Dáng cao lớn, thân hình chắc lẳn như hồi mới ba mươi, mấy lọn tóc muối tiêu bên thái dương càng tôn cao những nét dễ ưa trên gương mặt. Tuy có những ưu thế trời cho ấy nhưng ông không để ý lắm vì mải mê công việc. Cho tới năm vừa rồi, khi gặp Cynthia. Hai người tình cờ gặp nhau trong bữa tiệc nhà bạn bè…
Cynthia ba mươi lăm, tuổi chín mọng của phụ nữ. Ngay buổi đầu William đã thấy choáng váng trước vẻ quyến rũ của thiếu phụ, không sao cưỡng nổi sức hút mãnh liệt kia. Tóm lại, ông yêu Cynthia, yêu đến phát điên phát cuồng, phát rồ phát dại… Mối tình vụng trộm đã kéo dài được khá lâu…
William nhanh nhẹn đưa xe vào gara ngôi nhà ông tại một vùng ngoại ô New York. Lúc này là 7 giờ tối ngày 20 tháng Chín năm 1976. Ông nhẹ tay tra chìa khóa mở cửa rồi len lén lách vào, gần như một tên trộm, tuy đây là nhà ông. Vì lúc này, lương tâm không thanh thản. Bóng tối và cảnh vắng lặng trong nhà khiến William trấn tĩnh lại. Rõ ràng bà vợ Marjorie còn đang mê mải với cỗ bài Bridge ở câu lạc bộ, ít nhất cũng mười lăm phút nữa mới về tới. Ông còn đủ thì giờ. Bàn tay phải trong túi run run nắm một vật bé xíu nhẵn nhụi, ông tự nhủ: Lúc này không phải lúc đắn đo suy tính gì nữa, không thể lùi bước được nữa. Ý định đã nghiền ngẫm từ lâu rồi, mọi thứ đã chuẩn bị sẵn sàng rồi, phải ra tay thôi, đừng chần chừ nữa. William lên thang rất nhanh, lẻn vào phòng vợ. Hai người ngủ riêng từ mười năm nay. Khác hẳn hai chục năm đầu mới lấy nhau. Ông đã thực sự yêu Marjorie trong hai mươi năm, nhưng giờ đây tình yêu đó đã thành dĩ vãng, xa xăm, tựa hồ không hề có…
Ông nhẹ tay mở ngăn kéo bàn ngủ của vợ, lấy đúng thứ định tìm: chiếc lọ nhỏ đựng vitamin. Trên nhãn đề rõ: lọ có sáu chục viên, sáu chục viên nhỏ xíu màu hồng mát dịu như màu hồng sơn móng tay của Cynthia. May mắn cho William, nhờ vậy ông chỉ vê cục strychnin cho vừa bằng viên vitamin rồi quét một lớp sơn móng tay lên là xong. Trông y hệt, có khi người bán thuốc cũng không thể phân biệt nổi. William mở lọ vitamin, lấy ra một viên rồi bỏ viên strychnin vào. Ông chỉ nhận ra nó vì nó nằm ngay chính giữa, lớp trên cùng, ngoài ra không có chút gì khác các viên xung quanh. Ông đậy nắp, lắc mạnh lọ thuốc. Trong gian phòng rung lên tiếng nhẹ nhẹ như tiếng lục lạc và ngay sau đó dưới tầng trệt vẳng lên một tiếng động khác: tiếng mở khóa cửa, sau đó tiếng Marjorie:
- Anh yêu, anh ở trên đó phải không?
William vội đặt lọ vitamin vào chỗ cũ rồi chạy xuống đón. Khi ôm hôn vợ, ông hơi rùng mình ghê tởm, nhưng bây giờ thì đã muộn. Cỗ máy đang chạy: Mỗi ngày Marjorie uống hai viên khi ăn sáng; trong lọ có sáu mươi viên, vị chi Marjorie còn sống hoặc một ngày hoặc một tháng nữa. Hôm nay là ngày 20 tháng Chín, Marjorie sẽ chết trong khoảng từ 21 tháng Chín đến 20 tháng Mười. Đích xác ngày nào?
21 tháng Chín, William chạy xe vào khu trung tâm New York. Sáng nào cũng vậy, ông theo con đường này để tới nhiệm sở. Nhìn đồng hồ thấy kim chỉ 8 giờ 30 phút, ông thầm tính toán: mười lăm phút nữa Marjorie sẽ tỉnh giấc, cô xuống bếp nấu món ăn sáng, trở lên lầu, và vẫn bận tấm áo ngủ hoa hoét mà ông chịu không nổi, cô trèo lên giường, kê gối tựa lưng thoải mái rồi uống hai viên vitamin chiêu bằng ly nước cam tươi. Hồi nãy, trước khi đi làm ông đã hé cửa liếc vào: Marjorie vẫn ngủ say, và vẫn để cả một đống “lô” uốn tóc cùng với trâm, cặp tua tủa trên đầu như mọi bữa. Thật khó coi!…
Lúc đó, William chợt mong sao cho sự việc xảy ra ngay sáng nay. Đã quyết thì quyết cho rồi. Đáng lẽ không nên lắc. Cô ta sẽ lấy viên trên cùng, và thế là gọn sau vài phút đồng hồ. Còn bây giờ, đành phải chờ. Có khi phải chờ một tháng. Ngồi vào bàn làm việc quen thuộc từ bao năm nay, William không sao đọc nổi những tờ giấy cô thư ký vừa mang tới. Hai mắt nhìn trân trân vào chiếc đồng hồ đề bàn xinh xắn trước mặt: kim chỉ 9 giờ 5. Sau mười phút nữa có thể gọi được…
Mắt vẫn nhìn trân trân vào đồng hồ, đầu óc tập trung đến nỗi nhìn rõ chiếc kim phút xuống dần, xuống dần con số 3. Chiếc đồng hồ là quà rặng của Marjorie nhân dịp kỷ niệm đám cưới hai vợ chồng, vào dịp thứ bao nhiêu cũng chẳng nhớ nữa. Tất nhiên, ông ta thấy chiếc đồng hồ xấu ghê xấu gớm. Cái cô Marjorie này đâu có phân biệt nổi cái xấu với cái đẹp!
9 giờ 15. William nhấc máy điện thoại. Và bất chợt nhận ra một điều thật vô lý: không sao nhớ ra số điện thoại nhà mình. Mỗi năm ông gọi điện về nhà không tới mười lần, những khi cần báo cho vợ biết tối nay ông mời khách về nhà ăn tối. Thế thôi. Còn thì chỉ Marjorie gọi tới, ngày nào cũng gọi, dù chỉ để nói những chuyện chẳng đáng gì như "bữa nay nhà mình không có thư", hoặc hỏi thăm chồng vài câu…
William vừa tìm được số điện thoại trong sổ. Bấm xong phím số cuối cùng, ông nhịn thở…
Chuông đổ… hồi thứ nhất… thứ hai…
Tiếng chị vợ:
- Alô, tôi nghe đây.
- Anh đây, William đây.
Giọng Marjorie bỗng tỏ vẻ lo lắng:
- Có chuyện gì không anh?
- Không, anh chỉ báo em biết chiều nay anh về hơi trễ một chút.
Marjorie lẩm bẩm có ý không vui, nhưng lại lấy ngay được giọng niềm nở:
- Không sao đâu, anh yêu. Vừa ngủ dậy đã được nghe tiếng anh dù qua điện thoại em cũng thấy vui quá. Thật không ngờ, Mong anh luôn gọi điện cho em như thế này nha!
William thoáng ngạc nhiên nhưng trấn tĩnh được ngay:
- Đồng ý. Từ nay, sáng nào anh cũng gọi điện cho em. Anh hứa.
Suốt ngày hôm đó, William cố hết sức bắt đầu óc tập trung làm việc. Nhưng trong khi đọc các bản thống kê, cân đối thu chi, hóa đơn xuất nhập… cứ có hai con số lởn vởn trong đầu tuy chẳng ăn nhập gì vơi những con số đang sờ sờ trước mắt: 58 - 29… 58 viên vitamin, 29 ngày sống, thời hạn tối đa cho Marjorie…
Chiều đến, ông hăm hở lao tới nhà cô bồ Cynthia. Ông làm việc này vì cô, để có cô cho riêng mình, để bắt đầu một cuộc sống mới, để có được một thời thanh xuân mới. Rất cần gặp cô thật nhanh, vì chỉ khi ở bên người tình ông mới tạm quên được việc mình đã làm. Tuy nhiên ông không cho Cynthia biết. Không dám nói, sợ bị người tình ghê sợ, có thể sẽ hắt hủi mình. Nên William nín thinh không hé răng tiết lộ. Cynthia tiếp đón ông vẫn nồng nàn vẫn thắm thiết hết mình như mọi bữa. Khi đồng hồ điểm 9 giờ ông trở về nhà. Vừa vào tới phòng khách, William giật mình đứng sững Marjorie đứng chờ ông tự lúc nào đang nở nụ cười tươi tắn, giang rộng hai tay đón ông. Bữa nay cô diện tấm áo mới, mái tóc bới đổi kiểu cũng mới, trông thật xinh. Hơn nữa, khác hẳn mọi bữa thấy ông về trễ cô thường cằn nhằn kèm theo hàng tràng dài lời khuyên gìn giữ sức khỏe đại loại “vừa vừa thôi ông ạ, cày thế để mà chết sớm à?"…. thì bữa nay cô không hề trách móc nửa lời. Chỉ nắm tay kéo tuột William vào bếp:
- Nhìn kìa, em nấu toàn những món anh thích nhất.
William chưa kịp cởi áo mưa, đi theo vợ như cái máy, mãi mới hỏi:
- Sao lại làm vào hôm nay?
Marjorie nhoẻn cười nhí nhảnh, ngoẹo đầu nũng nịu:
- Để cảm ơn anh đã gọi điện cho em sáng nay, anh yêu! Lâu lắm mới lại được như vậy, nên em rất sung sướng… Không được quên đâu nha, anh đã hứa sáng nào cũng gọi điện cho em rồi đấy!
Ngồi vào bàn, tuy chị vợ luôn mỉm cười thúc giục nhưng William không sao nuốt nổi những món ăn ngon lành được vợ xào nấu rất khéo. Trong lòng day dứt một nỗi niềm khó tả, pha trộn thương xót lẫn ghê tởm. Bao năm nay ông ta không ngó ngàng gì tới vợ, coi Marjorie chỉ còn là một mớ những thỏa thuận, những thói quen, những định kiến. Vậy mà chỉ một cuộc điện thoại sáng nay đã biến Marjorie thành người phụ nữ đầy sức sống và tình yêu đang âu yếm chăm sóc ông… Nhưng muộn mất rồi… Đã đi thì phải đi tới cùng, đâm lao thì phải theo lao. Bỏ dở bữa ăn, William lên lầu, mặc cho vợ cô níu kéo với đôi mắt hờn tủi ngân ngấn ướt…
Trong ba ngày liên, cảnh khó lòng chịu đựng này cứ như vậy diễn ra. Sáng sáng, William bồn chồn ngồi sau bàn làm việc ở nhiệm sở nhìn trân trân vào chiếc kim đồng hồ mạ vàng chờ lúc nó chỉ 9 giờ 15 phút. Nhấc điện thoại… nghe hồi chuông thứ nhất… hồi thứ hai, rồi nghe tiếng Marjorie sau hồi chuông thứ ba. Càng ngày cô càng tỏ vẻ thích lệ mới này, cô vừa nói vừa cười, giọng đầy âu yếm…
Sau mỗi lần như vậy, khi gác máy William lại tự nhiếc mình dã man vô nhân đạo, lại hạ quyết tâm khi về nhà sẽ ném lọ vitamin thật xa. Vẫn còn kịp dừng lại, vẫn còn đủ thì giờ cứu sống Marjorie…
Nhưng đến tối, sau khi chia tay Cynthia, ý định cũ lại trở lại mạnh hơn, dữ dội hơn: phải đi đến cùng!
Ngày thứ năm, ngày Marjorie uống viên thứ chín thứ mười đã tới. Một bài toán bất ngờ lần đầu tiên xuất hiện. Mọi trưa thứ bảy trước William vẫn tới nhiệm sở làm việc, cả ngày chủ nhật cũng phải đi làm trong khi Marjorie về nghỉ cuối tuần tại nhà nghỉ của hai vợ chồng ở Lockport phía bắc bang New York kế cận thác Niagara. Nhưng thứ bảy này cô ta khăng khăng đòi chồng cùng đi…
Tất nhiên William viện đủ cớ để từ chối, nhưng sau hồi lâu, sợ vợ sinh nghi đành phải nhận lời. Trước khi lên đường, ông không quên lấy lọ vitamin trong học bàn ngủ bỏ vào túi…
Lỡ Marjorie chết ngay bên mình thì rầy rà to!
Thứ hai ngày 27 tháng Chín năm 1976, William ngồi trong phòng làm việc tại nhiệm sở, hai mắt trân trân nhìn kim đồng hồ trên bàn đang chỉ 9 giờ 10. Cố xua đuổi những hình ảnh ngọt ngào trong dịp nghỉ cuối tuần vừa qua mà không sao làm được. Marjorie chưa bao giờ đáng yêu như trong mấy ngày vừa rồi. Cô đòi bằng được hai vợ chồng dắt nhau đi trên con đường bên thác Niagara, đoạn đường hai người đã cùng đi hồi mới cưới. Và khiến ông nhớ lại nhiều điều nhiều cảnh đã vùi sâu trong ký ức từ lâu…
Lần này William thấy cảm động, bối rối hơn bao giờ hết. Và nao núng lưỡng lự hơn bao giờ hết. Nên dừng tay chăng? Vẫn còn kịp mà!
Nhưng rồi như bị ma đưa lối quỷ dẫn đường, bàn tay lại run run lấy chiếc lọ trong túi bỏ vào hộc bàn ngủ trong phòng Marjorie. Chắc bây giờ Marjorie đang đợi cú điện thoại buổi sáng, cú điện thoại đã trở thành mòn quà quý giá không thể thiếu hàng ngày. William liếc nhìn đồng hồ: 9 giờ 20. Ủa, sao nhanh vậy, trễ 5 phút rồi. Tay run bắn lên, ông nhấc máy, bấm số. Hồi chuông thứ nhất… hồi chuông thứ hai… Đây là lúc Marjorie cầm máy… Hồi chuông thứ ba đổ ở đầu dây bên kiea, một hồi nữa, rồi một hồi nữa…
Sau hồi chuông thứ mười, William quăng máy đâm bổ ra ngoài…
Đáng lẽ phải ngồi yên tại chỗ và đợi, như kịch bản đã vạch sẵn, vả lại đây là điều chờ đợi, mong mỏi từ lâu nay mới tới, sao lại hốt hoảng như vậy?
Trên đường chạy xe hết tốc độ để về nhà, William chợt nhận ra mình đã phạm sai lâm nghiêm trọng…Đáng lẽ không nên hạ sát Marjorie ở thời điểm hiện tại… Nếu cô ta chết ngay ngày đầu, ngay từ viên thuốc thứ nhất, không đáp lại cú điện thoại đầu tiên ông gọi cho cô sau bao nhiêu năm, mọi sự sẽ diễn ra trót lọt chẳng có vướng mắc gì, theo đúng kế hoạch dự tính. Nhưng sự việc xảy ra theo quy luật của nó: do thấp thỏm, nơm nớp mỗi ngày, ông đã phải gọi điện cho vợ, và giữa hai người đã có những cuộc trò chuyện được nối lại sau nhiều năm đứt đoạn…
Không biết từ lúc nào, tận đáy sâu tiềm thức, William không muốn giết vợ nữa. Tuy lý trí chưa nhận biết thật rõ rệt nhưng thâm tâm đã chấp nhận, đã mong muốn Marjorie vẫn tồn tại, với những tật xấu, những lố lăng vốn có, với tình yêu chồng theo kiểu riêng của cô. Vậy mà ông lại giết chết cô rồi!
Về tới nhà, William Farrell chợt cảm thấy còn một chút hy vọng mong manh. Biết đâu đấy, có khi Marjorie không ở trong phòng ngủ khi ông gọi điện về? Có thể đang sửa soạn bữa sáng trong bếp chẳng hạn…
Trước khi nhảy từng bốn bực một lên cầu thang, William liếc nhìn vào bếp: không có người. Đạp cửa phòng trên của Marjorie chạy vào: cô nằm gục trên giường, ly nước cam trống trơn bên chiếc lọ đựng những viên vitamin màu hồng. Một tay vắt lên máy điện thoại, có lẽ phút cuối cùng cô định gọi chồng cầu cứu…
William nhảy bổ tới nhấc điện thoại gọi Parker, bác sỹ của gia đình. Rồi cố tìm cách cứu chữa Marjorie bằng nhưng phương tiện gặp chăng hay chớ: đắp khăn ướt, xoa bóp, hà hơi thổi ngạt. Không một giây nào nghĩ mình đang hành động hết sức phi lý: mới tối qua thôi, chính tay mình đặt lọ thuốc vào ngăn kéo kia, chính tay mình đã giết vợ. Gây án mạng có chủ định, hơn nữa, có thể coi là án mạng được lặp lại mỗi ngày, bởi lẽ mỗi ngày ông ta đều có thể cứu sống vợ nhưng vẫn để mặc. Bây giờ đứng trước người vợ sắp chết, hoặc chết rồi không chừng, William quên hết mọi chuyện. Bác sỹ Parker vừa tới. Không cần hỏi han vô ích, bác sỹ tới ngay bên giường. Sau vài giây khám nghiệm, bác sỹ lắc đầu. Hết hy vọng. William gục xuống khóc nức nở. Bác sỹ hỏi ông: “Bà nhà có hay dùng thuốc ngủ hoặc có xài ma túy không?", ông chỉ lắc đầu, không nói. Bác sỹ Parker thở dài buồn bã. Ông quen biết hai vợ chồng từ hai mươi năm nay, đã trở thành bạn thân của họ, nhưng ông vẫn phải làm phận sự của mình.
- Tôi rất tiếc, ông bạn thân mến. Tôi không thể ký chứng nhận khai tử được. Đây là một vụ đầu độc. Phải chờ nhà chức trách mở cuộc điều tra.
William không phản ứng gì khi nghe nói "mở cuộc điều tra”. Một tuần sau, khi cuộc điều tra bắt đầu ông ta cũng không phản ứng gì. Mổ tử thi Marjorie, bác sỹ pháp y phát hiện một lượng strychnin chết người. Chồng nạn nhân rõ ràng là kẻ đáng nghi, nhưng các điều tra viên chưa lần ra manh mối, vì William chỉ trả lời các câu hỏi của họ rất lấp lửng, thậm chí tránh né. Ông ta chưa hết bàng hoàng trước cái chết của người vợ.
Thực ra, William đang lẩn trốn sau một màn sương, một trạng thái tranh tối tranh sáng, hòng thoát khỏi mọi hồi ức đau buồn, thoát khỏi nỗi hối hận không sao chịu nổi. Vì vậy ông ta trả lời cảnh sát bằng những câu rời rạc, thậm chí ngớ ngẩn. Như khi giải thích lý do tại sao bữa đó bỗng nhiên ông về nhà vào một thời điểm khác thường như vậy. Ông ta có thể trả lời: do vợ gọi về giúp vì cô ấy đột nhiên khó ở. Nhưng trái lại, ông ta nói chính mình đã gọi điện về nhà và không thấy trả lời nên chột dạ quay về.
- Tôi vẫn thường gọi điện cho vợ tôi lúc 9 giờ 15 phút sáng. Lần nào cô ấy cũng nhấc máy ở hồi chuông thứ ba.
Biết khó moi được điều gì ở ông ta, cảnh sát lần theo đầu mối khác. Họ theo dõi việc đi lại, nghe lén điện thoại mong phát hiện một cô bồ nhí nào đó của William. Nhưng không thấy gì, họ cho rằng cuộc sống riêng của con người này hoàn toàn trong sáng không một gợn mây. Tối nào cũng đi thẳng một mạch về nhà đóng kín cửa không tiếp ai. Những cú điện thoại gọi tới đều của bạn bè thân hữu muốn an ủi ông ta cho khuây sầu nhưng không được, ông toàn nhắc tới Marjorie giữa hai tiếng sụt sùi. Đúng là một người góa bụa không thể nguôi ngoai. William Farrell không đóng kịch chút nào. Sau khi giết vợ, không lúc nào ông nghĩ tới chuyện gặp lại con người đã từng là nguyên nhân khiến ông phạm tội. Toàn bộ dĩ vãng, một dĩ vãng không sao chịu nổi bỗng chốc phai mờ. Chỉ còn đâu đó, trong sâu thẳm tâm hồn một cái gì mà ông biết là không nên làm thức dậy, trong đó có Cynthia. Cùng với tất cả các thứ khác, Cynthia đã biến khỏi tâm trí William ngay lúc Marjorie tắt thở…
Sau thời gian điều tra cực ký công phu tỉ mỉ như kiến tha mồi, cảnh sát New York mới thu thập đủ bằng chứng William Farrell phạm tội. Họ kiểm tra sổ bán thuốc của tất cả các cửa hàng dược ở Lockport và ở vùng có nhà nghỉ của đôi vợ chồng. Trong những tháng trước khi xảy ra án mạng, không thấy có tên William Farrell trong danh sách những khách hàng mua strychnin. Song cảnh sát không vì vậy mà bỏ qua, họ tỏ ra là những người đặc biệt kiên nhẫn và tài giỏi: lần lượt gặp từng người có tên trong danh sách. Và một người hàng xóm nhà William đã day tay mím miệng thề rất độc: “Tôi đâu có mua strychnin hồi nào!" Khi tới đối chất, người bán dược phẩm nhận ngay ra William. Ông này bưng hai tay ôm chặt đầu như thể đang cố lục lọi hồi ức về quá khứ xa xăm. Rồi tuyên bố rất bình thản tựa hồ nói về một kẻ nào khác.
- Vâng, đúng tôi. Chính tôi đã giết cô ấy…
Tuy vậy, William không phải ra trước tòa. Ba tháng sau khi bị tạm giam, một cơn đau tim đột ngột đã thay luật pháp trần gian đưa con người sám hối muộn màng này xuống hỏa ngục.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Cuộc chơi xả láng**

Truyện ngắn Mỹ.
Ernest Foutch ba mươi hai tuổi là một người Mỹ bình thường, không dễ mến cũng không dễ ghét, không đần độn, không độc ác. Hồ sơ tư pháp không ghi anh ta làm nghề gì, chỉ miêu tả hình dạng: tóc màu hạt dẻ, mắt xanh xám, Ông ta rất lo: nếu Margaret cứ hôn mê như thế này rồi đi thẳng sang thế giới bên kia, việc truy tìm hung thủ sẽ rất khó khăn nếu không nói là gần như không thể được. Nhưng bác sỹ cương quyết không cho gặp nạn nhân: cô bé vẫn đang bất tỉnh, dù vào gặp cũng chẳng hy vọng lượm được lời khai nào.
- Đúng thế - Viên cảnh sát cố nài - nhưng ít ra cũng cho tôi xem mặt. Thật kỳ diệu, bộ đồng phục màu xanh dương của viên cảnh sát đã tác động như phép lạ tới Margaret trước cặp mắt kinh ngạc của mọi ngưồi, cô bé nhỏm dậy kêu lên:
- Thằng Ernest.
- Ernest nào, họ gì?
- Ernest Foutch…
Cô bé thều thào rồi lập tức hôn mê trở lại. Bác sĩ nhẹ nhàng đẩy viên cảnh sát ra cửa, tin chắc nạn nhân đang bắt đầu hấp hối. Xe cảnh sát hú còi inh ỏi tới đậu trước nhà Ernest Foutch. Hắn chẳng cần giả bộ kinh ngạc mà thực sự sửng sốt thấy cảnh sát ập tới lẹ thế. Tuy vậy, tất nhiên hắn chối bai bải:
- Thưa, đúng là cả ngày thứ bảy và một phần chủ nhật tôi ở cùng Margaret, nhưng từ chiều chủ nhật không thấy cô ta đâu hết.
- Thôi đi, chính cô bé đã tố cáo anh. Ernest trợn tròn mắt không tin, lẩm bẩm:
- Vô lý. - Vẻ sửng sốt lúc này cũng không phải là đóng kịch, hắn hỏi - - Cô ta tố cáo tôi à? Thật chứ?
- Thật, trong bệnh viện… Cô bé đã tỉnh lại giây lát, vừa đủ thì giờ khai ra tên anh.
- Cô ta mê sảng đó thôi. Hoặc định nói điều gì đó nhưng mấy ông hiểu sai đi.
Viên cảnh sát túm ngực Ernest:
- Để rồi coi.
Lát sau, Ernest tay đeo còng, đi giữa toán cảnh sát áp giải, phía sau là viên cảnh sát già trong hành lang bệnh viên. Ngang qua bố mẹ, bạn bè của Margaret mà số đông là chỗ quen biết lâu nay, hắn lải nhải không ngớt:
- Đâu phải tôi. Xin cam đoan, xin thề độc là không phải tôi. Chắc các vị cũng tin rằng không phải tôi. Ông cảnh sát đây lầm to rồi. Có thể Margaret đã kêu tên tôi nhưng kêu tên là một chuyện, tố cáo tôi là hung thủ lại là một chuyện. Chuyện này thật vô lý.
Bố mẹ Margaret đều rất đỗi phân vân. Họ vẫn coi Ernest Foutch là một chàng trai tốt bụng, không thể làm hại ai bao giờ. Cậu ta say đắm con gái họ, điều đó là hiển nhiên, nhưng con người tử tế và bình thường này khó có thể giết người. Ông cảnh sát già có khi lẩm cẩm hiểu sai ý Margaret cũng nên.
Ernest đã hoàn toàn trấn tĩnh sau mấy phút bàng hoàng hoảng hốt ban đầu. Ngay cả khi viên cảnh sát mở cửa phòng bệnh rồi ra hiệu bảo hắn vào, hắn vẫn bình tĩnh. Nghĩ bụng: "Chúng dựng cảnh này để chơi đòn cân não mình đây. Nhưng hắn sợ. Con bé nằm ngay đơ thế kia, mặt mũi trắng bệch, thở không ra hơi, sắp tử đến nơi làm quái gì được”. Hắn quay nhìn bác sĩ. Thì thầm rất lễ phép:
- Thưa bác sĩ, khi cô ta nói lên tên tôi, bác sĩ có hiện diện tại đây không?
Bác sĩ gật đầu.
- Lạ nhỉ. Vô lý hết sức, không thể có chuyện đó…
Bác sĩ cam đoan có nghe cô ta kêu tên Foutch chứ?
- Không… - Bác sĩ thừa nhận - Tôi đang đứng đây thì nghe cô ta nói một cái tên. Tôi cho rằng, nói đúng ra thì tôi tin chắc rằng cô ta nói tới một người tên là Ernest. Sau đó còn thều thào nói lên một tên họ gì đó nữa tôi nghe không rõ… Ông cảnh sát cho rằng đã nghe được… còn tôi thì không dám chắc.
Ba người im lặng nhìn nhau. Cô y tá nhìn họ với vẻ khó chịu: nếu cần nói chuyện thì ra ngoài hành lang cho rồi.
- Thưa ông cảnh sát - Ernest vẫn tiếp tục với giọng nhỏ nhẹ - Tôi xin thề không dính chút nào vào vụ này. Tôi sẵn sàng trả lời mọi chất vấn của ông, có điều là không ở đây… và sau khi đã tháo những của nợ này ra.
Hắn giơ hai cổ tay bị còng với vẻ công dân lương thiện bị xúc phạm. Viên cảnh sát bắt đầu bối rối. Rất có thể ông đã nghe nhầm. Vả lại, khi nói tên Ernest Foutch chắc gì Margaret có ý tố cáo kẻ tấn công cô ta?
Trong điều kiện như vậy mà bắt giữ tay này đâu có được. Ông ngó ra cửa định gọi đồng nghiệp đứng chờ ngoài hành lang mang chìa khóa vào mở còng cho Ernest. Ông không tính tới sức sống mãnh liệt trong cơ thể trẻ trung của Margaret. Một tiếng thủy tinh rơi vỡ làm tất cả đều giật nảy, cô y tá vừa đánh rơi lọ thuốc trên tay trợn tròn hai mắt nhìn thẳng phía sau ba người. Cả ba quay phắt lại. Margaret dứt tung dây chuyền máu, lột mặt nạ dưỡng khí, nhỏm hẳn người trên đống chăn, hét lên tuy cổ bị cứa đứt:
- Nó đấy… Nó đấy… Bắt lấy nó.
Sức chống đỡ của Ernest lập tức tan biến. Hắn tái xanh tái tử, hai hàm răng đập vào nhau lập bập, khiếp sợ tột cùng trước lời tố cáo từ thế giới bên kia bắn tới. Vài phút sau hắn cúi đầu thú tội.
Trong cả tháng nằm xà lim chờ ra hầu tòa, hắn cũng như cư dân Corington, mỗi ngày đều trông ngóng nghe tin tức về bệnh tình Margaret. Cô sẽ sống sót? Hay cô sẽ chết?
Cũng như mọi người dân trong thành phố, hắn thực lòng cầu mong Margaret tai qua nạn khỏi. Không phải vì hắn ăn năn hối cải đâu. Mà vì nếu cô bé được chữa lành, hắn sẽ chỉ án tù chung thân là cùng. Còn nếu cô không qua khỏi hắn sẽ phải lên ghế điện là cái chắc. Bọn sát nhân đều thế cả: chúng không gớm tay reo rắc chết chóc cho người khác nhưng chính chúng lại rất sợ chết. Margaret cũng ham sống lắm, nên sau thời gian được cứu chữa cô không chết. Kẻ giết hụt cô nhờ vậy cũng được sống, Nhưng trò Petting Party "gỡ gạc xả láng" vẫn đang thịnh hành, những bậc bố mẹ không để mắt xem con mình chơi với ai, đi đâu vẫn còn rất đông. Nên vẫn còn có những Margaret khác và những Ernest khác.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Hai cha con**

Truyện ngắn Pháp.
Pierrot biệt hiệu "Thộn" ngồi tù lần này là lần thứ tư kể từ khi ra chào đời. Cũng như ba lần trước, lần này bản án lại xác nhận biệt hiệu của gã rất hợp với con người gã: gã thộn tới mức liên tiếp nhiều lần định vượt ngục bằng những thủ đoạn không giống ai sau khi giở trò chôm chỉa cũng chẳng giống ai. Như lần mới đây chẳng hạn: gã lẻn vào ngôi nhà vắng chủ, cầm dao định... nậy cửa két sắt của người ta. Hì hục mãi không bật được cửa, gã ném chiếc két xuống thang gác, tưởng sẽ làm nó vỡ tung. Thấy nó vẫn gan lỳ, gã ôm lên ném qua cửa sổ. Két vẫn trơ trơ. Tức điên lên, Pierrot chôm luôn một chiếc xe tải nhẹ chở chiếc két sắt ma quái về nhà gã. Trong nhà có sẵn đồ nghề: xà beng, búa tạ và nhiều thứ khác... nên sau một hồi loay hoay toát mồ hôi hột, Pierrot buộc được chiếc két ngoan cố phải phơi bày hết kho tàng trong lòng nó: vừa đúng 25 frans. Một thành quả thảm hại!
Càng thảm hại hơn bội phần vì nó khoác lên cổ gã cái án 5 năm tù, để lại ngoài đời cô vợ trẻ với đứa con thơ. Kể ra thì cũng đáng đời, vì Pierrot tái phạm nhiều lần rồi. Bà con xóm giềng thấy gã bị còng tay lần thứ tư đều thở phào nhẹ nhõm: ít ra họ cũng khỏi lo bị khua khoắng các đồ vặt vãnh trong 5 năm gã ngồi đếm lịch. Mà gã có phải con nhà cầu bơ cầu bất hoặc thất cơ lỡ vận gì cho cam! Bố là lính sen đầm rất oai vệ trong bộ quân phục bảnh bao, mồm hét ra lửa đe nẹt dân bất lương, chỉ phải mỗi tội: hết phiên trực tại đồn lại la cà hết quán rượu này đến hộp đêm kia, chẳng lo dạy dỗ gì thằng nhỏ thành ra mới mười lăm tuổi nó đã nuôi miệng bằng bánh mỳ của nhà trừng giới, và lúc này đang lao động cải tạo trong một nhà tù tỉnh lẻ, bằng việc nhồi rơm vào nệm ghế với số tiền công 80 xu một nệm. Năm nay vừa đến tuổi "tam thập nhi lập" gã bắt đầu biết suy nghĩ: bạn bè đều có nghề có nghiệp, cuộc sống ít nhiều ổn định, con cái đàng hoàng. Cả xóm chỉ có một mình gã chưa đâu vào đâu. Lần đầu tiên trong đời Pierrot mới nhận ra rằng: sống lương thiện được nhiều mất ít, sự kính trọng của mọi người đáng quý hơn sự tha thứ. Một bữa cuối năm 1955, Pierrot nằng nặc xin gặp quan tòa. Gã nói với quản ngục:
- Thả tôi ra, tôi có công chuyện cực kỳ hệ trọng phải hoàn tất. Nếu tự do là cái đúng như các vị đại diện pháp luật vẫn giải thích thì ông không có quyền từ chối. Thả ra?
Đúng là lời lẽ gã Thộn. Làm gì có chuyện ra khỏi nhà tù dễ dàng như vậy, nhất là khi mới đếm hết một năm cuốn lịch phải đếm. Chưa đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách tù nhân thuộc diện xét cho ân xá nữa là!
Mà việc gặp quan tòa đâu có dễ, phải có lý do cực kỳ chính đáng, cực kỳ khẩn thiết, tuyệt đối bất khả kháng mới được xét. Pierrot thấy mình có một lý do đủ tiêu chuẩn: gã vừa sực nhớ tới thằng con.
- Tôi có đứa con trai. Bổn phận tôi phải chăm lo cho nó. Việc này không quan trọng sao?
Ông quản ngục có dám cho rằng chăm lo dạy dỗ con cái là không quan trọng không?
- Quan trọng, quan trọng, tối ư quan trọng, biết rồi, khổ lắm. Thằng con chú mày được sáu tháng rồi, phải không? Đáng nhẽ chú mày phải hiểu được điều này từ lâu. Và chịu thương chịu khó làm ăn thay vì ôm két sắt nhà người ta ném qua cửa sổ hòng cuỗm tiền bên trong. Vả lại, chú mày chỉ là bố nó thôi, thằng nhóc còn có mẹ nữa chứ. Mẹ nó chăm sóc con nhất định hơn hẳn chú mày. Chui đầu vào tù rồi, đâu còn xứng đáng mang danh hiệu làm bố! Thôi, nghỉ khỏe, để mẹ nó lo.
Khốn nỗi thằng bé nhà Pierrot tuy có mẹ nhưng là cách đây mấy tháng. Mới bữa vừa qua, gã vừa nhận tin từ con đường chính thức gửi tới tận xà lim. Từ khi vào tù đến giờ gã có lần nào nhận được thư của ai, vậy mà bữa qua lại được trao tờ giấy in tiêu đề cơ quan chính quyền, chi chít những dấu mộc, lời lẽ cộc lốc và hách dịch: "Gửi đương sự Jean X... Báo để đương sự biết: Cô X... người vẫn chung sống ngoài hôn thú với đương sự, người đã nhận là mẹ đứa trẻ do thụ thai với đương sự đã từ bỏ vĩnh viễn quyền làm mẹ thông qua việc cô giao con đương sự cho cơ quan Cứu trợ xã hội. Đứa con trai mang tên Jean, hai tháng tuổi. Xét hoàn cảnh hiện tại, đương sự không có khả năng đảm đương nuôi dạy đứa trẻ vừa nêu, ban giám đốc cơ quan Cứu trợ xã hội đã giao thằng nhỏ cho những người nhận về làm con nuôi. Sinh hoạt phí của nó sẽ do các tổ chức từ thiện chi trả một phần, một phần do đương sự lo liệu tùy khả năng ban quản lao ấn định. Ký tên: Không rõ". Từ sau khi đọc thư, Pierrot không ngớt la to:
- Cho tôi gặp quan tòa, phải thả tôi ra... thằng nhóc nhà tôi gặp khó khăn.
La tới mức quản lao chịu không thấy, phải mách nước hòng xoa dịu:
- Làm đơn xin cấp trên, ban quản lao sẽ chuyển cho.
Thấy đây là một lối thoát, Thộn nghuệch ngoạc viết tờ đơn kể lể tình đầu thảm thiết nói lên nỗi lo về số phận người kế nghiệp vừa tròn sáu tháng tuổi. Mảnh giấy hồi âm viết: "Khỏi lo vô ích. Con đương sự đang ở trong tay những người rất tốt, nó sẽ được nuôi dạy chu đáo. Nếu đương sự lo lắng về mức sống của nó, ngoài giờ làm trong xưởng, hãy nhồm rơm đệm ghế thêm nhiều nữa để tăng tiền gửi nuôi dưỡng con. Chúng tôi có thể giúp đương sự chừng đó là tối đa". Pierrot bắt đầu nhồi đệm cật lực. Tiền công mỗi ghế được 80 xu, tiền ăn phải phụ thêm cho con mỗi tháng 120 frans, vị chi phải làm ngoài giờ 150 ghế. Buổi trưa, buổi tối, sáng tinh mơ, trong lúc các tù nhân ngủ, chơi bài, đi dạo quanh sân... các giám thị đều thấy Pierrot ngồi tựa lưng vào tường xà lim với đống rơm và xấp vỏ đệm, luôn tay nhồi nhồi, khâu khâu. Khi thằng nhỏ lên hai, Thộn đã nhồi được 4700 ghế, được trả công xấp xỉ 4000 frăng. Vậy là gã một mình cáng đáng toàn bộ tiền ăn của thằng con. Nhưng Thộn chưa cho thế là đã làm tròn bổn phận. Gã nói:
- Phải thả tôi ra. Năm nay thằng nhỏ đã lên hai, cần có bố. Tuổi đó là tuổi đứa con rất cần bố. Nó đang học nói, ai dạy nó nói? Nếu không phải là tôi! Tôi không dạy, sau này hai bố con làm sao hiểu được nhau? Tôi là bố nó.
Pierrot được trả lời:
-Yên chí. Nó đã có bố khác rồi, không phải thứ bố tạm thời, chốc lát như cậu. Họ sẽ chính thức nhận nó làm con, nếu cậu chịu cải tạo tốt. Như vậy thằng nhóc sẽ có cuộc sống bình thường nhưng những đứa trẻ khác, khỏi vướng mặc cảm là con một kẻ ở tù vì chôm chỉa.
Pierrot không chịu, nắm tay đập cửa ầm ầm, đòi được gặp nhà chức trách có thẩm quyền, gặp cha tuyên úy trại giam... kiên trì cuộc đấu tranh giành quyền làm cha, cuối cùng, quản lao đành phải cho Thộn gặp quan tòa chịu trách nhiệm thi hành án. Vị này chính là vị quan tòa "của" Pierrot. Vị đã nhẵn mặt Thộn. Lần nào bị điệu ra hầu tòa gã cũng chạm trán ông ta. Và lần nào cũng nghe ông mắng, nửa mắng nửa dạy bảo:
- Pierrot, càng ngày anh càng trượt dài. Phải dừng lại chứ! Anh không phải là người bất trị, không phạm trọng tội, hãy thử tu tỉnh một phen, cố trở thành người ra người coi thử. Nhất định được, cố lên!
Vị quan tòa này rất nhân hậu. Là một trong số không nhiều những người tin chắc vào khả năng cải tạo những kẻ phạm tội với xã hội. Một trong những quan tòa bao giờ cũng giải thích, khuyên răn trước khi lên án, cho dù việc làm đó thường không có tác dụng trong hai trên ba trường hợp, thậm chí chín trong mười trường hợp. Trước mặt vị quan tòa tốt bụng, Pierrot lại mở chiếc đĩa hát cũ:
- Tôi muốn ra khỏi đây, thưa ông. Vì thằng con tôi. Lúc này nó đang rất cần bố. Xin ông thả tôi ra. Xin thề thật độc là sẽ không bao giờ tái phạm nữa.
- Pierrot, anh còn những ba năm nữa. Không thể cho anh ra. Vả lại, ai dám tin lời anh, trước sau gì anh cũng đào tường khoét gạch nhà thiên hạ, không thì lần lưng móc túi người ta. Anh sinh ra không phải để làm bố. Muộn quá rồi, Pierrot. Muộn quá. Tôi đã mấy lần báo động cho anh biết anh đang xuống dốc đấy, nhưng anh đều bỏ ngoài tai. "Thật bất công hết mức", Pierrot nghĩ bụng rồi nói:
- Các vị giảng giải đến nhàm cả hai lỗ tai tôi về công lý suốt bao năm nay. Bây giờ, xin hãy để tôi nói ngài hay cái công lý của ngài đang sắp làm nên trò trống gì. Nó sẽ biết thằng nhóc nhà tôi thành một thằng thộn như tôi. Ngài có biết tại sao tôi dám nói chắc như vậy không? Vì khi tôi bằng tuổi nó bây giờ thì bố tôi qua đời, mộ ông chưa xanh cỏ thì bà mẹ quý mến của tôi đã vội vã khăn gói ra đi theo tiếng gọi của một người đàn ông. Pierrot này bị gửi vào nhà tế bần ở thôn quê, và mới lên năm đã biết giở trò mất dạy. Lên bảy đã biết lấy trộm áo của nhà chủ, lên mười đã biết móc bóp của cô nuôi dạy trẻ lấy tiền đi chơi hội chợ, mười hai tuổi ăn cắp xe đạp, mười ba vào trại cải huấn, mười lăm đi cải tạo, mười bảy vào tù. Sau đó cứ đà ấy tiếp tục dài dài... Thằng con tôi sẽ lặp lại y hệt bố nó nếu không ai đưa nó thoát ra khỏi cái vòng ma quỷ ấy. Ai sẽ đưa nó ra, nếu không phải là tôi? Tôi sẽ lấy lại thăng bằng cho cái cân không cho nó lệch. Phải thả tôi ra!
Quan tòa rất đỗi phân vân:
- Anh biết con anh như thế nào không?
- Tôi có tấm hình đây.
- Chưa gặp mặt, anh có yêu nó không?
- Vì con, tôi quên ăn quên ngủ, nhồi ghế cả ngày lẫn đêm. Tôi sẽ làm tất cả vì con, tất cả mong sao con không trở thành như bố nó.
- Nếu được tha, anh sẽ tiếp tục phấn đấu hết mình vì con chứ?
- Xin thả tôi ra, chỉ như vậy tôi mới có cơ may.
- Chịu khó đợi ít lâu, rồi sẽ được tha.
- Đợi tới ngày đó thì muộn mất. Ngay từ hôm nay nó phải biết gọi tôi bằng bố, tôi phải có mặt để hỉ mũi cho nó hoặc đá đít nó khi cần. Dạy cho nó biết cách sống với người thương yêu nó, thuộc về nó, nó có thể đòi, có thể hiểu mọi thứ, mọi điều... Tôi van ông, hãy cho tôi ra...
Luật sư của Pierrot, ông chủ tịch đoàn luật sư, các bạn tù đều đồng thanh:
- Nên thả anh ta ra. Bằng cách nào đây? Có lẽ phải gộp án này vào án trước, coi vụ két sắt có 25 frans bên trong cũng nằm trong vụ đó luôn, coi vụ vượt ngục không nghiêm trọng như đã kết luật trước đây, cân nhắc kỹ mọi khả năng giảm tội và phải nghĩ thêm những mẹo khác nữa dù có nguy cơ phải gánh chịu nhiều nguy hiểm có thể trút lên vai những người chịu trách nhiệm thi hành án.
Pierrot có may mắn gặp được vị quan tòa rất tốt bụng. Xưa nay ông vẫn tốt bụng với những kẻ trót phạm lỗi lầm. Thấy Pierrot lần đầu tiên tỏ ra thộn một cách khôn ngoan, ông nói:
- Để thử anh xem sao.
Và nhìn Pierrot đang chảy nước mắt vui mừng. Vị quan tòa mang hết tài năng, kinh nghiệm cùng với tấm lòng nhân hậu của mình để xóa tội cho Pierrot.
Ít bữa sau đó Thộn ra khỏi trại giam. Việc đầu tiên là phải tìm cách làm quen với thằng con. Thằng nhỏ vừa thấy cái ông nó chưa gặp hồi nào, mang đầu tóc bù xù, bộ râu gớm chết, nước da xám ngoét, cúi xuống định ôm nó vào lòng thì khóc thét lên, bỏ chạy một mạch không quay lại. Pierrot rất thông cảm, bảo bà nuôi trẻ:
- Nhờ bà nuôi cháu giúp tôi ít bữa nữa. Và nói về tôi cho nó hiểu. Tôi phải đi kiếm tiền nuôi con và nuôi thân. Không lâu đâu. Giờ đây tôi đã đủ can đảm rồi, không sợ khó sợ khổ như trước nữa. Chỉ nhờ bà luôn luôn nói với cháu về bố cho nó quen dần, nói tôi sắp trở về và sẽ ở bên nó mãi. Nếu nó quậy phá, bà hãy nhắc đến tôi và răn dạy cháu... luôn luôn nói về tôi. Tôi sẽ nhanh chóng trở về...
Nhưng con đường hoàn lương đâu có xuôi chèo mát mái như Pierrot tưởng, nó đòi hỏi rất nhiều ý chí, nghị lực. Tình thương con, quyết tâm làm lại cuộc đời để nuôi dạy con đã giúp Pierrot vượt qua mọi trở ngại. Không một xu dính túi, ngay đêm đầu được tự do anh không kiếm đâu ra chỗ ngả lưng, cuối cùng phải trở lại trại giam xin tá túc qua đêm đông tuyết phủ. Trại không nhận, anh phải trà trộn với đám người cầu bơ cầu bất, hòng kiếm chút hơi ấm mong manh từ họ truyền sang. Từ bữa sau, anh đi lượm ve chai ngửa tay xin việc khắp hang cùng ngõ hẻm nhưng chẳng ai dám thu nạp con người có lý lịch tư pháp ghi lắm án tù như anh. Biết thân biết phận, Pierrot không nề hà bất cứ việc gì: kéo bễ lò rèn, lượm giấy lộn cho Đội quân Cứu nạn, bốc dỡ xe tải, chùi rửa bàn cầu, quét đường, gác kho, ban ngày đi bán dạo vài thứ đồ lặt vặt, đêm ngủ vạ vật dưới gầm cầu, thỉnh thoảng may mắn dành được một chỗ trong dạ lữ viện. Và tháng tháng vẫn trả đủ 120 frans tiền ăn của con.
Sông có khúc, người có lúc, hết cơn bĩ cực ắt tới ngày cam lai. Mãi cũng tới ngày Pierrot kiếm được chân nhân viên giao hàng cho một cửa hiệu có ông chủ thương người. Anh được cấp phiếu chấm công, có tiền thuê căn phòng nhỏ, và dám tậu cả một... chiếc quần mới cứng. Bữa đó, Thộn đóng bộ đàng hoàng chễm chệ ngồi tàu hỏa đi đón con, đưa nó tới khoe quan tòa, vị quan tòa tốt bụng "của mình". Đứng trước quan tòa, Thộn ngẩng cao đầu nói dõng dạc:
- Xin ông nhìn kỹ thằng nhỏ này. Đây là con trai Thộn, tên Jean, ba tuổi. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng nó tới trình diện ông trong tư cách ông là một quan tòa. Thộn này dám cam đoan như vậy. Cho tới nay, tin cho biết: Pierrot tức Thộn đã giữ đúng lời hứa. Anh nuôi dạy thằng con trở thành một công dân lương thiện được bà con lối xóm tin yêu.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Chứng cớ nắm trong tay**

Truyện ngắn Anh.
Trên một đường phố giữa trung tâm thủ đô London, một người phụ nữ trẻ đẹp vừa phải, áo quần và nữ trang đáng giá vừa phải đang đứng chờ xe điện. Một người đàn ông đi giầy da bóng loáng, cổ choàng khăn lụa, mặc áo khoác lông thú đang dạo chơi trên đường bỗng đứng khựng, sửa cặp kính trên mũi ngắm kỹ thiếu phụ. Rồi tới bên, cất giọng sang sảng bắt chuyện:
- Xin được tự giới thiệu: nhà quý tộc Winston. Chẳng hay tôi có được hân hạnh đứng đây cùng đợi xe với cô chăng? Mong cô vui lòng cho phép…
Chẳng mấy chốc câu chuyện giữa hai người đã trở nên cới mở thân tình. Wistion được biết: thiếu phụ góa chồng hiện đang sống độc thân, ngày tháng trôi qua trong buồn chán vì còn trẻ mà chưa kiếm ra việc gì làm, nguốn sống chỉ là khoản lợi tức…
Nhà quý tộc tỏ vẻ cảm thông, cau mày suy nghĩ rồi chợt nảy ra một ý hay.
- Vậy thì… Nhưng thôi, chả dám nhờ cậy cô việc này, sợ cô cho là không xứng đáng.
- Không sao đâu, xin ngài cứ nói.
- Thế này nhé, cô gái đáng mến! Hiện nay tôi đang sống một thân một mình trong ngôi nhà quá rộng. Tôi có nhiều đầy tớ nhưng chắc cô chẳng lạ gì đàn ông chúng tôi không quen cai quản họ. Từ lâu tôi đã để tâm tìm kiếm một người quản gia, thực ra là kiếm một nữ chủ nhân để giúp tôi cai quản bọn tôi tớ lười chảy thây, quen làm ăn luộm thuộm, chuyên ăn cắp vặt. Mới gặp cô vài phút mà chẳng hiểu sao tôi đã thấy ngay cô chính là người tôi cất công tìm kiếm bấy lâu. Tôi thường bị công việc làm ăn choán hết thời giờ lại phải đi xa luôn nên thật khó lòng… Mong cô hiểu cho.
- Xin lỗi về câu hỏi hơi tọc mạch: ngài làm công việc gì à?
- Vài hầm mỏ. Một ngân hàng. Vài ba thứ lặt vặt khác… Ý cô thế nào?
- Điều ngài vừa cho biết thật tuyệt diệu. Hoàn cảnh sinh sống của em hiện nay cũng khá dễ chịu nhưng còn khiêm nhường lắm. Từ khi nhà em mất đi, em mắc thêm chứng buồn. Được trông coi cơ ngơi của ngài thật không gì bằng. Không gì bằng…
Nhà quý tộc Wiston mới trạc ngũ tuần, giàu sụ, lại chưa vợ, biết đâu một tổ ấm sẽ được xây nên! Wiston băn khoăn nhìn bộ đồ trên người thiếu phụ trẻ.
- Thưa cô, xin thứ lỗi cho tính thẳng thắn của tôi. Tôi muốn người quản gia phải trang phục sao cho tương xứng với địa vị xã hội của tôi. Cô đừng ngại! Tôi sẽ lo hết. Nhưng trước tiên xin mời cô đi dùng trà với tôi trong đại khách sạn tôi quen. Vừa uống trà vừa thỏa thuận với nhau về các chi tiết. Tôi có thói quen giải quyết công việc thật lẹ, dứt điểm ngay không lề mề mất thì giờ.
Mấy phút sau hai người đã vào uống trà trong đại khách sạn London. Khung cảnh qúa lộng lẫy khiến thiếu phụ choáng ngợp. Nhà quý tộc đưa cô tấm ngân phiếu khá nặng tay để mua sắm nhiều bộ đồ hợp thời trang, một ngân phiếu thứ hai nặng tay hơn nhiều về các khoản: ứng trước tiền công, thanh toán các khoản chi về phí tổn thu xếp nơi ăn ở…
Wiston còn tỏ ra chu đáo hơn:
- Cho tôi được thay mấy món nữ trang của cô bằng những thứ khác đẹp hơn. Đối với cô chắc chẳng có nghĩa lý gì, nhưng tôi rất coi trọng chuyện này.
- Khỏi cần, thưa ngài. Nhẫn của em gắn kim cương thứ thiệt, đôi bông tai cũng vậy.
- Tôi biết. Nhìn qua là tôi biết liền. Nhưng mong cô đừng giận, tôi thấy mấy thứ đó làm theo kiểu hơi xưa. Cô đưa tôi, mấy chú thợ kim hoàn chuyên làm cho tôi lâu nay sẽ gia công lại biến chúng thành những món đồ tuyệt hảo. Chỉ sau hai mươi bốn giờ là hoàn tất. Họ còn có sẵn một sợi dây chuyền tuyệt đẹp, tôi sẽ thêm vào đây để cô có hẳn bộ đồ nữ trang hoàn chỉnh tương xứng với nhan sắc của cô. Tôi muốn cô phải thật lộng lẫy khi tiếp các vị khách của tôi.
Sáng hôm sau, thiếu phụ tới chỗ hẹn. Chờ mãi… không thấy nhà quý tộc Wiston tới. Vàng và kim cương không thấy châu về hợp phố. Giật mình, cô kiểm tra lại các tờ ngân phiếu, thì chẳng tờ nào có tiền bảo chứng tại ngân hàng.
Loại phụ nữ ngốc nghếch dại khờ như cô này không phải ít. Chỉ trong vòng vài tháng, nhà quý tộc Wiston đã vào những nơi có sẵn con mồi: rạp hát, phòng hòa nhạc, vũ trường… dùng những mánh khóe đúng như vậy, nói những câu y hệt như vậy, dụ dỗ được mười bảy cô. Chắc không chỉ có từng ấy, vì nhiều cô há miệng mắc quai không dám trình báo thưa kiện mà đành chịu ngậm quả bồ hòn làm ngọt. Riêng một mình cô thứ mười bảy kịp thời tỉnh ngộ và có đủ can đảm đi báo cảnh sát. Wiston bị tóm cổ.
Tên thật của hắn là John Smith, công dân Anh sinh ở Áo. Hắn bị đưa ra xử tại tòa. Chánh án Fulton kết tội hắn 5 năm tù ngồi vì tội lừa đảo. Đếm hết ba cuốn lịch, Smith được thả. Hắn tung tin sẽ trở về Áo. Và từ đó biệt âm vô tín…
Bốn năm sau, một người đàn ông chứng hơn năm mươi dọn tới London. Ông có vẻ giàu có, trọ trong khách sạn, mướn thư ký riêng giúp công việc giấy tờ kể cả việc thư từ với các cô gái trong vùng. Vì ông là người Na Uy, nói tiếng Anh chưa sõi và càng không viết được tiếng Anh. Tuy vậy ông rất giỏi khoa tán gái, giỏi tởi mức nhiều bà vợ cho vay những món tiền lớn để ông trang trải công nợ trong việc làm ăn, tuy chẳng bà nào biết ông ta làm ăn những gì. Ông sống độc thân nên thỉnh thoảng lui tới các ổ diếm mà cảnh sát London vẫn để ý canh chừng. Tên ông là Beck. …
Thời gian trôi qua. Một hôm, cũng trên đường phố London này, một người đàn ông đỏm dáng tự xưng là nhà quý tộc Wiston tới bắt chuyện với một phụ nữ trẻ vừa phải, đeo những nữ trang vừa phải đang đi trên đường phố. Ông ta mời thiếu phụ đi dùng trà với ông trong đại khách sạn, mời làm quản gia cho ông, đưa những tờ ngân phiếu hậu hĩnh đề cô mua sắm váy áo đẹp, bảo cô giao đồ trang sức cho ông mang đi đánh thành những đồ hợp thời trang hơn… và biến mất. Vẫn diễn viên cũ, kịch bản cũ, những lời lẽ cũ. Một vụ, hai vụ, rồi nhiều vụ xảy ra liên tiếp. Điều rất lạ là có rất nhiều bà mắc hợm. Trong số nạn nhân, không chỉ các mụ khờ dại hoặc tham lam mà có cả những bà có học thức, thông minh, khá giả, có bà góa, có các bà nạ dòng và có cả nhiều cô gái tơ mơn mởn… Đơn thưa kiện xếp thành chồng cao ngất trong Sở Cảnh sát London, tuy vẫn không ít bà chịu ngậm đắng nuốt cay còn hơn ra tòa thưa kiện.
Vào một ngày cuối năm ấy, cô Ottili nữ giáo sư âm nhạc người Đức gặp nhà quý tộc Wiston trên đường Thắng Lợi. Sau vài câu xã giao, cô Ottili mời nhà quý tộc bữa sau tới nhà cô uống trà. Như mọi bận, trong khi uống trà, Wistion tuôn ra những điệp khúc quen thuộc về người quản gia, váy áo, ngân phiếu, nữ trang…
Sau khi vị khách quý tộc ra về, cô Ottili thấy chiếc đồng hồ bằng vàng của mình đã không cánh mà bay. Những ngày sau đó, cô đi tuần khắp các ngả dường, nhìn thẳng mặt mọi người đàn ông gặp trên đường. Một tháng truy tìm như vậy. Cho tới bữa kia, đang đi trên đường cô Ottili bỗng giật nảy: Tên lừa đảo kia rồi! Cô Ottili chạy băng qua đường túm áo gã, tri hô:
- Cảnh sát! Gọi cảnh sát giúp tôi với! Thằng kẻ trộm đây rồi!
Người bị túm áo tỏ vẻ rất ngạc nhiên, cố vùng chạy. Nhưng dân chúng bủa tới đông nghẹt, không còn đường thoát. Tuy cố biện bạch kêu oan, gã vẫn bị điệu về đồn cùng với cô Ottili.
Tại đồn, cô Ottili khai hết đầu đuôi vụ việc, không bỏ sót một chi tiết nhỏ. Cảnh sát mừng rơn: thằng cha này đúng là thủ phạm mấy chục vụ lừa đảo tại thủ đô.
- Tên gì?
- Adolf Beck.
- Anh mạo nhận là nhà quý tộc Wiston?
- Không. Tôi không hề quen biết ông ta.
- Dĩ nhiên! Vì làm gì có nhà quý tộc đó? Tên thật của anh là John Smith, người Áo nhập quốc tịch Anh. Giấy tờ tùy thân của anh là đồ dỏm!
- Đâu có! Toàn thứ thiệt cả. Tôi chẳng hiểu gì hết. Tên tôi là Beck, người Na Uy hẳn hoi. Mà đâu có quen biết cô này! Bữa nay mới gặp lần đầu!
Chiều hôm đó, cảnh sát tổ chức cuộc nhận mặt. Bẩy người đàn ông hao hao giống Beck đứng xếp hàng chung với gã, trong bộ quần áo y hệt gã…
Cả tám người phải quay mặt ra chỗ thật sáng đối diện với mười một bà mới bị Wiston lừa trong một năm gần đây. Không do dự, mười bà chỉ tay giữa mặt Beck: "Đúng thằng này mồi chài lừa lọc chúng tôi. Cam đoan đúng thằng này không sai!". Tất nhiên cảnh sát không nghi ngờ lời xác nhận của những mười bà. Và cũng không thể tin vào lời chối cãi của Beck: gã chẳng viện dẫn được bằng chứng ngoại phạm nào có giá trị, đã vậy, khám nhà gã, cảnh sát thu được mấy tờ biên lai của các tiệm cầm đồ nhận những món nữ trang gã ký gửi. Beck vẫn một mực kêu oan, nói đó là những món quà tặng, là đồ vay mượn của mấy bà, mấy cô thân thiết. Nhưng ai mà tin được!
Tuy nhiên, viên cảnh sát trưởng vốn tất thận trọng, bèn triệu hai thám tử hưu trí trước đây đã tham gia điều tra vụ Wiston - John Smith tới nhận mặt. Cả hai thám tử lão luyện dạn dày kinh nghiệm đồng thanh khẳng định: “Đúng gã đó, không sai”. Một nhân viên đại khách sạn đã nhiều bữa phục vụ trà cho ngài quý tộc cũng quả quyết đây chẳng phải Bếch biếc gì hết, chính là John Smith!
Nhưung Beck vẫn một mực kêu oan, cam đoan không dính líu gì tời John Smith với Wiston. Cam đoan đây là lần đầu tiên trông thấy mười một bà tới chỉ tay day mặt mình. Thề không hề phạm tội nào trong những tội họ trút lên đầu gã. Gã chỉ có mỗi khuyết điểm không đáng gọi là tội: thỉnh thoảng vay mượn chỗ này một món, chỗ kia một ít, và vì có số đào hoa nên được các bà các cô ưu ái, kể cả các cô gái điếm cũng như các bà thuộc giới thượng lưu… Và của đáng tội, cũng có lợi dụng ưu thế đó tí ti chứ không hề lừa đảo ai. Tên họ đích thực là Adolf Beck…
Mặc cho gã kêu gào thảm thiết, mọi người vẫn khăng khăng: thằng này là John Smith, tên tái phạm nguy hiểm số một, chuyên nặn hầu bao những phụ nữ yếu đuối. Không những cảnh sát mà các nhà báo và dân chúng đều tin như vậy. Chỉ riêng có một mình vị luật sư bào chữa cho gã tin ngược lại. Ông cho rằng thân chủ của ông bị oan. Nên ông rất hy vọng vào kết quả giám định của các chuyên gia so chữ. Các chuyên gia so sánh chữ viết của Beck với chữ của John trên các bức thư tình, tuy một đằng là chữ Na Uy một đằng là chữ Anh nên cũng hơi khó. Luật sư còn có một hy vọng thứ hai: Chánh án Flton sẽ buộc tội Beck lại chính là người ngày trước đã xét xử John Smith năm xưa. Vị quan tòa này chắc chắn không thể nhầm lẫn giữa Beck với John, John với Beck. Đứng trước vành móng ngựa, Beck lộ vẻ lo lắng cực kỳ. Cuộc diễu hảnh trước toà của các nhân chứng bắt đầu. Cô Faust khai:
- Chính tên này đưa tôi vào đại khách sạn. Hôm sau lại gặp tôi lần nữa.
Cô Marion:
- Chẳng nó thì ai? Khi dự hòa nhạc, nó đã nói với tôi về Goethe!
Cô Evelin:
- Đúng cái mặt nó đấy! Tôi gặp trong vũ hội các nhà hảo tâm từ thiện. Suốt tôi hôm đó. hắn cặp kè bên tôi không rời nửa bước. Các cô Alice, Sinclair, Ethel, Khoud thảy đều đồng thanh:
- Chính nó! Chính nó!
Các cô líu ríu cung cấp đủ cả ngày tháng, địa điểm, lặp lại những câu đối thoại, những mẩu chuyện… tất cả đều hết sức chân thật khiến mọi người dự phiên tòa đều tin chắc như đinh đóng cột: đúng gã này là John Smith…
Beck hoang mang tột độ, gần như phát điên. Đến lượt các chuyên gia so chữ công bố kết quả giám định. Họ tuyên bố chắc nịch:
- Tuy tên can phạm đã khôn khéo thay đổi cách viết, nhưng hắn làm sao che mắt được chúng tôi. Những chuyên gia đầy kinh nghiệm. Chính tay hắn đã viết những bức thư mà tòa giao cho chúng tôi kiểm định.
Nghe vậy, Beck choáng váng như bị trời đánh. Luật sư tung nốt con chủ bài cuối cùng. Vẻ rất tự tin, ông nói với tòa:
- Thân chủ tôi và chính bản thân tôi nữa xin phó thác số phận vào tay ngài Fulton đáng kính. Ngài biết rõ nhân dạng John Smith bởi lẽ chính ngài đã xử tội hắn tại phiên tòa bảy năm về trước. Thưa ngài Fulton, bị cáo đang đứng trước ngài tại đây hôm nay là ai?
Ngài Fulton nghiêm trang, cả quyết:
- Tât nhiên tôi không thể lầm, và cảng không được phép lẩm. Vì đang phải gánh vác một trách nhiệm cực kỳ nặng nề và vô cùng cao cả. Thưa tòa, tôi trịnh trọng tuyên bố: người này là … John Smith!
Chuyện có vẻ vô lý, nhưng lại có thật trăm phần trăm!
Adolf Beck và John Smith có những điểm rất giống nhau. Cả hai đều là người gốc nước ngoài nên giọng nói tiếng Anh đều lơ lớ trọ trẹ, ngoại hình cũng có những nét hao hao giống, và cả hai đều được phái đẹp thủ đô ưa thích…
Nhưng tất cả những điểm giống nhau ấy cùng lắm chỉ có thể làm cho vài ba nhân chứng nhầm lẫn là cùng. Đằng này có những mười nạn nhân, cộng với một cậu bồi bàn, hai thám tử kỳ cựu và một vị quan tòa lâu năm trong nghề đều bé cái lầm thì thật khó hiểu!
Bỏ qua lời bào chữa thống thiết của luật sư, hội đồng xét xử cứ tuyên án Beck bảy năm tù. Beck vào xà lim với tập hồ sơ John Smith, đội tên của John Smith, đeo số tù cũ và ngồi trong xà lim trước kia của John Smith, gánh chịu muôn vàn khổ ải mà chế độ tù danh riêng cho những tên tái phạm. Trong khi đó, tên John Smith thứ thiệt lâu nay vẫn lẩn quất trong các xó xỉnh London, nay thấy đã có người ngồi tù thay, bèn chuốn sang Mĩ làm ăn dưới cái tên "Bác sĩ Master". Thủ phạm đã bán sới, các vụ lừa đảo ở London không còn người trình diễn, Mọi người càng vững tin: pháp luật đã trừng trị đúng thủ phạm. Beck càng bị coi là John!
Nhưng vị luật sư của Beck vẫn không chịu bỏ cuộc. Công sức ông bỏ ra cuối cùng dẫn tới một sáng kiến tài tình. Sau mấy trăm lần cặm cụi lật đống hồ sơ John Smith, ông phát hiện tờ chứng nhận tên này theo đạo Do Thái. Mọi người đều biết đạo Do Thái có một nghi lễ bắt buộc đối với mọi bé trai: cất bao quy đầu. Qua khám xét, thấy rõ Beck không bị xẻo mất khoản đó. Sự thật hiển nhiên như vậy, nhưng nhà chức trách không chịu thừa nhận, không trả tự do cho Beck. Với tài liệu do luật sư vừa phát hiện được việc xác minh Beck là Beck hay là John đâu có khó? Chỉ cần hỏi mấy bà đã chỉ mặt Beck là biết liền: Làm gì các bà chả từng nắm cái… bằng chứng đó trong tay!
Vị luật sư tận tụy với thân chủ lần này cam chịu thất bại. Beck ngồi tù sáu năm mới được tạm tha. Anh bỏ ra nhiều món tiền lớn hòng chứng minh mình vô tội nhưng chẳng kết quả gì. Đã thế… Sau khi Beck được tạm tha, ở London lại có những phụ nữ bị quyến rũ, họ trao hết nữ trang cho Wiston, nhận những tờ ngân phiếu vô giá trị… Đơn thưa kiện lại ùn ùn gửi tới cảnh sát. John Smith vẫn còn lưu luyến phụ nữ London, nhưng búa rìu lại nhè đầu Beck giáng xuống. Vì các bà lại chỉ mặt anh ta, thề không nhầm đến một sợt tóc. Ra trước tòa lần này, chàng Beck tội nghiệp không cãi, không nói, không gào lên được nữa. Bất chấp mọi quy tắc phòng xử án, anh ta ngồi phệt xuống, ôm mặt khóc nức nở. Vừa phải ngồi tù thay thằng khốn kiếp sáu năm đằng đẵng, nay lại bị gán ghép tội tái phạm, cầm chắc sẽ lãnh mười năm đếm lịch! Trời cao đất dày có thấu chăng?
Thấy bị can khóc lóc thảm thiết, chánh án hơi phân vân. Chỉ hơi hơi thôi, vì ông đã từng thấy nhiều tên lưu manh giả bộ oan ức, khóc lóc hòng làm mủi lòng thiên hạ. Dù sao ông cũng hoãn tuyên án trong mười lăm ngày và đòi cung cấp thêm chứng cứ. May thay, sau bảy ngày ngồi tạm giam, Beck đang chờ một tuần nữa ra tòa lãnh thêm bản án nữa thì Wiston lại tái xuất giang hồ. Lần này nó phạm sai lầm "bắt cá hai tay", cùng một lúc cặp bồ những hai cô gái. Một trong hai cô nổi cơn tam bành, bám theo hắn tới tiệm cầm đồ, gọi cảnh sát…
Wiston bị bắt quả tang. Báo chí cả nước làm ồn ào xung quanh vụ bê bối, chỉ trích dữ dội các sai sót điều tra, xét xử. Các chuyên gia so chữ thú nhận sai lầm, xin rút kết luận trước kia. Quan tòa Fulton bị khiển trách. Hệ thống xét xử của Anh có thêm một cơ quan mới: tòa Phúc thẩm Hình sự. Tòa quyết định phục hồi danh dự, phục hồi quyền công dân của Beck, bồi thường cho anh 5.000 bảng. Năm năm sau, Beck qua đời trong cô đơn vì bệnh sưng phổi do hậu quả những năm oan ức trong nhà tù ẩm thấp của London sương mù… Beck chết oan uổng vì có những hai chục bà nhất quyết khẳng định anh là tên lừa đảo, chỉ có ba người chịu nhận đã khai lầm. Công luận cho rằng hai chục bà kia sợ phải trả lời câu hỏi cắc cớ: "Ngài Wiston có theo đạo Do Thái không?”.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Bông cẩm chướng đỏ**

Truyện ngắn Mỹ.
Harrison Swanbank soi gương chải mái tóc muối tiêu lấp lánh như ánh bình minh rồi cài bông cảm chướng đỏ lên ve áo. Tấm gương phủ kín bức tường, từ sàn lên tới trần căn phòng ngủ, trị giá 3.000 đô. Đang ở tuổi năm mươi sung sức. Harrison là chủ tịch một ngân hàng lớn ở New Jersey. Ông có một con trai đang học Harvard, một con trai thứ hai học trường đào tạo sĩ quan. Bản thân ông là một nhân vật quan trọng, đảm nhiệm toàn những việc lớn lao. Tấm gương đồ sộ trong khung mạ vàng phản chiếu hình ảnh một con người toàn bằng vàng. Chỉ có một điều không may trong số phận: bà vợ mới qua đời năm rồi. Bà đang yên nghỉ trong ngôi mộ cẩm thạch, dưới bóng hai cây dương chở từ Ý sang. Tối nay, sau một năm sống cô đơn trong ngôi nhà mênh mông, lần đầu tiên ông Harrison cảm thấy trong người thư thái, lòng vui như mở hội, rũ bỏ hết nỗi buồn bực thói thường vẫn dằn vặt ngay cả những người thành đạt nhất trong cuộc sống. Ông đã gặp nàng trong hộp đêm Boya. Một thiếu phụ tóc nâu nhỏ nhắn, rất có duyên, trong ánh mắt luôn phảng phất nét buồn dịu dàng của những cô gái mồ côi sớm chưa bao giờ được hưổng sung sướng trên đời. Loại người mà khi vừa gặp ta đã muốn năm lấy tay mà an ủi, mà ngỏ ý chở che, mà hứa hẹn sẽ từ nay chăm sóc, nâng niu. Ông đã khiêu vũ trong vòng tay cô và cảm thấy vô cùng thanh thản trong vòng tay ấy. Sau đó, ngồi bên cô thủ thỉ tâm tình, ông mỉm cười tự nhủ: "Sao lại không?" Tối nay Harrison lại ngắm mình trong gưông. Lấy một bông cẩm chướng đỏ cài lên ve áo, mỉm cười hài lòng với bóng mình trong gương. …
Hai người cưới nhau đã ba tháng nay. Bartolo tràn đầy niềm hạnh phúc kỳ lạ. Nàng quả là con người có một không hai. Mỗi phút bên nàng là một phát hiện mới, một khám phá mới. Harrison có thể ngồi hàng giờ nghe nàng nói mà không thấy chán, ông lim dim mắt tận hưởng làn da tay ghì trên cổ luồn vào mái tóc mượt mà … và sung sướng thấy nàng mừng rỡ như trẻ con khi nhận những món quà đắt giá ông trao tặng: những váy áo thời trang lộng lẫy, chiếc xe Cadilac mui trần. Ông còn mở cho nàng một tài khoản ở ngân hàng. Không bao giờ hỏi nàng tiêu pha những gì, cũng không hỏi vì sao nàng đánh mất chiếc trâm hồng ngọc đáng giá tám ngàn đô. Ông chỉ ước ao nàng ở bên ông mãi mãi, được cưng chiều nàng mãi mãi. Khi mắt nàng sáng rực lên như mắt đứa trẻ vừa nắm chắc trong tay món đồ chơi thiéch thú và nũng nịu: "Anh cưng em quá trời, em đâu xứng đáng?”, Harrison sung sướng muốn nghẹn thở. Cô nàng nói câu đó - "Em đâu xứng đáng” - Là một câu rất thành thực. Lúc này cô đang ngồi bên gã Bonzenti cao to đang mút mẩu xì gà từng hơi ngắn. Gã vặn vẹo người tình:
- Mày đang thòng lọng với thằng nào vậy?
- Một thằng rất sộp: loại số dách của New Jersey. Tiền như nước.
- Cắn câu chưa?
- Còn phải hỏi!
Bonzenti ngồi lọt hẳn vào ghế bành, ngắm nghía chiếc đồng hồ vàng trên tay. Cô ả hỏi:
- Được không?
Bonzenti mím chặt môi gật đầu ra vẻ sành sỏi tồi xác nhận:
- Tuyệt đấy, cô bé. Khó lòng kiếm được thứ này. Cảm ơn em nhiều nhiều.
Ả vuốt mái tóc bù xù của gã ta, khoe:
- Em đưa anh bao nhiêu thứ của lão tặng em, vậy mà chẳng bao giờ thấy lão vặn hỏi chúng biến đi đâu. Nhiêu khi chính em lại cảm thấy hơi ngường ngượng thế nào ấy. Anh không thể biết lão mê em tới mức nào. - Ả cúi xuống - Thế còn anh, có yêu em bằng chừng đó không?
Bonzenti vít đầu ả đặt lên đùi, hôn vào cổ vào gáy.
- Có mà điên! Anh ghét em thì có. Em như thuốc độc ấy!
Harrison ngồi một mình trong phòng khách. Phòng lạnh lẽo. Người cô đơn. Mưa đêm gõ nhịp trên cửa kính gợi nhớ điệu Rumba năm trước, trong hộp đêm Boya. Một năm chung sống với người đẹp khiến ông chợt phát hiện ra một điều hết sức bất ngờ: ông vẫn còn có thể yêu say đắm mê cuồng. Một năm đẹp nhất trong cuộc đời… Nhưng giờ đây chẳng còn gì nữa. Chủ tịch ngân hàng Harrison buồn bã thở dài. Vì sao đến nông nỗi này?
Ông thiếu thận trọng trong kinh doanh. Ném sáu chục ngàn đô vào Colorado nhưng không thu về được đồng nào. Rồi liên tiếp mấy vụ thua lỗ nữa. Kiểm lại sổ sách, Harrison biết mình gần như trắng tay. Bữa qua có hai nhân viên FBI tới kiểm tra sổ sách và cũng xác nhận như vậy. Thế là hết!
Nhưng chỉ hết với bản thân ông. Còn với cô vợ trẻ yêu quý nhất đời, người đã được ông lo toan chăm chút đảm bảo một cuộc sống vương giả, ông nhất định sẽ làm một điều gì đó cho cô, một lần cuối cùng. Harrison còn món tiền bảo hiểm nhân thọ hai trăm ngàn đô. Số tiền này sẽ vào tay cô sau khi ông qua đời. Tất nhiên trong hợp đồng có điều khoản: “nếu thân chủ tự sát, người thừa kế hợp pháp sẽ không được lính khoản tiền bảo hiểm đó”. Nhưng không sao. Một người bạn thân tín sáng nay vừa mách cho ông địa chỉ của người có thể giúp giải quyết vụ này. Ông không tiếc gì đời, mặc dù phải lìa bỏ nó ở tuổi mới năm mươi mốt. Miễn là cô ấy được sống sung sướng! Còn ông, ông vui lòng ra đi vĩnh viễn, trong niềm tin: cô ấy rất mực yêu ông. …
Gã Bonzenti phì vội mẩu xì gà, chồm lên:
- Ai giới thiệu tôi? Ai cho ông địa chỉ của tôi? Ông nghĩ là tôi chịu nhúng tay vào những việc bẩn thỉu này à? Ông có là cớm hoặc chỉ điểm không hử?
Harrison điềm nhiên trả lời:
- Anh đừng ngại. Người cho tôi biết địa chỉ này là bạn rất tin cậy của tôi.
- Ông chịu bao nhiêu?
- Đưa trước trăm ngàn, trả nốt trăm ngàn khi xong việc. - Harrison mỉm cười, nói tiếp - Khỏi lo lắng gì. Sáng mai sẽ có người đưa tiền đến. Tôi đã hứa là làm. Quân tử nhất ngôn!
- Tôi đã nhận lời đâu! Mà cũng không nói là không nhận.
- Tôi muốn thằng đó phải bị tiêu. Nó vướng chân vướng mắt tôi quá, chịu không thấu.
- Khỏi cần đi sâu vào chi tiết chuyện riêng của ông. Tôi không cần biết.
- Tám giờ tối mai, hắn sẽ từ tắc xi bước xuống cửa chính khách sạn Arlington. Hắn mặc smoking, trên ve áo gài bông cẩm chướng đỏ.
- Ta giả dụ là tôi nhận lời của ông. Gã của ông trông dáng người thế nào, ông nói nghe thử.
- Khá cao lớn, lịch sự. Khoảng năm mươi nhưng trông trẻ hơn tuổi.
- Sao nữa, nói rõ thêm xem nào.
- À, hừm… trông hao hao giống tôi.
- Thật à?
- Thế nào, anh tính sao?
Gã Bonzenti nhăn mặt một lát, rồi xòe rộng bàn tay hộ pháp:
- Xong!
Rồi tiếp:
- Thế nhé, tôi không hề trả lời bằng lòng, mà cũng không từ chối. Hai người bắt tay nhau…
…
Đứng trước tấm gương phủ kín bức tường phòng, Harrison gài bông cẩm chướng đỏ lên ve áo smoking. Tấm gương phản chiếu toàn bộ cảnh tượng gian phong. Đồ đạc bày biện thật hài hòa về hình dáng và màu sắc. Căn phòng biểu tượng thỏi oanh liệt đã qua, cuộc sống xa hoa, tấm lòng hào phóng của ông. Nó phải chấm dứt, thì sẽ chấm dứt theo cách ông dự tính: không có cảnh sát tới khám xét, không có thẩm phán gọi ông tới chất vấn. Lát nữa, ông sẽ vào phòng cô vợ trẻ, ôm hôn từ biết nàng: "Anh yêu em hết lòng". Nàng sẽ đáp lại: “Em cũng yêu anh không để đâuc ho hết, anh yêu qúy của em, cục cưng của em!". Trước đó, ông đã báo cho nàng biết ông phải tới New York dự bữa tiệc làm việc, đêm nay sẽ không về nhà. Liếc nhìn đồng hồ thấy đã bảy giờ tối, Harrison mở tủ lấy đôi găng tay trắng muốt, thản nhiên kêu vợ tới chia tay lần cuối. Ông không hề biết: khi ông đang ngã giá với Bonzenti, vợ ông đã nghe rõ tất cả, đã hiểu hết mọi chuyện. Đến lượt tới trước tấm gương phủ kín tường, Bonzenti ngắm mãi bộ smoking cắt rất khéo gã đang mặc, rút lược trong túi chải đầu và thốt lên:
- Ủa, mình có tóc bạc rồi sao!
Thiếu phụ tóc nâu dẩu cặp môi mọng:
- Đáng lẽ anh không nên tới đây.
- Không hề gì. Lúc chiều em vửa nói đêm nay lão già không ngủ nhả mà? Anh muốn xem qua cái tổ ấm này.
- Lỡ có người trông thấy anh vào đây thì khốn…
- Khỏi lo, cưng ơi! Anh cẩn thận lắm, không sao đâu. - Hắn nhìn đồng hồ . - Đi đớp thôi! Bảy giờ ruỡi rồi.
- Vâng. Em xong ngay đây.
- Ta đi đâu bây giờ?
- Yên chí. Em biết một chỗ ngon tuyệt. Anh cười gì vậy?
Bonzenti vừa liếc bóng mình trong gương. Từ lâu hắn đã mơ ước có một ngôi nhà như thế này: rộng rãi, thoáng mát, cao ráo, không như những hang chuột hắn vẫn chui rúc lâu nay.
- Chẳng bao lâu nữa anh cũng sẽ có một chỗ ở như thế này. Có khi còn to hơn. Dạo này sắp có kha khá tiền.
- Em biết.
- Tối nay hai thằng đệ từ của anh sắp làm một quắn mười ngàn đô. Mà anh chỉ mất một cú phôn cho thằng Monoco là xong. Bảo nó rằng: "Monoco, phái ngay hai thằng cứng cựa tới, có việc cho chúng nó tối nay. Mình có thằng bạn muốn đi xa”. Chỉ thế thôi nha! Một cú phôn được mười ngàn. Chẳng mấy chốc anh sẽ mập ú!
- Xong. Ta đi thôi, anh yêu.
Ả lôi hắn đi, tiện tay rút bông cẩm chướng đỏ trong bình, gài lên ve áo gã.
- Lại còn hoa hoét nữa! Để làm trò gì vậy?
- Trời! Đêm nay anh là nhân vật quan trọng lắm nha! Chưa làm giám đốc ngân hàng, nhưng sắp rồi. Thử nhìn trong gương coi!
Bonzenti nhìn vào gương: gã thấy tối nay quả thật minh sang trong thật, bảnh bao, lịch sự hơn hẳn mọi bữa. Nhìn bằng con mắt dân ngoại ô nghèo đói, gã càng thấy mình tối nay cao sang gấp bội, tới mức không thể tin đó là mình nữa! Hắn quay sang cô ả tóc nâu.
- Có khi anh đổ đốn mà phải lòng em thật!
Ả tủm tỉm:
- Nhất định rồi. Tránh đâu cho thoát khỏi tay gái này!
Chiếc xe hơi đen tới đỗ sát vỉa hè đối diện khách sạn Arlington. Trên ghế trước có hai gã đàn ông mặt mày bặm trợn. Gã khoác áo mưa xám nhìn đồng hồ.
- Gần tám giờ. Chuẩn bị sẵn sàng!
Gã kia hơi cúi người, bật khóa điện. Gã kia lại nói:
- Người cao, bận smoking, cẩm chướng đỏ cài ve áo.
- Đúng. Monoco dặn đúng như vậy.
- Taxi chắc sẽ đỗ bên này đường. Không hiểu liệu có vướng đường bọn mình rút không?
- Khỏi lo! Tớ quen tay lắm rồi. Có phải lần đầu đâu!
Một chiếc taxi vàng từ từ chạy tới đõ sát vỉa hè. Từ trên xe bước xuống một thiếu phụ nhỏ nhắn tóc nâu và một người đàn ông to cao bận smoking. Người đó móc ví.
- Hắn đấy - Tên bận áo mưa thì thầm - Mày thấy bông cẩm chướng không?
- Còn con mèo kia? Trong kế hoạch không có.
- Chờ nó qua đường đã.
- Con mồi trả tiền xong rồi. Tên thứ hai trong chiếc xe đen cúi xuống sàn xe mở vali lôi ra khẩu tiểu liên. Vừa đúng lúc đó, một taxi khác trườn tới. Người đàn ông trên xe bước xuống, cao lớn, trông vẻ lịch sự. Ông ta liếc mắt đảo quanh, đưa tờ giấy bạc cho lái xe, ra hiệu khỏi trả lại tiền thừa. Rồi vén tay áo coi lại đồng hồ, chừng như đang chờ đợi ai. Bộ smoking ông mặc trông rất khéo, trên ve cài bông cẩm chướng đỏ. Tên cầm tiểu liên chửi thề:
- Đ.m… Những hai thằng y hệt nhau. Mày nhìn coi! Làm thằng nào?
- Đến giờ chưa?
- Đúng tám giờ.
- Cho cả hai đi luôn!
Bên kia đường, thiếu phụ nhỏ nhắn tóc nâu dừng lại trong góc đại sảnh khách sạn Arlington. Ánh đèn chói chang lóa mắt, ả không nhìn rõ ngoài đường. Chỉ nghe nổ ra một loạt súng, thoáng thấy hai bóng người ngã vật xuống, bóng chiếc ôtô lao vụt đi…
…
Trước tấm gương đồ sộ phủ kín bức tường phòng, thiếu phụ nhỏ nhắn tóc nâu bận toàn đồ đen đứng soi mình trong gương. Rồi gục mặt xuống bông hoa cẩm chướng đỏ trên tay như đang cầu nguyện. Căn nhà quá lớn trống trải và có lẽ gieo vào người ả cảm giác lạnh lẽo. Đang quen sống với gã Bonzenti và chủ ngân hàng Harrison, cả hai người đàn ông đều cao to nên giờ đây ả càng thấy mình mới bé nhỏ làm sao! Và góa bụa nữa. Tuy vừa lĩnh hai trăm ngàn đô. Cộng với những thứ Bonzenti để lại: trâm hồng ngọc, đồng hồ vàng…
Ả từ từ ngẩng đầu lên, chợt nhận thấy màu đen bộ đồ tang thật hợp với dáng người mình. Trông có vẻ cao sang nữa. Từ nay ả sẽ thường xuyên bận đồ tang. Cho hợp với địa vị mới: bà quả phụ Harrison, giàu có tới mức không thể đếm hết các khoản tiền có trong tay. Nhớ lại hồi mua tấm áo mất hai đô đề diện khi gặp Harrison lần đầu trong hộp đêm Boya, ả lẩm bẩm: "Mình bỏ vốn rất trúng!".

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Những rặng cây biết ăn thịt**

Truyện Achentina.
Bữa đó, ngày 10 tháng Tám năm 1958, nghĩa trang trung tâm của thủ đô Buenos Aires chật cứng người dự một đám tang lớn xưa nay chưa từng có, đám tang không phải của một người bình thường mà của một nhà siêu tỉ phú đồng thời là siêu mạnh thường quân hào hiệp nhất nước: Francisco Carmona.
Thủa sinh thời, Francisco Carmona đã tài trợ rất nhiều tiền cho việc xây dựng các trường học, nên bữa nay đích thân ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục đọc điếu văn nêu sự nghiệp và công trạng nhà siêu tỷ phú sớm vĩnh biệt coi đời ở tuổi mới 40.. Đứng sát bên linh cữu, quả phụ Asuncion Carmona ba mươi lăm tuổi, toàn thân choàng đồ đen tang lễ gân như gục ngã nếu không được mấy người bạn thân thiết dìu đỡ. Mọi người có mặt tại đây đổ dồn những cặp mắt cảm thông, chia sẻ nỗi đau tột cùng của quả phụ. Vì vậy chẳng ai để ý tới một người đàn ông thấp nhưng bắt đầu phát phì đứng lẫn giữa đám đông. Ông ta là cảnh sát trưởng Ramon Barios, đứng gần ông ta là viên thư ký riêng của nhà mạnh thường quân quá cố. Chính viên thư ký Pablo Lopez này tối qua đã điện cho cảnh sát trưởng yêu cầu tới dự đám tang.
- Tôi tin chắc đây là án mạng, ông cảnh sát trưởng ạ. Không có bằng chứng gì rõ rệt để cung cấp cho ông, nhưng dám cả quyết đây là án mạng. Mời ông tới dự lễ mai táng, có khi hung thủ hiện diện tại đó không chừng…
Lời cáo giác thật vu vơ, nhưng vì lương tâm nghề nghiệp, cảnh sát trưởng Ramon Barios tới nghĩa trang, chăm chú quan sát những người có mặt tuy chẳng có ý định rõ rệt mình tìm kiếm cái gì. Báo chì đều đã nêu rõ: Francisco Carmona qua đời vì bệnh ung thư máu. Nếu có điều gì nghi hoặc, chắc hẳn bác sĩ đã không ký giấy mai táng cho người xấu số.
Kỳ thực, cảnh sát trưởng Ramon Barios tới đây chủ yếu vì một động cơ sâu xa, rất riêng tư, rất thầm kính. Sau hai chục năm lăn lộn trong nghề vẫn chỉ là cảnh sát trưởng quèn, mà xem chừng khả năng thăng quan tiến chức khá mờ mịt. Trù phi… trừ phi lập được một chiến công vang dội. Và thời cơ đến: tóm cổ tên hung thủ đã hạ sát Francisco Carmona trong khi không một ai nghĩ ông này chết vì án mạng. Một thành tích xưa nay hiếm!
Bộ trưởng bộ Giáo dục kết thúc điếu văn bằng một câu thống thiết vừa đúng lúc cảnh sát trưởng Ramon Barios đi tới quyết định dứt khoát. Viên thư ký Pablo Lopez vừa rỉ tai: sẽ tạo cớ để đưa cảnh sát trưởng vào thẳng nhà Carmona. Cảnh sát trưởng gật đầu.
Qua một ngày, sang ngày 12 tháng Tám, cảnh sát trưởng tới ngôi biệt thự lộng lẫy nằm giữa trang trại bát ngát của Francisco Carmona ở ngoại ô Buenos Aires. Viên thư ký đã đứng sẵn trên bậc thềm, đưa ngay Ramon vào nhà. Đưa luôn vào căn phòng tầng trệt rất lớn, quanh tường kín mít kệ xếp những bộ sách quý, giữa bàn kê chiếc bàn giấy đồ sộ kiểu Louis XVI. Pablo Lopez giới thiệu:
- Phòng làm việc của Francisco Carmona…
Cảnh sát trưởng cảm thấy nơi đây có cái gì đó gây ấn tượng khá ngột ngạt, nặng nề khiến ông đột nhiên đâm ra dè dặt. Đây là lần đầu tiên ông đặt chân vào chốn thâm nghiêm của một nhà tỷ phú. Đưa mắt đảo khắp phòng một lượt, Ramon hỏi:
- Ông ta làm việc tại đây?
Và ngạc nhiên thấy Pablo cười khẩy:
- Không đâu, thưa cảnh sát trưởng, ngài Francisco Carmona nhà tôi thực ra chưa bao giờ vào căn phòng này. Vì ngài đâu có việc! Chiếc bàn kia là chỗ của tôi.
Rồi Pablo thuật lại cho Ramon nghe rõ:
- Hai chúng tôi vốn là bạn học cùng trường. Tốt nghiệp xong, Francisco Carmona bảo tôi về làm thư ký cho ông ta, nghĩa là thay ông đảm đương mọi công việc, quản lý tài sản riêng của ông ấy. Tôi nhận lời. Từ đó tới giờ, chưa có gì phải phàn nàn về Francisco Carmona, và theo tôi, ông ấy cũng không có gì phải phàn nàn về tôi…
Nói tới đây, Pablo Lopez hạ thấp giọng:
- Tôi là người hiểu Francisco Carmona rõ nhất, còn rõ hơn cả vợ ông ta hiểu nữa kia. Vì thế mới dám nói với cảnh sát trưởng rằng trong cái chết của Francisco Carmona có điều bí ẩn đáng ngờ. Chính ông ta cũng nghi nghi hoặc hoặc, đôi khi buột miệng thốt ra đôi lời khiến tối phải bận tâm…
Francisco Carmona cmả thấy bị ai đe dọa cách nào đấy.
- Ông ta bị ai thù oán không?
- Đã giàu có thì dù hảo tâm, rộng rãi đến mấy vẫn có người thù oán, tránh sao khỏi. Kẻ không được hưởng tỵ nạnh người được, kẻ được ít so đọ với người được nhiều… Nhưng khoan đã, để tôi chỉ cho cảnh sát trưởng cái cớ tạo điều kiện cho ông vào nhà này một cách hợp pháp.
Pablo chỉ cái bàn cũng kiểu Louis XVI nhưng nhỏ hơn, rồi cao giọng nói:
- Ông Francisco Carmona thường để các đồ trang sức và nhiều xấp bạc trong hộc bàn. Sáng nay, tôi phát hiện thấy tất cả đều biến mất. Tuy chỉ mình tôi giữ chìa khóa. Mà không thấy có dấu vết cậy phá. Từ đó, tôi nghĩ thủ phạm là người trong nhà, có chìa khóa giả trong tay.
Pablo Lopez nháy mắt, chỉ vào túi mình. Rõ ràng tự tay anh ta đã lấy các thứ trong hộc bàn. Anh giả bộ bị mất cắp, nhưng không nói thành tiếng sợ có người nghe lén ngoài cửa. Cảnh sát trưởng nhanh miệng hòa theo:
- Được rồi, nếu vậy tôi cần gặp bà Carmona, được chứ? Cần xin phép bà cho thẩm vấn các gia nhân.
Viên thư ký dẫn cảnh sát trưởng lên lầu một, đưa vào căn phòng rộng. Cuối phòng có cửa thông sang một nơi trông có vẻ như một phòng thí nghiệm. Quả phụ Asuncion Carmona từ đó bước ra, trên mình khoác tấm blu trắng của nữ y tá. Cảnh sát trưởng Ramon không dấu nổi vẻ ngạc nhiên. Asuncion Carmona chìa tay:
- Tôi hoàn toàn thông cảm thái độ của ông cảnh sát trưởng. Ông không ngờ tại đây lại có phòng thí nghiệm, phải không ạ? Khi lấy Francisco, tôi vừa tốt nghiệp bác sỹ y khoa xong. Sau lễ cưới, tôi không được hành nghề chuyên môn của mình vì những lý do dễ hiểu. Nhưng sau một năm, tôi bắt đầu chán ngấy cảnh ăn không ngồi rồi. Tôi đề nghị ông xã trang bị cho một phòng thí nghiệm ngay tại đây và đã được Francisco đồng ý. - Asuncion Carmona đưa tay về phía cửa để ngỏ - Tôi có những máy điện quang tối tân nhất và nhiều thiết bị xét nghiệm cực kỳ hiện đại. Từ mười năm nay tôi tập trung sức lực vào công trình nghiên cứu bệnh ung thư và tìm các liệu pháp chữa trị…
Cảnh sát trưởng Ramon khâm phục nhìn góa phụ Carmona. Hiển nhiên bà ta là con người có hạn. Nói năng giản dị, không giả bộ đóng vai quả phụ đau thương. Nghiên cứu về y học là niềm say mê tột cùng của bà, chắc nó sẽ giúp bà vượt qua thử thách cam go hiện nay. Ông hỏi thật lịch sự:
- Thưa bà, tôi có thể gặp qua các gia nhân được không?
Asuncion Carmona ban tặng nụ cười hé môi:
- Xin cứ tự nhiên. Vụ mất trộm Pablo vừa cho biết chẳng đáng là gì, nhưng mời ông cứ thực thi nhiệm vụ của mình… Xin phép, tôi đang làm dở vài thí nghiệm. Và rất cần làm việc để đầu óc khỏi nghĩ ngợi lung tung.
Quả phụ Carmona bước về phía phòng thí nghiệm. Cảnh sát trưởng mạo muội hỏi với một câu chót:
- Thưa bà, ông nhà từ trần vì chứng ung thư máu. Chắc bà có chăm sóc ông chứ ạ?
Trên gương mặt góa phụ trẻ thoáng gợn nét u tối:
- Không. Chăm sóc một người thân thiết là việc rất đau lòng. Khi biết đích xác căn bệnh của Francisco, tôi thực tình không muốn can thiệp vào. Tôi mời đủ mặt chuyên gia nổi tiếng nhất thế giới, nhưng cuối cùng đành bó tay.
Cảnh sát trưởng Ramon cáo lui, theo chân viên thư ký Pablo Lopez xuống tâng trệt.
- Mời cảnh sat trưởng xem phòng kế bên phòng làm việc của Francisco. Những gì ông vừa thấy nãy giờ chưa phải là thứ kỳ lạ nhất.
Pablo đẩy cánh cửa, cảnh sát trưởng bất giác kêu lên vì kinh ngạc…
Hai người vừa bước vào căn phòng rộng mênh mông, nửa như chuồng thú, nửa như nhà kính trồng cây mùa đông. Các bức tường ba bề bốn bên đều phủ kín những rặng cây lạ mắt quấn vào nhau chằng chịt, hình thù quái đản nhưu trăm ngàn rắn độc lúc nhúc, gây cảm giác rờn rợn mơ hồ. Giữa phòng đặt nhiều dãy chuồng nhốt khỉ và nhiều lại chim sắc lông sặc sỡ, chúng dường như chungsống với nhau rất hòa thuận. Nhưung chí chóe luôn không ngớt làm đinh tai nhức óc. Bên dãy chuồng kê chiếc tràng kỷ bằng mây duy nhất trong phong, không còn đồ đạc gì khác. Pablo Lopez cất cao giọng át tiếng các con vật:
- Đây là nơi Francisco Carmona ở hầu như suốt ngày. Ngả người trên tràng kỷ, hết đọc lại vẽ trong hàng giờ liền. Tôi rất thắc mắc không hiểu tại sao ông ta lại có thể làm như vậy giữa cảnh huyên náo và cái mùi chuồng thú này.
Viên thư ký chỉ tiếp vào đám cành lá rậm rịt phủ kín các bức tường.
- Ông cảnh sát trửong có biết đấy là gì không? Những loại cây biết ăn thịt đấy! Toàn loại cây biết ăn thịt. Mỗi ngày phải mang vào đây một hũ lớn đầy ruồi nhặng còn sống, thả cho bay loạn xạ khắp phòng. Đến tối là hết nhẵn không còn một mống. Francisco Carmona thích xem chúng bị cây ăn thịt.
Cảnh sát trưởng Ramon đột nhiên thấy bối rối. Tính cách nhà tỷ phú quá cố bất chợt hiện ra dưới mắt ông khác hẳn trước. Và không hiểu sao, tự nhiên giả thuyết về án mạng bỗng trở nên khả dĩ, gần như hiển nhiên. Ông hỏi bằng giọng bối rối khó che giấu:
- Anh có thường lui tới nơi này không?
- Chỉ khi nào có công việc thật khẩn cấp. Vả lại ông Francisco Carmona không cho phép ai vào, trừ người làm vườn đồng thời cũng là người nuôi các con vật.
- Thế vợ ông ta?
- Không bao giờ đặt chân tới. Bà ta ghét cay ghét đắng cả cây lẫn vật, điều cũng dễ thông cảm thôi…
Cảnh sát trưởng Ramon Barios dảo mắt nhìn quanh căn phòng không-thể-sống-nổi nhưng lại là nơi một trong những người giàu có nhất thế giới chọn làm chỗ sống qua nửa cuộc đời mình. Tính cách của con người luôn luôn khiến ông cảnh sát trưởng kinh ngạc. Thực tiễn khác xa trí tưởng tượng đến thế là cùng. Vậy thì, một cái chết được tất cả mọi người cho là tự nhiên rất có thể là một án mạng lắm chứ?
Người làm vườn kiêm nuôi thú vừa bước chân vào, nhỏ con, da rám nắng, cuối mép lủng lẳng mẩu thuốc hút dở. Anh ta đưa mắt nhìn các hàng cây, các chuồng khỉ, không tỏ vẻ gì thích thú. Cảnh sát trưởng buột miệng nhận xét thành tiếng…
Người đó cười khẩy.
- Đúng thế. Mấy cái cây cũng như mấy con vật chết tiệt này không sao ưa nổi. Nhưng tôi cứ phải chăm sóc vì được trả tiền công. Mong sao chúng biến hết đi cho khuất mắt. May mà từ nay trở đi bà chủ giữ quyền quyết định, tình trạng này chắc không kéo dài nữa…
Cảnh sát trưởng do đã biết thái độ của Asuncion Carmona đối với khoảng môi trường rất độc đáo này, nên chỉ hỏi:
- Chắc tốn kém cực kỳ, nhỉ?
Người kia chẳng thiết dụi mẩu thuốc, cứ thế ném vào chuồng khỉ.
- Ông nói rất đúng đấy, nhất là thời kỳ đầu.
- Thế là thế nào?
- Hồi ông chủ mới trưng bày phòng này, cây cối theo nhau chết dần chết mòn. Không thứ nào sống quá mười lăm ngày. Phải đặt tận rừng Amazon mang về thay thế, hàng trăm cây chứ ít ỏi gì. Những đồ quỷ này khỏe cực kỳ thế mà cứ chết hàng loạt… Lũ khỉ lũ chim cũng thế, chết nhe răng hết. Không thiết ăn uống gì, chịu chết vì đói… Lại phải mua từng thùng bự mang về.
- Hồi nãy bác vừa nói chỉ thời gian đầu mới xảy ra như vậy. Tại sao thế? Bây giờ không còn tình trạng đó nữa à?
- Không còn. Từ cách nay kha khá lâu rồi. Xem nào… phải rồi, từ bữa ông chủ bắt đầu ngã bệnh…
Cảnh sát trưởng không nghe tiếp nữa. Ông rời phong, lên cầu thang, chẳng gõ cửa, bước ngay vào phòng Asuncion Carmona. Quả phụ sửng sốt, từ phòng thí nghiệm đi ra. Cảnh sát trưởng nghiêm giọng ra lệnh:
- Không được đóng cửa, tôi muốn vào xem trong đó…
Asuncion Carmona cứ đóng cửa. Rồi cởi blu, ngồi xuống ghế. Bình thản châm thuốc hút…
- Ông cảnh sát trưởng khỏi vào cho mệt. Tôi sẽ khai hết.
Góa phụ bắt đầu kể:
- Lúc ông vừa tới, tôi đã biết ngay chuyện mất trộm trong phòng làm việc của chông tôi là chuyện dựng đứng để tạo cớ thôi. Nhưng thú thật, tôi cho rằng ông không thể phát hiện…
Asuncion Carmona thở dài.
- Hồi cưới Fracisco, tôi ngỡ mình là người phụ nữ hạnh phúc nhất thế gian. Ngỡ như vậy suốt hai năm. Sau đó, thấy chán ngấy cuộc sống vô dụng, thấy thèm được làm một công việc gì đó…
Asuncion Carmona dừng lời giây lát. Cảnh sát trưởng vẫn đứng im không nhúc nhíc, lặng lẽ quan sát thiếu phụ.
- Đó là lúc tôi yêu cầu Francisco lắp đặt phòng thí nghiệm. Ông ấy không chần chừ, cho tôi những thiết bị đắt giá nhất, những máy móc mà nhiều bệnh viện của Achentina không thể có. Nhưng tôi biết chắc chắn rằng trong thâm tâm ông ấy không chấp nhận… Theo ông ấy nghĩ, tôi phải thuộc về ông ấy, hoàn toàn thuộc vào một mình ông ấy. Coi tôi như một cái trong tất cả những cái đã có, một trong những đồ sở hữu, một thứ đồ vật vô trt vô giác… Ít lâu sau Francisco mang thú về nuôi trong căn phòng ngay dưới phòng thí nghiệm của tôi, và ở lỳ trong đó suốt ngày…
Cảnh sát trưởng lẩm bẩm:
- Ngay dưới phòng thí nghiệm của bà…
- Từ buổi đầu, tôi đã ghét con vật và cây cối ấy, nhất là các loài cây, những cái cây ghê tởm biết ăn thịt. Tôi nghĩ có lẽ chính chúng là nguyên nhân dẫn tới mọi chuyện. Chúng như một lời chửi rủa, một sự khiêu khích tôi. Tôi quyết định trả thù.
Asuncion Carmona nín bặt. Rõ ràng không muốn kể tiếp phần còn lại. Cảnh sát trưởng Ramon Barios đỡ lời:
- Quang tuyến X…
- Vâng, bị chiếu quang tuyến X trong thời gian dài, các tế bào sẽ bị tổn thương nặng dẫn đến cái chết. Tôi có trong phòng thí nghiệm những máy quang tuyến mạnh nhất…
Tôi thay một đoạn ván sàn bằng tấm gỗ thật mỏng, chiếu luồng bức xạ xuống phòng dưới, nhưng chỉ nhắm vào các cây và các chuồng nuôi súc vật thôi. Chúng lần lượt lăn ra chết. Francisco rất tức. Đoán già đoán non là có tay tôi nhúng vào, nhưng không phát hiện ra. Có khi cho rằng tôi trộn bả vào thức ăn, vào đất trồng, chứ không nghi ngờ phòng thí nghiệm của tôi. Vả lại, tôi vẫn cấm cửa không cho ai bén mảng tới đó. Dù thế nào mặc lòng, Francisco đối xử với tôi rất tàn tệ… không sao chịu nổi nữa…
Góa phụ Carmona bưng mặt:
- Thế rồi, một bữa kia, tôi chĩa máy về phía chiếc tràng kỷ…
Tối hôm đó, Francisco kêu mệt. Hôm sau, hôm sau nữa, tôi tiếp tục dài dài. Phải sau sáu tháng…
Tòa kết tội Asuncion Carmona giết chồng, kêu án hai mươi lăm năm khổ sai. Trong ngục, cô xin tham gia bộ phận y tế và rất tận tình chăm sóc bạn tù khi đau ốm, không quản ngại nguy hiểm dơ dáy. Ban quản lao nhiều lần tuyên dương tinh thần dũng cảm, tận tụy của cô. Asuncion Carmona đã tìm lại được thiên hướng đích thực của mình: chăm sóc, cứu chữa người đồng loại. Đáng lẽ cô phải làm điều đó từ lâu.. Tiếc thay, vừa cầm mảnh bằng tốt nghiệp bác sỹ y khoa trong tay, cô đã hấp tấp vớ phải người chồng tuy giàu có bạc tỷ nhưng không có chút tình yêu thương nào. Đã thế lại còn mắc thói say mê bệnh hoạn: trồng những loại cây ăn thịt.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Ông già gác đền thờ**

Truyện Jérusalem.
Ngày 12 tháng Chín năm 1956 là một ngày yên tĩnh trong ngôi đền Ratisbonne nằm giữa trung tâm Jérusalem, trên phần tạm chia cho Israel. Đền có nhiều dãy ngang dọc, một sân rộng mênh mông, tất cả được ngăn cách với cảnh ồn ào bên ngoài bằng bức tường đá cao. Dưới mái hiên một chái đền gần cổng chính, ông già gác đền luôn túc trực tại chỗ để đón khách thập phương. Chiều bữa đó, không khí tĩnh mịch của ngôi đền bỗng vỡ tung vì một tiếng nổ dữ dội. Khói mù mịt bốc lên từ phòng người gác. Các tín đồ, các khách bộ hành hốt hoảng chạy vào, nhưng ông già đã nằm gục dưới hành lang… Xe cấp cứu hụ còi lao tới. Nhưng ông già đã tắt thở. Cảnh sát mở cuộc điều tra. Cảnh sát trưởng yêu cầu để xác ông già tại hiện trường một lát để khám nghiệm.
Vừa bước lên thềm hành lang Shiloni nhận thấy ngay: một góc chiếc bàn của ông già bị thủng. Quanh lỗ thủng, gỗ cháy xém: không nghi ngờ gì nữa, vụ nổ phát ra từ chỗ này. Thi thể ông già nằm dưới chiếc ghế lật ngửa. Quan sát tư thế xác chết có thể thấy lúc đó ông đang ngồi tại bàn. Các vết thương đều ở phần trên chứng tỏ nạn nhân ở rất gần vật nổ. Và chỉ phía trước bị, sau lưng vẫn nguyên vẹn, trên mặt có bụi khói. Trong khi thợ ảnh chụp các bức hình cần thiết, một chuyên viên hỏa khí được gọi tới. Sau một hôi tìm kiếm, anh ta lượm được giữa đống đổ nát tung tóe khắp hành lang nhiều mảnh lựu đạn, thứ lựu đạn quân đội Israel vẫn dùng. Chắc chắn đây là hung khí gây án. Cảnh sát trưởng tìm hiểu về nạn nhân qua lời khai của các tín đồ và vài người sống gần đền. Chưa có điều kiện gặp gia quyến ông già vì bà vợ đi xa, ba người con đều đã trưởng thành mỗi người sống mỗi nơi. Điều đầu tiên khiến cảnh sát trưởng để ý là thái độ sửng sốt, thậm chí kinh hoàng của tất cả những người ông hỏi chuyện. Không ai có thể tìm trong trí nhớ mình một điều gì cho thấy đây là một vụ trả thù báo oán. Vì ông già gác đền sống rất thầm lặng, rất ít nhu cầu, chỉ có vài ba người bạn, không ai thù ghét. Hơn nữa, hồi này chưa hề có những vụ gọi là mưu sát chính trị. Vậy kẻ nào đã ném lựu đạn vào ông già hiền như đất này?
Thật vô lý. Cũng vô lý nốt nếu đặt giả thuyết: con người bình dị, ngoan đạo này tự sát. Cảnh sát trưởng mỗi lần nghe bà con nói thế đều gật gù: "Đồng ý, đồng ý… Các vị nói chí lý. Nhưng rõ ràng ông già đã chết rồi!"
Cảnh sát trưởng Shiloni thuộc loại cảnh sát chịu khó nghiền ngẫm, vẫn suy nghĩ đến công việc sau khi hết giờ làm trở về nhà, cả khi ngồi ăn cho tới khi lên giường ngủ. Giữa nửa đêm ông chợt thức giấc tự hỏi: "Hay chết vì tai nạn?" Quả nhiên sáng hôm sau, mọi người đều nói: “Đúng, đúng, rất có thể, ông già này vốn rất thích ngành cơ giới"… "Phải, phải chắc chắn rồi, ông ta vớ được cái gì cũng táy máy tháo ra lắp vào…" Cảnh sát trưởng trình bày giả thuyết của mình cho bác sỹ pháp y khi bước vào sân rực nắng.
- Rất có thể ông già đáng thương lượm đầu được trái lựu đạn và làm nổ khi tháo ra coi.
Vị bác sỹ tuy thấy giả thuyết khá phù hợp với kết quả điều tra nhưng ông không tỏ ra hài lòng. Cảnh sát trưởng hỏi:
- Bác sỹ không đồng ý với tôi?
- Không. Nhưng không biết tại sao mình không đồng ý. - Lát sau, bác sỹ gật gù - À có, có biết tại sao. Nếu lựu đạn nổ trên tay ông già, tất nhiên bàn tay chí tít vài ngón tay phải bị toạc hết, Đằng này, cả hai bàn tay vẫn lành lặn. Đến lượt chuyên viên hỏa khí có ý kiến. Anh vừa tìm thấy chiếc mỏ vịt, nhưng thấy lạ: nó bị cong queo, sứt mẻ nhiều chỗ.
- Không bình thường chút nào, anh nói. Trong loại tai nạn như thế này bao giờ chiếc mỏ vịt cũng còn nguyện.
Cảnh sát trưởng hỏi:
- Vậy anh kết luận thế nào?
- Nó thế này vì có cái gì giữ nó lại không cho văng xa ngay. Có cái gì đó giữ nó ở cạnh khi lựu đạn nổ. Một điểm nữa khiến chuyên viên càng thắc mắc: từ lúc tám giờ sáng tới giờ anh dùng thanh nam châm cực mạnh dò tìm chiếc chốt an toàn của lựu đạn mà không thấy. Điều này cũng không bình thường: dù lựu đạn bị ông già tháo, hay không tháo thì vòng chốt vẫn phải ở gần đâu đây…
Mặt khác Shiloni còn nhớ: cách đây mười bốn tháng, vào lúc chiều, một trái lựu đạn đã phát nổ bên ngoài đền khoảng một trăm mét làm ba người qua đường bị thương nặng. Tuy cuộc điều tra được tiến hành gắt gao nhưng vẫn không lần ra manh mối: nguyên nhân, thủ phạm cho tới lúc này vẫn còn nằm trong bí ẩn. Hai vụ nổ lựu đạn tại cùng một nơi, thật khó cho là do trùng hợp ngẫu nhiên.
Buổi chiều, khám xét tỉ mỉ hiện trường, cảnh sát trưởng phát hiện trên tường hành lang và trên bàn có chất keo nhớp nháp. Một giờ sau, phòng xét nghiệm xác định: chất kẹo. Vừa lúc một người tóc bạc dựng xe đạp vào vách tường ngôi đền, bấm chuông rồi bảo tu sĩ vừa ra mở cửa: cần gặp cảnh sát trưởng Shiloni. Người thợ sửa ống nước sáu mươi tuổi ngụ gần đó là bạn thân của ông già gác đền. Ông cho biết: trước vụ nổ khoảng một tiếng hai người vẫn còn ngồi nói chuyện vãn với nhau trong hành lang. Shiloni hỏi:
- Lúc đó ông già có mân mê trái lựu đạn nào không?
- Không.
- Ông già có khoe lượm được lựu đạn không?
- Không… Đang trò chuyện thì có người đi xe đạp mang tới chiếc hộp carton buộc kỹ, có chiếc bì thư nhỏ ghim bên ngoài. Bạn tôi nói: "Chu đáo quá. Nhà S. gửi quà tặng".
- Sao nữa?
- Bạn tôi đặt chiếc hộp lên bàn, không mở ra. Bác thợ ống nước được dẫn về đồn, tới trước các vật chứng tìm được ngoài hành lang đến, trong đó có vài mảnh carton và tấm bưu thiếp viết tay của nhà S, tất cả đều cháy xém. Cảnh sát trưởng đưa bác thợ già xem các mảnh carton. Đây là loại hộp đựng kem cạo râu rất thông dụng. Nhưng Shiloni tin chắc: không ai lại gửi tặng ông già một hộp đầy ống kem cạo râu. Có lẽ hộp này đựng kẹo. Bác thợ nhận ngay ra chiếc hộp, qua màu sắc kích thước tờ nhãn hiệu.
- Lúc nhận tấm danh thiếp nhà S. bạn bác có tỏ vẻ ngạc nhiên không?
- Không.
- Vậy là họ đã quen biết nhau. Cảnh sát truởng vọt lên xe chạy thẳng tới nhà S. Hai Vợ chồng nhà này là những viên chức bình thường, an phận, ông chồng đã già, khắc khổ, bà vợ dịu dàng, rụt rè. Khó có thể cho rằng họ liên quan ít nhiều tới án mạng. Họ khai có quen ông già gác đền, nhưng không gửi kẹo mà cũng không gửi bưu kiện nào khác cho ông. Khi cảnh sát trưởng chìa tấm danh thiếp, hai ông bà già đều không nhận là chữ họ viết.
- Nạn nhân có quen một gia đình S. nào khác không?
- Theo chỗ chúng tôi biết thì không.
Shiloni cho lập ngay bảng kê tất cả các gia đình có tên bắt đầu bằng S. ở Jérusalem. Có gần sáu chục người. Sau 48 tiếng, tất cả đều được thăm hỏi nhưng không ai nhận ra gói quà và chữ viết, tất cả đều không quen biết nạn nhân. Shiloni cho tìm người bán hộp quà. Kẹo đựng trong hộp kem cạo râu, chắc mua trong một tiệm thực phẩm. Trước hết cảnh sát dò tìm trong khu vực gần đền, khoảng hai chục tiệm và thẩm vấn một số nhân viên giao hàng. bốn ngày sau Shiloni mới được cấp báo: đã tìm thấy tiệm có khách tới mua kẹo đúng ngày vụ nổ, hơn nữa, cậu giao hàng còn nhớ mang máng có mang tới ông già gác đền một một quà.
Tới tiệm thực phẩm nhỏ, cảnh sát trưởng gặp ngay chủ tiệm thấp bé, khoác blu xám, đứng thẳng sau quầy run lập cập. Ông ta nhớ lại: sáng bữa đó có đôi trai gái còn trẻ, khoảng hai mươi hai lăm tới mua bốn bịch kẹo đựng trong giấy bóng kính. Cô gái đòi một chiếc hộp carton rống. Ông đưa chiếc vừa đựng bốn bịch kẹo nhưng cô ta không ưng. Ông bèn đổi chiếc hộp đựng kem cạo râu. Ông còn nhớ đã bảo cô gái: "Mùi kem không ảnh hưởng gì vì kẹo bọc kín trong giấy bóng kính".
- Tại sao cô gái không lấy chiếc hộp đựng kẹo cũ?
- Cô ta chê nhỏ. -
Cho bốn bịch kẹo không vừa?
- Vừa chứ! Nhưng chắc cô ta muốn bỏ thêm thứ gì vào. Mua xong cô gái ngỏ ý muốn người của tiệm mang hàng đi giao, nhưng cậu giao hàng không có nhà. Hai người ra về. Một giờ sau, cô gái trở lại một mình, nằn nì đòi tiệm cử người mang đi giùm, cô không kiếm ra ai khác. Chủ tiệm nhận lại chiếc hộp có dây cột chặt, ghim chiếc bì nhỏ đề địa chỉ người nhận: Ông già gác đền Ratisbonne. Cô gái cảm ơn và đi vào lúc giữa trưa. Chiếc hộp được giao vài giờ sau.
Chủ tiệm cuống cuồng cáo lỗi khi cảnh sát trưởng yêu cầu tả nhận dạng đôi trai gái. Ông chỉ nhớ đôi nét lờ mờ và không dám chắc sẽ nhận diện được họ. Nét nhớ rõ nhất: chàng trai rất cao lớn. Nghe xong cảnh sát trưởng rất đỗi băn khoăn: lẽ nào hung thủ là con gái? Lý do nào có thể xui khiến cô ta hạ sát ông già hiền lành vô tội? Hơn nữa, lại dùng lựu đạn, một thứ vũ khí xưa nay phụ nữ rất ít sử dụng. Cuộc điều tra các gia đình mang tên S. vẫn tiếp tục nhưng không có kết quả gì. Cảnh sát trưởng thấy phải tìm hiểu cuộc sống riêng; hoàn cảnh gia đình ông fìa gác đền vì rõ ràng hung thủ, nếu có, phải nắm vững thói quen và các mối giao du của ông. Nếu không, sao lại gửi tặng kẹo nhân danh gia đình S?
Khốn nỗi bà vợ và con trai lớn đang đi xa nên chưa có cách tìm hiểu những uẩn khúc đó. Trong khi bà con lối xóm, công luận, tất cả đều một mực cho rằng ông già chết vì táy máy tháo lựu đạn, hộp kẹo chỉ là tình cờ. Chỉ một mình cảnh sát trưởng vẫn bị ám ảnh bởi câu hỏi: đàn bà con gái sao lại dùng lựu đạn?
Một tuần trôi qua. Shiloni vẫn do dự không muốn xếp vụ này vào hồ sơ "Tai nạn". Ông có lý, vì sang ngày thứ tám, mọi chuyện chuyển hướng hoàn toàn. Một tu sĩ trong đền Ratisbonne xin gặp cảnh sát trưởng và trao lá thư gửi cho con trai ông gác đền nhưng đề địa chỉ của ông già. Lá thư cộc lốc, đánh máy, nặc danh: “Mày phải chịu trách nhiệm về cái chết của bố mày". Ngoài bì đóng dấu bưu điện Haifa. Lựu đạn không pahỉ thứ hung khí của đàn bà, nhưng thư nặc danh nói chung là thứ vũ khí họ thường sử dụng. Có thư nặc danh, tức là có ám ảnh, ganh tỵ, hoặc oán hận, trả thù…
Cuộc điều tra chuyển sang người con trai lớn. Anh ta vẫn đang ở xa, nhưng cảnh sát dễ dàng phát hiện: cách đây vài năm anh ta quan hệ với một cô gái, sau hai năm thì cắt đứt không rõ nguyên nhân. Đến năm vừa rồi anh ta cưới vợ và tới ở rể nhà bố mẹ vợ.
Shiloni tới nhà Denise, cô gái thứ nhất. Không được tin tức gì hơn, không thấy gì khả nghi trong nhà họ. Hai ông bà chỉ có biết: Denise làm việc ở Haifa, gần như mỗi tuần đều về thăm nhà nhưng không biết cô có mặt ở Jérusalem hay không bữa xảy ra vụ nổ. Vài giờ sau, Shiloni đi cùng một chuyên viên máy chữ tới Haifa gặp Denise vừa được mời tới đồn cảnh sát. Cô gái mảnh mai, nhỏ con, tóc màu hạt dẻ, mắt xanh, tỏ vẻ bình tĩnh, ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành rộng. Trông như con búp bê, khó có thể hình dung cô ta dám dùng lựu đạn.
- Ngày 12 tháng Chín cô có mặt ở Jérusalem chứ?
- Có.
- Cô biết ngày đó xảy ra vụ mưu sát ông giàgác đền Ratisbonne?
- Vâng.
- Cô có biết ông già không?
- Biết, nhưng không gặp từ hai năm nay.
- Cô tới rồi ra đi lúc nào?
- Tới hôm trước, ra đi lúc giữa trưa hôm xảy ra vụ án.
- Cô có tới mua kẹo không?
Cô gái tròn xoe cặp mắt xanh ngạc nhiên.
- Kẹo à? Để tôi nhớ lại. Không… Tôi đâu có ăn kẹo hồi nào.
- Sáng hôm xảy ra vụ đó, cô làm gì?
- Ở với anh bạn, người thành phố Tel Aviv.
Cô gái trả lời nhanh lẹ, tỏ vẻ tự tin. Viên cảnh sát tới xét phòng riêng của cô ngoài phố báo cáo với cảnh sát trưởng qua điện thoại: không thấy gì khả nghi. Chuyên viên máy chữ mở hé cửa gọi cảnh sát trưởng, thì thầm:
- Tìm thấy máy chữ đã đánh lá thư nặc danh.
- Máy của cô này?
- Không. Của một đồng nghiệp trong công ty cô ta làm việc. Cảnh sảt trưởng quay lại nhìn cô gái, do dự giây lát trước vẻ yếu ớt, thơ ngây của cô bé:
- Tôi buộc phải đưa cô về Jérusalem vì nghi cô tham gia vụ mưu sát ngày 12 tháng Chín.
Trên xe, nước mắt chảy ràn rụa từ đôi mắt biếc như đôi mắt đứa trẻ bị bỏ rơi, trông thật tội nghiệp. Cảnh sát trưởng trấn an Denise:
- Tôi cần tìm đúng kẻ đã xuống tay. Nếu cô không liên can, tôi sẽ làm hết mình để chứng minh điều đó.
Cô gái nhìn ông bằng cặp mắt tràn trề biết ơn.
- Xin đa tạ. Ông chắc biết tôi không thể làm chuyện này.
Dọc đường, xe dừng ở Tel Aviv để cảnh sát trưởng gặp chàng trai đã ở cùng Denise sáng 12. Anh ta khai: có gặp Denise trong vài giờ, nhưng không biết chuyện hộp kẹo. Và thú nhận mình có một trái lựu đạn đã tháo thuốc, vật lưu niệm mấy năm nghĩa vụ quân sự. Cảnh sát trưởng lưỡng lự hồi lâu rồi quyết định không đưa chàng này về Jérusalem. Chủ tiệm thực phẩm khai gã cùng đi với Denise cao lớn, nhưng anh chàng này thì nhỏ thó.
Sáng hôm sau, cảnh sát trưởng tiếp tục thẩm vấn cô gái. Cô vẫn khăng khăng mình vô tội. Hai người xem kỹ các lá thư, các tấm hình tịch thu ở nhà bố mẹ cô tại Jérusalem.
- Ai đây?
- Anh trai một cô bạn thân.
- Cô với anh ta quan hệ thế nào?
- Có lẽ anh ấy yêu tôi… Tôi cũng yêu… Nhưng chỉ có thế… Mấy lại, anh ấy cưới vợ năm rồi.
- Còn người này?
- Với anh này thì có phần sâu hơn… Nhưng đi nghĩa vụ rồi.
Con búp bê mảnh mai này thế mà lắm cuộc tình! Cô ta không ngần ngại thổ lộ, bình luận về từng lá thư, tứng bức hình cho cảnh sát trưởng nghe. Tuy vậy, khi giở tới một bức, bất chợt Denise tỏ vẻ ngập ngừng, bối rối trong một thoáng. Hình chụp một anh chàng khoảng hai lăm, đẹp trai, rất cao lớn, tóc nâu, trên hình ghi tặng "Nhiều âu yếm". Cô gái trấn tĩnh lại.
- Một chàng nhà báo quen từ lâu. Chàng mê tôi. Thế thôi.
Cảnh sát trưởng thấy cần kiểm tra kỹ xem sao. Ông để Denise lại, tới gặp chàng nhà báo. Anh ta khai: Sáng bữa nổ lựu đạn, anh gặp Denise vốn là chỗ quen thân cũ. Cô rủ anh cùng đi tới tiệm thực phẩm mua kẹo. Sau đó, trong lúc hai người đang ở trong phòng Denise nhân lúc bố mẹ cô không có nhà, cô ta bỏ thêm vật gì vào hộp kẹo nhưng anh không quan tâm. Rồi cô ta ra đi, nói là đi gửi hộp kẹo. Cũng trong buổi sáng này, chuyên viên mặt chữ xác định: chữ viết trên danh thiếp gửi kèm hộp kẹo đúng là chữ cô gái. Khi trở lại gặp Denise vẫn đang thu mình nhỏ nhoi trên chiếc ghế bành rộng lớn, cảnh sát tưởng thuật lại hai phát hiện vừa rồi và chờ cô thanh minh: Sau này, Shiloni tâm sự: "Lúc đó, tôi mong chờ một phép lạ diệu kỳ.. Nhưng không, sự thật ghê tởm, sự thật kinh hoàng được thốt ra ráo hoảnh, bằng một giọng đều đều, không lẫn giọt nước mắt nào…" …
Sau khi bị người tình hắt hủi. Denise rắp tâm trả thù. Nhưng năm trước đây, chàng trai đã đi khỏi nước nhà trước khi cô ả kịp ra tay. Ả quyết định: giết bố anh ta, ông già gác đền Ratisbonne. Được anh chàng nhà báo tiếp tay, ả làm chiếc hộp gỗ, đặt trái lựu đạn vào. Lựu đạn đã tháo chốt an toàn, mỏ vịt chỉ còn được nắp hộp được buộc dây thật chắc giữ cho khỏi bật ra. Ả thản nhiên giải thích với cảnh sát trưởng: "Chưa cởi dây buộc, chưa có chuyện gì. Khi mở dây, mỏ vịt bung ra, kim hỏa đập ngay vào ngòi nổ". Chiếc hộp gỗ được giấu kín giữa các gói kẹo.
Lựu đạn kiếm ở đâu? Do một người tình khác, một chú lính. Bị thẩm vấn ngay trong ngày, chú này nhận có yêu cô gái, và để chiều ý cô, chú đã chôm một trái nổ của đơn vị, không ngờ tới chuyện cô ả định giết ông già. Cảnh sát trưởng hỏi thêm: đã đưa cho Denise mấy trái?
Chú lính do dự giây lát rồi thú nhận: trước đó đã tặng một. Cách đây mười bốn tháng, Denise đã đòi chú lính mang cho cô một trái lựu đạn. Chú đã nghe cô kể mối tình đầu dang dở. Một buổi chiều kia, cô cậu cùng dạo chơi gần ngôi đền, cô ả thủ sẵn lựu đạn trong người. Bất chợt cô kêu lên: "Nó kìa! Ném lựu đạn!” Ả dúi nó vào tay, chú lính ném đi rồi hai anh ả kéo nhau chạy. Mây ngày sau chú mới biết kết quả: ba người bị thương nặng trong đó… không có người tình của Denise. Vậy đó!
Con búp bê mảnh mai, cô thiếu nữ nhỏ nhắn mắt biếc… thực ra là một nữ quái. Thích được tán tỉnh, có hàng đống tình nhân, cô ả không tha thứ những kẻ thờ ơ hoặc phản bội. Một nữ chiến binh hung dữ của thói ham mê tình ái dễ hờn ghen.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Sự ra đời của một tội danh mới**

Truyện Mỹ.
Trên đường băng sân bay Roosevelt ở Long Island bên Hoa Kỳ, một chiếc máy bay sắp cất cánh. Máy bay không có gì khác thường: kiểu nhỏ, một động cơ, loại máy bay vẫn thấy hàng ngày trên các sân bay hồi những năm 20 của thế kỷ này. Điều khác thường nằm ở đích đến của nó: Paris. Máy bay sẽ vượt Đại Tây dương, điều từ trước tới lúc này chưa ai làm nổi. Trên khoang lái chỉ có một thanh niên hai mươi lăm tuổi. Với đôi mắt sáng, mái tóc bờm xờm trông càng trẻ hơn tuổi. Mấy người đứng xem lẩm bẩm bảo nhau khi máy bay lao ra biển, bay khuất đường chân trời:
- Tay này điên!
Bảy giờ sáng ngày 20 tháng Năm năm 1927, chàng "điên" hạ cánh xuống sân bay Bourget sau ba mươi ba giờ ba mươi phút bay. Trong một chớp mắt của lịch sử, chàng trai vụt trở thành người nổi tiếng nhất thời đó, thành một anh hùng huyền thoại. Năm năm sau, Charles Lindbergh lại có một cuộc gặp thứ hai với lịch sử, lần này là một cuộc gặp bi thảm…
Bữa người chiến thắng Đại Tây dương trở về, công chúng Mỹ hân hoan đến cuồng nhiệt. Vị anh hùng trẻ tuổi khiêm tốn, niềm nở nên càng chinh phục mạnh lòng mến mộ của mọi người. Tháng Năm năm 1929, khi anh cưới Anne Morrow xinh đẹp, con gái cựu đại sứ Mỹ ở Mêhicô, hầu như cả nước coi đây là một lễ hội chung. Và khi cậu con đầu lòng của họ ra đời ngày 27 tháng Sáu năm 1930, nhà nhà đều coi là tin mừng của chính gia đình mình. Một tờ báo viết "Lindbergh đã cho nước Mỹ chúng ta một đứa con trai”. Hai vợ chồng đặt tên con là Charles Lindbergh. Nhưng ánh hào quang rực rỡ mau chóng trở thành gánh nặng cho đôi vợi chồng trẻ. Mỗi bước đi là một bước bị săn đón: hàng chục, có khi nhà trăm người đeo bám sau lưng, vây kín xung quanh, túc trực trước cửa nhà riêng. Lindbergh phải tính chuyện tìm một nơi ẩn dật, tránh xa đám đông…
Nhờ có dịp bay nhiều lần trên lãnh thổ Hoa Kỳ, anh nhắm được một địa điểm lý tưởng: một vùng rừng núi thuộc New Jersey. Trên đỉnh ngọn đồi có khoảnh đất rộng xung quanh là cánh đồng, bãi cỏ. Thị trấn gần nhất, Hopewell, cũng cách đây nhiều cây số. Đường xá thuộc loại hai, khó lưu thông. Đại tá Lindbergh vừa được thăng cấp - quyết định xây tổ ấm tại đây. Ngôi nhà ở Hopewell mọc rất nham. Chỉ đơn giản thôi: một trệt một lầu. Dưới tầng trệt có phòng ăn, phòng khách, phòng làm việc và mấy gian phụ. Trên lâu là các phòng ngủ. Hai vợ chồng dọn tới ở từ đầu năm, tuy cho tới bữa hôm nay mùng 1 tháng Ba năm 1932, ngôi nhà vẫn chưa hoàn tất. Bé Charles đáng lẽ về chơi với ngoại nhưng không được khỏe nên ở lại nhà. Bệnh không có gì đáng ngại, bé chỉ cảm lạnh sơ sơ, nhưng bố mẹ cẩn thận giữ lại để tiện chăm sóc. Lúc bảy giờ tối, cô bảo mẫu xinh đẹp Betty Gow hai mươi bảy tuổi, người Anh, tắm cho bé. Cô nghĩ: bé đã đỡ, không đáng lo. Tắm xong cô choàng thêm bộ đồ ngủ bằng len ra ngoài sơmi, đặt bé nằm ngủ, dùng kim băng ghim chặt các mép chân cho khỏi tụt. Cô hôn thằng nhỏ rồi ra khỏi phòng. Lúc tám giờ, Betty quay lại. Charles đang ngủ ngon giấc. Thấy cửa sổ chưa đóng, cô tới đẩy mạnh cánh cửa nhưng gỗ tươi trương nở không đóng chặt được, Betty để mở hé vì thấy trời không lạnh lắm. Cơn cảm nhẹ giữ chân đứa bé, cánh cửa sổ không đóng kín.. toàn những điều nhỏ nhặt không quan trọng. Vậy mà lại là đầu mối dẫn tới một trong mấy vụ án gây xôn xao nhất thế kỷ này, để lại những dấu hỏi gần 70 năm sau vẫnchưa có lời giải đáp. Và có lẽ không bao giờ có…
Vào khoảng trước mười hai giờ đêm, hai vợ chồng Lindbergh đang ngồi uống café trong phòng khách chợt nghe tiếng động ngoài nhà. Nhưng họ không bận tâm: chắc cành khô rớt ngoài vườn thôi. Vài phút sau, Anne lên gác ngủ, đại tá vào phòng làm việc. Cô Betty trở lại phòng bé Charles lần nữa cho chắc dạ. Giường Charles trống trơn. Lúc đó cô bảo mẫu không thể nghĩ có chuyện gì khác: bà chủ đã vào mang con về phòng mình. Cô tới gõ cửa phòng Anne: Không có Charles trong đó. Cả hai người chột dạ, chạy vội xuống tầng dưới, tông cửa phòng làm việc. Lindbergh đang ngồi viết. Không có Charles trong phòng. Ba người hốt hoảng chạy vội lên cầu thang, vào phòng trẻ…
Và hiểu ngay ra: dưới sàn có vết bùn, ngoài cửa sổ có chiếc thang dựa bờ tường, trên lò sưởi hơi gần chiếc cửa sổ có chiếc bì thư nhỏ. Charles Lindbergh đã bị bắt cóc!
Vài phút sau cảnh sát đã có mặt. Dấu vết trên hiện trường rất dễ xác minh. Nhất là lá thư bằng tiếng Anh viết tay, lời lẽ kỳ cục, đầy lỗi chính tả, tạm dịch:  *"Ông thân mến! Thu xếp 50.000 đô, 25.000 bằng giấy hai chục, 15.000 bằng giấy một chục, 10.000 bằng giấy năm đô. Sau hai bốn ngày sẽ bảo chỗ nộp. Không được báo cảnh sát, không nói năng gì. Thằng nhỏ được coi sóc tốt. Thư bọn này gửi cho ông mang chữ ký dưới đây…* "
Không có chữ ký, chỉ có một hình vẽ quái dị: hai vòng tròn một xanh một đỏ ngoắc vào nhau, mỗi vòng có 3 lỗ thủng. Không phải chuyên viên cũng thấy ngay kẻ viết bức thư là người nước ngoài, chắc người Đức. Vì đáng lẽ viết “tốt” theo tiếng Anh là "good" thì hắn lại viết tiếng Đức “gut”. Trên thư không có vân tay. Các vết bùn cũng không nói lên điều gì. Tên, hoặc những tên hung thủ, chắc đã bọc giầy trong những chiếc tất. Chỉ có cái thang đáng chú ý. Thang có kết cấu rất đặc biệt: có thể tháo rời thành ba đoạn. Loại thang không có bán trên thị trường mà được chế tạo thủ công với chất lượng tuyệt hảo, chắc là tác phẩm của một tay thợ chuyên nghiệp rất lành nghề. Hơn nữa, thanh thứ sáu kể từ dưới lên bị gẫy khiến hung thủ té ngã để lại dấu trên bùn và gây tiếng động mà hai vợ chồng Lindbergh ngồi trong phòng khách đã nghe. Gần chân thang, cảnh sát lượm được chiếc đục thợ mộc. Những dấu vết và vật chứng ban đầu cho thấy: có thể hung thủ là thợ mộc, người gốc Đức. Tất nhiên, nếu những thứ đó không do nó cố ý tạo ra để đánh lạc hướng điều tra.
Sáng hôm sau, đại tá Lindbergh mang bộ mặt căng thẳng, xanh rớt tới cuộc họp báo. Ông tuyên bố sẵn sàng thỏa mãn mọi yêu sách, hứa không làm bọn bắt cóc bị cảnh sát quấy rầy. Điều ao ước duy nhất của ông bà là lại được ôm thằng con vào lòng. Niềm xúc động của người dân Mỹ, của người các nước trên thế giới thật mãnh liệt. Hàng ngàn thư, điện tới tấp gửi về Hopewell, trong đó có cả thư thăm hỏi của tổng thống mỹ và nhiều nguyên thủ quốc gia. Công chúng Mỹ coi đây là một thách đố, một sỉ nhục với mỗi cá nhân. Hàng ngàn người tình nguyện trở thành thám tử. Cơ quan cảnh sát bị ngập dưới vô vàn lời tố giác mơ hồ, bối rối trước vô số đầu mồi giả. Họ tiến hành cuộc điều tra trong những điều kiện rối mù, trong không khí hoang mang cực độ của dân chúng, nên vụ án trở nên cực kỳ khó khăn, một trong những vụ khó nhất lịch sử Hoa Kỳ.
Trước tiên họ tìm dấu vết hung thủ trong số người giúp việc gia đình Lindbergh. Cảnh sát cho rằng: hung thủ có tay trong là điều hiển nhiên. Nếu không, làm sao nó biết đích xác phòng ngủ của đứa bé, nhất là biết rõ tối đó nó ở lại nhà chứ không tới chỗ ông bà ngoại, Nhưng đại tá Lindbergh lại hoàn toàn tin tưởng những người giúp việc, cấm cảnh sát thẩm vấn họ. Sau này, thái độ kỳ cục của ông bị chê trách mạnh và gây nên nhiều lời đồn đại…
Trước mắt, do bị ngăn tiếp xúc với người làm, cảnh sát tập trung vào nhân vật gần gũi với đối tượng đó: chàng lính thủy người Na Uy tên Henry Jonhson, lái xe cũ của Lindbergh hiện đang là tình nhân của cô bảo mẫu Betty Gow. Anh ta đã tới đây ngày 28 tháng Hai, và hẹn sẽ trở lại ngày 1 tháng Ba, ngày xảy ra vụ bắt cóc. Nhưng chiều hôm ấy anh gọi điện cho Betty báo hoãn nhưng không nói lý do. Chừng ấy đủ cho cảnh sát bắt giữ Henry ngày 4 tháng Ba. Hơn nữa, cảnh sát có thêm hai bằng chứng khiến họ càng nghi ngờ: nhiều nhân chứng đã nhìn thấy vào đúng buổi chiều hôm đó một chiếc Chrysler xanh lá cây đỗ gần biệt thự Lindbergh. Henry cũng có một Chrysler xanh lá cây. Khám xe, thấy trong cốp có…một chai sữa. Thủy thủ uống sữa là chuyện khó tin. Đúng là của thằng nhỏ. Cảnh sát tra hỏi Henry khá mạnh tay trong lúc đường phố nổi loạn. Đám đông tức giận định xông vào đồn:
- Không cần xét xử! Treo cổ nó lên! Xé xác nó ra bà con ơi!
Cảnh sát phải đàn áp dữ dội mới giải tán hết. Thật vô cùng may mắn cho Henry, anh ta có bằng chứng ngoại phạm không thể bác bỏ: cả ngày lẫn đêm mùng 1 tháng Ba anh đều ở tại gia đình cho trọ, rất đông người xác nhận như vậy. Sữa là thức uống thường ngày của anh. Là thủy thủ mà lại giải khát bằng sữa, suýt nữa Henry phải trả giá đắt. Trong lúc đó, vợ chồng Lindbergh nhận được bức thông điệp thứ hai, cũng có hai vòng tròn thủng lỗ: *"Đã dặn không được báo cảnh sát. Nhưng mấy người báo, nên phải chịu hậu quả. Tiền chuộc từ 50.000 lên 70.000 đô”*
Đúng lúc này cảnh sát thấy xuất hiện một khách quen: Al One. Tên cướp khét tiếng đang đếm lịch trong nhà tù Cook Country, nhưng dư âm của nó còn lớn đến mức một thám tử không ngần ngại tuyên bố với báo chí rằng chính nó đã tổ chức, chỉ huy vụ bắt cóc từ nơi giam giữ. Al One không bỏ lỡ dịp tốt. Nó viết đơn cho tổng thống Mỹ cam đoan biết rõ nội vụ từ đầu và sẵn sàng khai hết. Với hai điều kiện: phải thả nó ra, và duy trì đạo luật Cấm Rượu. Chẳng cần nhiều thì giờ điều tra, nhà chức trách biết ngay Al One chỉ là tên đại bịp, nó chẳng biết chút gì hết. Họ để nó ngồi yên trong rù, cuộc điều tra lại bắt đầu từ số không.
Ngày 8 tháng Ba, một tuần sau vụ bắt cóc, vợ chồng Lindbergh vẫn không liên lạc được với bọn cướp. Họ tuyệt vọng, biết rằng mỗi ngày trôi qua là mỗi ngày giảm bớt khả năng thấy lại đứa con còn sống. Họ nhờ đăng lên báo lời kêu gọi thảm thiết: "Vợ chồng chúng tôi xin được tiếp xúc với những người đã bắt cóc con chúng tôi. Xin cử cho một đại diện tới gặp người của chúng tôi, người này phải được các ông chấp thuận, nơi gặp do các ông ấn định".
Tới thời điểm này mới có đôi chút chuyển biến. Nhưng không do công của cảnh sát, mặc dầu họ đã huy động những lực lượng và những phương tiện lớn lao nhất từ trước tới giờ. Mà do sáng kiến có phần kỳ cục của một công dân Mỹ bình thường, một nhân vật bất ngờ và đặc biệt nhất trong câu chuyện này. Giáo sư Condon là con người lập dị, đãng trí, mơ mộng, một con người theo chủ nghĩa lạc quan cực đoan luôn cho rằng chỉ cần có đôi chút thiện chí là thay đổi được thế giới. Vị cựu giáo sư khoa sư phạm bảy mươi tư tuổi dùng thì giờ nghỉ hưu rảnh rỗi vào việc rèn luyện cơ thể và nghiên cứu thuật thần bí. Mọi người quý mến ông nhưng không tin tưởng lắm vào những gì ông làm. Như mọi người khác, giáo sư Condon rất phẫn nộ và cũng muốn giúp một tay. Ông tới tòa soạn tờ Bronx Home News, báo địa phương của Bronx ở ngoại ô New York nơi ông cư ngụ. Ông bảo các ký giả:
- Mấy chú đăng ngay lên báo: tôi sẵn sàng làm trung gian tới gặp bọn cướp. Tôi cam đoan không phản chúng và xin góp 1.000 đô, toàn bộ số tiền dành dụm cả đời người, vào tiền chuộc.
Nhà báo thấy đề nghị của giáo sư già nực cười. Đã có biết bao nhân vật cao cấp trong giới tôn giáo, giới dân sự nhận đứng trung gian rồi, ông già lập dị này trông mong vào cái gì?
Nhưng sẵn có thiện cảm với ông và thấy ông khẩn khoản rất chân thành rất cảm động, nhà báo đăng lên trang nhất số báo sớm hôm sau. Ngay hôm đó giáo sư Condon nhận được thư hồi âm của bọn cưốp. Thư gấp làm tư, đề “Đọc cho ông Lindbergh”. Giáo sư nhấc điện thoại, chờ khá lâu mới gặp được đại tá. Ông nói hết đầu đuôi. Đại tá Lindbergh không tỏ ra tin tưởng lắm, vì đã có không dưới mười cú phôn tương tự, tất cả đều do những kẻ thích đùa dai hoặc những tên lừa đảo. Hơn nữa, giáo sư lại là người không thật nghiêm túc. Thì ông hãy nghe đọc lá thư này xem sao?
"*Thưa quý ông. Ông Condon làm trung gian coi bộ được. Hãy trao 70.000 đô cho ông ta. Coi chừng đó, đừng hòng giăng bẫy. Nhận đủ tiền sẽ bảo nơi đón thằng nhỏ"*.
Lindbergh bàn đặt một câu hỏi mà ông cho là có tính chất quyết định. Từ bữa nhận được lá thư của bọn bắt cóc, ông đã yêu cầu cảnh sát không tiết lộ cho báo chí một chi tiết quan trọng và không ai có thể bịa ra.
- Ký tên ai?
- Lạ lắm, ông đại tá! Không hẳn là chữ ký. Chỉ có một vòng tròn xanh và một vòng tròn đỏ, với ba lỗ thủng…
- Giáo sư thuê ngay chiếc xe chạy tới Hopewell. Tôi chi tiền. Đi lẹ lên! Tôi van ông…
Suốt một tháng sau, giáo sư Condon thương lượng với bọn cướp. Cuộc thương lượng đầy khó khăn, vì đại tá Lindbergh nhất định đòi cung cấp bằng chứng thằng nhỏ đang nằm trong tay chúng và số tiền chuộc chỉ có 50.000 chứ không phải 70.000 đôla. Mãi tới khi giáo sư Condon nhận được, qua bưu điện, bộ đồ ngủ tí xíu của đứa bé, đại tá Lindbergh mới quyết định: sẽ giao tiền chuộc ngay. Hai bên thỏa thuận ngày 2 tháng Tư, ban đêm, tại một nghĩa trang của New York. Cảnh sát chấp nhận thỉnh cầu của đại tá: không giăng bẫy, nhưng đòi ghi số tất cả mọi tờ giấy bạc. Xe đại tá chở giáo sư đỗ trước cổng nghĩa trang. Một mình giáo sư len lỏi giữa các nấm mộ, ôm chặt vào ngực chiếc hộp đựng 50.000 đôla. Một bóng đen lầm lũi tới gần. Bắt đầu cuộc gặp gỡ kỳ lạ giữa vị giáo sư già đầy lòng nhân hậu với một trong những tên cướp ghê tởm nhất nước Mỹ. Trời sáng trăng. Tên cướp giấu kín mặt, chỉ chiếc hộp:
- Đựng gì vậy? - Nó nói giọng Đức đặc sệt:
- 50.000 đô.
- Phải đủ 70.000 đô.
Giáo sư cố thuyết phục: vợ chồng Lindbergh không sao kiếm được hơn, thế này đã quá sức họ rồi. Rất lâu mới đi tới thỏa thuận. Tên cướp nhận chiếc hộp, trao lá thư nói địa điểm tìm đứa bé. Trước khi biến, nó ngoái cổ dặn: chỉ được mở sau ba tiếng. Di nhiên Lindbergh không chờ, ông mở ngay bì thư. "Đứa bé ở trên tàu Nelly, tàu nhỏ dài chừng 9 mét. Trên tàu có hai người. Cả hai không dính dấp chuyện này. Tàu ở giữa vịnh Horseneck và GuyHead, gần đảo Elisabeth”.
Đại tá nhảy lên máy bay. Tới nơi, hỏi dân địa phương thì không ai biết có con tàu Nelly. Bay rất nhiều vòng ngang dọc bờ biển, người bố đáng thương không tìm thấy dấu hiệu gì.
Ở Hopewell mọi người rất sung sướng trước kết cụ đầy may mắn, Một tiệc mừng lớn được chuẩn bị. Phòng thằng nhỏ sau bao tháng âm u bữa nay được thắp sáng trưng. Chiếc nôi đã sẵn sàng đón bé. Gần trưa Lindbergh mới về tới nhà. Chỉ có một mình. Ngày 6 tháng Tư, ông thừa nhận trước giới báo chí mình đã bị lừa. Và phát đơn kiện. Ngay lập tức, số các tờ bạc được thông báo cho mọi ngân hàng Mỹ và Canađa.
Lindbergh lần theo đầu mối khác, hay đúng hơn, trở lại đầu mối cũ. Đó là John Hugues Curtis, chủ thuyền ở Norfolk, người đã tới kiếm đại tá từ ngày 22 tháng Ba trước. Bữa đó, cùng với John còn có hai nhân vật đáng kính: mục sư Dobson Peackok chủ trị nhà thờ Norfolk và đô đốc Burnage. John cho biết: một người tên Sam đã nhân danh bọn cướp liên lạc với ông, người này biết chỗ đứa bé đang ở…
Hồi đó đại tá Lindbergh đang đặt hết hi vọng vào giáo sư Condon nên bỏ qua tin này. Sau đó , John và mục sư Peackok liên tục thông báo cho báo chí biết họ bí mật tiếp xúc nhiều lần với bọn cướp nhưng không được phép lộ chi tiết. Sau khi mất toi tiền chuộc, Lindbergh không thể nghĩ gì khác: có lẽ John nói đúng. Hơn nữa, vào đúng lúc này John vừa đưa ra một tuyên bố cực kỳ giật gân được mọi tờ báo đăng lên trang nhất: ông ta đang giữ một số tờ bạc trong khoản tiền chuộc, do bọn cướp đưa trên con tàu cá xanh bỏ neo trong vịnh Norfolk. Chúng có năm tên: ba đàn ông, hai đàn bà, đều là người Bắc Âu. Mọi chi tiết đều được John miêu tả tỉ mỉ: tên, nhân dạng, diễn biến vụ bắt cóc…
Cảnh sát bỏ ngoài tai nhưng Lindbergh coi đây là hy vọng cuối cùng. Ông đưa John lên du thuyền chạy khắp vịnh Norfolk kiếm chiếc tàu cá màu xanh. Cuộc tìm kiếm diễn ra như một chiến dịch quân sự: ngoài du thuyền của viên phi công còn có ba thủy phi cơ, sáu diệt ngư lôi hạm, mười ba tàu cao tốc trang bị đại liên, năm chục tàu tuần tiễu… săn lùng suốt ba ngày đêm…
Ngày thứ ba, mọi người mới té ngửa: ông mục sư trục trặc thần kinh và lão chủ thuyền háo danh bịa chuyện để được mọi người chú ý. Chiến dịch kết thúc trong thảm bại. Lindbergh kiệt sức trở về sau một ngày lênh đênh trên du thuyền. Trên bến, trung úy cảnh sát Richard đứng chờ sẵn. Anh bước tới:
- Thưa đại tá, nên chấm dứt mọi tìm kiếm.
- Sao? Tìm thấy thằng nhỏ rồi?
- Vì… vì cháu chết rồi, thưa đại tá. Vừa tìm thấy xác cháu…
Ngày 12 tháng Năm năm 1932, hai công nhân xe tải tới chở gỗ thấy trong cánh rừng ngay bên biệt thự Hopewell xác một đứa trẻ con. Cô bảo mẫu khẳng định quần áo trên thi thể đúng là của cậu bé Charles Auguste Lindbergh. Thế là hết!
Kết quả khám nghiệm càng làm tăng nỗi khủng khiếp. Tình trạng xác chết cho thấy đứa bé bị giết từ hơn tháng rưỡi trước, rất có thể ngay đêm bị bắt. Mọi cuộc mặc cả của bọn cướp chẳng qua chỉ là trò lừa bịp khốn nạn. Xương sọ đứa bé bị đập vỡ, có thể nó bị giết trong rừng, cũng có thể bị đập đầu xuống đất khi thang gãy…
Toàn liên bang phẫn nộ thét to đòi trả thù. Lúc này cảnh sát có thể rảnh tay hoạt động, không còn phải thận trọng như khi đứa trẻ dường như đang sống trong tay bọn cướp. Hơn nữa, quốc hội vừa thông qua đạo luật khẩn cấp “Luật về vụ bắt cóc Lindbergh”, giao trách nhiệm cho FBI mởi điều tra trong mọi vụ bắt cóc. Trước khi có đạo luật này, bắt cóc ở địa phương nào chỉ do cảnh sát địa phương đó đảm trách. Đầu tháng Sáu năm 1932, xuất hiện yếu tố mới: các tờ bạc tiền chuộc lần lượt bị phát giác. Tên cướp khá thận trọng, hắn tiêu theo kiểu nhỏ giọt. Thỉnh thoảng mới có một ngân hàng tìm thấy một tờ khi kiểm tiền cuối ngày. Cái khó là truy lùng tìm kẻ mang nó tới. Đôi khi bắt giữ được một người thì lần nào cũng là một thương nhân lương thiện không nhớ ra ai đã trả cho mình tờ bạc đó. Tuy nhiên cảnh sát thấy một chi tiết đáng chú ý: Phần lớn các ngân hàng nhận loại bạc này đều nằm trong quận Bronx thuộc New York. Mà Bronx lại là nơi giáo sư Condon cư ngụ. Và ông đã đăng lời kêu gọi bọn cướp trên tờ báo địa phương. Như vậy, có nhiều khả năng nó là người nơi đây.
Đầu mối xem ra có vẻ chắc ăn và dễ nhưng lại đặt ra nhiều trở ngại khó vượt qua. Trước hết, Bronx có hàng trăm ngàn cư dân trong đó có nhiều ngàn người mang dáng vẻ tương tự tên cướp. Sau nữa điều tra các ngoại kiều dù là người Ý, người Tàu hay người Đức sinh sống ở Mỹ xưa nay đều vô cùng khó. Họ thường bảo vệ lẫn nhau, hiếm khi tố giác kẻ bị tình nghi. Dorothy vậy, cảnh sát đi theo hướng trước đây đã tính đến: phát hiện tay trong của hung thủ ở đám người giúp việc nhà Lindbergh. Cô hầu phòng vợ đại tá, một cô tóc nâu kiều diễm hai mươi bảy tuổi, tên Violette Sharp được cảnh sát coi là người đó. Kiểm tra thấy đêm xảy ra vụ việc, cô ta không ở nhà mà chũng không cung cấp được bằng chứng ngoại phạm. Cảnh sát thẩm vấn gắt gáo. Thái độ Sharp tỏ ra khác thường: cam đoan tối đó tới chơi với ba người bạn nhưng nhất quyết không chịu kể tên. Chỉ cho biết: một trong ssó đó tên Ermest. Vừa bặn cảnh sát mới tóm cổ một gã tên Ermest Brinkert, nghi là thủ phạm. Khi đưa hình gã cho Sharp, cô ta òa khóc. Phải chăng cô thú nhận?
Vì đêm đã khuya, cảnh sát hoãn cuộc thẩm vấn tới sáng hôm sau. Nhưng bữa sau đó, cảnh sát chẳng biết được gì thêm: mới nói được vài câu, Sharp xin vào toa-let. Lát sau, người ta thấy cô nằm chết trong đó: tự sát bằng thuốc độc cyanua. Phải chăng đây là minh chứng phạm tội? Hay là cách thẩm vấn thô bạo đã khiến cô gái dễ xúc cảm phải quyên sinh?
Trong khi đó, Ermest Brinkert cũng khốn đốn: không có bằng chứng ngoại phạm, đã thế, tuy giáo sư Condon không khẳng định dứt khoát nhưng cho rằng gã có thể là tên đã gặp ông trong nghĩa trang. May sao, cuối cùng Ermest Brinkert được... Ermest Miller cứu thoát. Anh này tự tìm đến cảnh sát, nhận đêm đó ở vùng Violette Sharp và đôi bạn thân khác nữa. Vậy là cả bốn đều vô can. Có điều là anh ta không biết tại sao cô bạn gái tự tử. Hai Ermest được tha về. Tới thời điểm này xuất hiện một anh chàng đáng mặt nhân vật trong tiểu thuyết: Arthur. Barry có thể coi như Arsène Lupin người Mỹ, có tài chôm chỉa không kém nhân vật người Pháp trog các chuyện trinh thám cuả Maurice Leblanc. Thói táo tợn khó tin của gã đã một thời giúp báo chí bán chạy như tôm tươi. Như trong vụ trấn lột toàn bộ đồ frang sức của một chủ ngân hàng giầu nhất đám ngay giữa dạ hội khiêu vũ, trong những điều kiện hết sức nực cười... Đêm xảy ra vụ bắt cóc Arthur tới thuê căn biệt thự kế cận biệt thự nhà Lindbergh. Để làm gì?
Cảnh sát thấy cần hỏi cho ra nhẽ. Sợ bị gán tội tầy đình phải lên ghế điện như chơi, gã đành bấm bụng thú nhận bằng chứng ngoại phạm của mình. Phải dùng từ "thú nhận" trong trường hợp độc đáo này vì bằng chứng ngoại phạm của Arthur không giống ai: một vụ ăn trộm!
Đêm đó gã tới "thăm" một nhà ở Concordia cách xa nơi xảy ra bắt cóc chừng một trăm kilomet. Gã tả lại cuộc ăn sương rất cụ thể, với đầy đủ những chi tiết kỹ thuật chính xác đến một cảnh sát tin bằng chứng ngoại phạm của gã và thay vì thả cho về, họ phải bắt đi đếm lịch năm năm vì tội trộm cắp.
Đã sang tháng Mười năm 1932. Cuộc điều tra chưa lần ra manh mối nào. Lực lượng cảnh sát được huy động đông đảo nhất trong lịch sử để phá một vụ án hình sự nhưng lại tỏ ra bất lực. Năm 1933 trôi qua, tình hình vẫn không nhúc nhích. Hai vợ chông Lindbergh hoàn toàn thất vọng, rời ngôi biệt thự đáng lẽ là tổ ấm tràn đầy hạnh phúc của họ. Họ tặng nhà cho chính quyền bang New York dùng làm nơi cưu mang trẻ nghèo. Báo chí thấy chuyện đã nhàm, chỉ thỉnh thoảng mới nhắc tới. Chín tháng đầu của năm 1934 lặng lẽ trôi. Bất chợt vụ án lại bùng lên trong một hoàn cảnh không ai ngờ. Lần này những yếu tố kinh tế vĩ mô đóng vai trò quyết định. Như nhiều người đã biết, cho tới cuộc đại khủng hoảng năm 1929, một phần các tờ bạc Mỹ có thể đổi lấy vàng, những tờ này được gọi là "chứng chỉ vàng". Bất cứ ai cũng có thể mang những tờ đó tới ngân hàng đổi lấy số vàng tương ứng. Đến năm 1933, nhằm vực dậy nền kinh tế chính quyền bãi bỏ lệ này, các chứng chỉ vàng không được phép lưu hành, phải đổi lấy tờ bạc không chuyển đổi. Một phần lớn số tiền chuộc của nhà Lindbergh thuộc loại chứng chỉ vàng.
Ngày 15 tháng Chín năm 1934, một chiếc xe tới đậu trước trạm xăng phường Bronx. Đổ xăng xong, người lái trả tờ đô chứng chỉ vàng. Chủ trạm lưu ý anh ta: lọai bạc này không còn được lưu hành, người lái xe đáp:
- Lo gì không xài được. Tôi còn cả đống ở nhà, có sao đâu!
Thấy khách hơi dữ tướng, chủ trạm xăng nín thing, chỉ bí mật ghi số xe, báo cảnh sát kèm theo tờ bạc. Tờ bạc mang số của khoản tiền chuộc. Việc xác minh tung tích gã lãi xe không khó: Bruno Hauftmann, ngụ đường 32 phường Bronx, thợ mộc, gốc Đức. Sau bốn ngày bám đuôi không thấy gì khác, cảnh sát quyết định bắt giữ. Trong chốc lát, Bruno vụt trở thành người nổi tiếng nhất nước. Bruno sinh năm 1899 bên Đức. Trong Thế chiến thứ nhất, hắn chiến đấu dũng cảm, nhưng sau khi xuất ngũ, không thích nghi được với đời sống thường dân. Hắn liên tiếp trộm cắp, đã bị chính quyền Đức kết án bốn năm tù, cấm lưu trú mười lăm năm. Hắn bèn vượt biên sang Mỹ định làm lại cuộc đời. Khởi đầu khá thuận lợi, nhờ có tay nghề thợ mộc rất khéo nên kiếm ngay được chỗ làm tốt. Sau vài năm hắn cưới cô đồng hương Anna Schoefle, đẻ một đứa con, dọn tới ở trong ngôi nhà vườn ở Bronx. Bruno có vẻ đã tu tỉnh, trở thành người lương thiện. Nhưng có một điều đáng ngạc nhiên: năm 1932 đột nhiên hắn bỏ chỗ làm ở công ty Lumber và tuy thất nghiệp nhưng mức sống lại lên hương: hai vợ chồng đi nghỉ hè ở Florida, tậu chiếc xe cáu cạnh. Ngay lần xét nhà đầu tiên cảnh sát tìm thấy số tiền chuộc cất giấu dưới tấm ván trong gara. Các cuộc thẩm vấn nối nhau không dứt nhưng Bruno chối phăng, trả lời trôi chảy mọi câu hỏi.
- Các tờ bạc ở đâu ra?
- Một người bạn thân tặng tôi chiếc hộp này khi anh ta sắp trở về Đức. Lúc nhận, tôi không biết hộp đựng gì.
- Tên người đó?
- Fisch.. Isidor Fisch.
- Hiện giờ ở đâu?
- Chết rồi.
- Nói dễ nghe thế!
- Biết làm sao được! Tôi có giết anh ta đâu? Nghe tin anh ta chết, tôi mới mở hộp ra coi và thấy toàn giấy bạc. Biết anh ta không có người thừa kế, tôi mang tiền ra xài…
Cảnh sát đi xác minh, thấy có người tên là Isidor Fisch thật. Bị lao phổi, trở về Đức, chết ngay khi vừa tới đích. Khi lên đường, có để lại một phần tài sản cho Bruno. Vậy là lời khai của Bruno có phần đúng. Phải kiếm thêm bằng chứng. Bằng chứng do chuyên viên giám định đồ mộc Koehler cung cấp khá thuyết phục. Qua xem kỹ chiếc thang, ông đưa ra một kết luận thần tình, một kiết tác về suy luận khoa học. Ngay từ trước khi Bruno bị bắt, ông đã tuyên bố: chất liệu gỗ này chỉ có ở công ty Lumber, nơi Bruno đã từng làm việc. Giờ đây, ông khai còn chi tiết hơn. Một bên tay thang có bốn lỗ vuông, vừa khít với bốn chiếc đinh tìm thấy trong nhà Bruno. Thang được bào bằng lưỡi bào của Bruno: lưỡi bào đã cũ, để lại trên mặt gỗ những rãnh li ti có hình dáng đặc thù không lẫn vào đâu được, giống như dấu vân tay…
Kiểm tra bộ đồ nghề của hắn thấy thiếu một chiếc đục, đúng phóc chiếc đục rớt trên hiện trường hồi tháng Ba năm 1932. Chưa hết, khám nhà thật kỹ lần nữa cảnh sát thấy sau cánh cửa tủ ghi một số điện thoại: số máy giáo sư Condon…
Bruno tìm cách chống chế:
- Tôi quan tâm tới vụ Lindbergh như tất cả mọi người. Đọc thấy số điện của giáo sư, tôi ghi lại để theo dõi tình hình…
Khốn nỗi, các tòa soạn khi được hỏi đều cam đoan chưa bao giờ đăng số điện của giáo sư lên báo. Bruno vẫn một mực kêu oan, nhưng cuộc điều tra đến đây kết thúc. Hắn bị buộc tội bắt cóc bé Charles Auguste Lindbergh, sẽ phải ra trước vành móng ngựa.
Phiên tòa khai mạc ngày 2 tháng Giêng năm 1935 ở Flemington bang New Jersey. Một phiên tòa kiểu Mỹ, nghĩa là rất đồ sộ, vượt qua mọi kích cỡ thông thường: trên một ngàn hai trăm ký giả chen chúc trong thành phố nhỏ, bưu điện phải thiết lập mạng điện thoại riêng cho họ với dung lượng lên tới ba triệu từ mỗi ngày. Bên nguyên, bên bị tập hợp tất cả các luật sư giỏi nhất. Ngồi ghế công tố là tổng kiểm sát trưởng Willentz mặt sắt đen sì với tài hùng biện đã thành huyền thoại. Bị cáo có bốn luật sư do Edward Reilly chỉ đạo. Ông là nhà tội phạm học danh tiếng nhất Hoa Kỳ thời đó, là luật gia sáng giá nhất và cũng giảo hoạt nhất. Cử tọa lèn chặt phòng xử chật hẹp. Không khí như bốc lửa. Nhân chứng đầu tiên lên khai: bà Lindbergh. Cử tọa im phăng phắc. Bà rất xúc động nhưng cố trấn tĩnh thuật lại vụ việc. Khi tòa đưa vật chứng ra, trong đó có bộ đồ ngủ tí xíu bằng len, bà ngã ngất…
Bên bị đơn tỏ ra khôn khéo, tuyên bố từ bỏ quyền phản biện. Đến lượt đại tá. Ông vẫn giữ được vẻ sinh viên với đôi mắt xa xăm mái tóc rối bù, trông trẻ hơn tuổi băm hai. Riêng cái nhìn dường như đăm chiêu hơn, khắc khổ hơn ngày xưa… Ông nhắc lại diễn biến như bà vợ vừa kể, rồi kể tới cảnh đi nộp tiền chuộc. Không khí phòng xử càng căng thẳng vì mọi người đều biết viên đạo tá đã trực tiếp chứng kiến cảnh này, tuy hơi xa một chút. Xe chạy trong đem tối qua các đường phố vắng lặng của New York, dừng lại trước cổng nghĩa trang, giáo sư Condon ôm chiếc hộp mất hút giữa các nấm mồ… Và ông nghe tiếng gọi phía xa:
- Tới đây, giáo sư!
Tổng kiểm sát trưởng Willentz hỏi:
- Sau bữa đó, có khi nào ông nghe lại giọng nói này không?
- Có, tôi có nghe.
- Đó là giọng của ai?
- Của Bruno Hauftmann.
Lời khai của đại tá gây ấn tượng mạnh, nhưng không thấm gì so với lời khai của người tiếp theo, người đang được mọi người nóng lòng chờ đợi, nguời duy nhất đã trò chuyện với tên cướp, người làm chứng số một…
Giáo sư Condon khai ngày 9 tháng Giêng. Bữa đó công chúng hiếu kỳ kéo tới quá đông, tòa phải xin thêm cảnh sát trật tự. Tuy tuổi cao, tóc bạc trắng, nhưng dáng đi của giáo sư vẫn nhanh nhẹn, cứng cáp khi ông bước lên chỗ đứng khai. Ông tả tỉ mỉ, chính xác cuộc gặp trong nghĩa trang…
Tổng kiểm sát trưởng hỏi:
- Người giáo sư gặp đêm đó là ai?
Condon quay sang bị cáo, nhìn thẳng mắt hắn, đáp chắc nịch:
- Bruno Hauftmann.
Đến lượt các chuyên viên. Lời khai của họ càng đè nặng lên bị cáo. Trước hết là chuyên viên nhận mặt chữ Albet Osborn có uy tín khắp thế giới. Kết luận của ông dựa trên ba mươi bản viết tay gồm mười bốn thư tống tiền gửi cho vợ chồng Lindbergh và giáo sư Condon, mười sáu bản khác của Bruno viết trước và sau khi bị bắt.
- Tất cả các thư tống tiền đều do một người viết: Bruno Hauftmann.
Osborn đưa ra một loạt dẫn chứng không thể bác bỏ: những lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp, hình dáng các con chữ, con số. Sau Osborn đến Koehler, chuyên viên kì tài về đồ gỗ. Ông trình bày các suy luận và minh chứng rất khoa học của mình: không nghi ngờ gì, các thứ tìm thấy trong nhà Bruno là những thứ đã được dùng để chế tác chiếc thang dùng trong vụ bắt cóc.
Bên bị cho qua những lời làm chứng chính xác đó, chỉ bám chặt lấy khía cạnh duy nhất họ đang có lợi thế: đồng phạm với hung thủ là ai? Vì rõ ràng Bruno không thể hành động đơn độc. Phải có kẻ chỉ đường đi lối lại trong biệt thự, vị trí từng người trong từng phòng…
Mặt khác, thái độ đại tá Lindbergh kiên quyết không cho thẩm vấn người giúp việc cũng rất khả nghi. Phải chăng ông ta bao che cho ai đó?
Bên bị nêu tên các đồng phạm: Isidor Fisch, bạn chí cốt của Bruno, kẻ đã trao nộp tiền cho hắn trước khi về chết bên Đức; Violette Sharp, cô gái đã tự vẫn; bếp trưởng của gia đình Lindbergh vùa qua đời chưa lâu…
Cả ba đều đã hết sống, không thể tới tòa cãi lại. Luật sư Reilly còn đi xa hơn. Ông lên án cô bảo mẫy Betty Gow: cô có đủ phương tiện giúp tên cướp lọt vào nhà. Giáo sư Condon cũng không thoát khỏi ông luật sư nảy lửa: tại sao giáo sư được chúng chọn đứng ra trung gian? Thật đáng ngờ!
Tuy nhiên, tất cả chỉ là giả thuyết. Trong năm chục người làm chứng của bên bị, không ai đưa ra được bằng chứng gỡ tội nào, dù chỉ là một bằng chứng nhỏ. Trong khi bên nguyên có tới một trăm người làm chứng. Phiên tòa gần kết thúc. Tổng kiểm sát truởng Warrentz kết luận:
- Hung thủ đang đứng trước mắt chúng ta. Nếu không xử hắn, ngay ngày mai sẽ không còn bà mẹ nào nhìn con mình đi tới trường mà không cảm thấy khiếp sợ. Tôi yêu cầu án tử hình.
Bất chợt xảy ra chuyện bất ngờ. Từ cuối phòng bỗng cất lên tiếng thét:
- Dừng lại! Dừng lại! Tôi là mục sư. Vừa có người xưng tội giết người!
Đó là mục sư Vincent Brunz. Ông được dẫn lên chỗ khai. Nhưng chỉ nói được mấy câu lảm nhảm: thì ra ông ta đã mất trí từ lâu. Đây là sự kiện cuối cùng trong vụ án, một vụ bao phủ trong bầu không khí ồn ào không sao tưởng tượng nổi, cho tới phút chót vẫn rối rắm, hỗn loạn vì có quá nhiều tên lừa đảo, bịp bợm, dối trá can thiệp vào định đục nước buông câu...
Ngày 13 tháng Hai năm 1935, sau mười một giờ nghị án, hội đồng xét xử tuyên bố Bruno Hauftmann phạm tội giết người có định trước, phải lĩnh án tử hình. Tuy vậy, chiếc ghế điện còn phải chờ lâu. Ở Hoa Kỳ có hàng loạt thủ tục tư pháp trì hoãn việc thi hành án. Vả lại, trong trường hợp này, không phải tất cả mọi chuyện đều rõ như ban ngày. Các tờ viết tay, chiếc thang, chiếc đục đều của Bruno, một mình nó nắm giữ các tờ bạc tiền chuộc, chính hắn tới gặp giáo sư Condon... đó là những điều đã rõ. Nhưng nếu hung thủ có hành động đơn độc? Nếu không có đồng phạm, làm sao nó biết chắc tối đó bé Lindbergh ở nhà chứ không tới ông bà ngoại như đã dự định? Làm sao nó biết đích xác phòng ngủ của đứa nhỏ? Và nếu Bruno không phải là hung thủ duy nhất thì phần trách nhiệm của nó đến đâu? Hắn có phải là kẻ giết bé Charles Auguste?... Đây là những nghi vấn không thể không đặt ra.
Vì những lẽ đó, một Uỷ ban bảo vệ Bruno ra đời, do Anna, vợ hung thủ đứng đầu. Chị ta tổ chức nhiều cuộc họp tại tất cả các thành phố lớn có đông kiều dân Đức. Tại các cuộc họp, họ đả đảo Lindbergh, hoan hô Bruno Hauftamann. Các luật sư kháng án sáu lần... nhưng đều bị bác, tổng thống Mỹ không ký lệnh ân xá. Ngày 3 tháng Tám năm 1936, một năm hai tháng sau khi bị kết án, Bruno Hauftmann phải lên ghế điện tuy vẫn một mực kêu oan. Qua xác minh, thẩm định, giờ đây có thể khẳng định chắc chắn Bruno Hauftmann là hung thủ. Nhưng có kẻ nào khác tiếp tay hắn không thì vẫn còn là một câu hỏi. Một câu hỏi không bao giờ có lời giải đáp. Có điều chắc chắn là qua vụ án này từ vựng ngành tội phạm học của Mỹ có thêm một thuật ngữ mới: "Kidnapping" (Bắt cóc trẻ con). Sau này, cũng chính xã hội Mỹ sẽ cho ra đời nhiều tội danh mới nữa như: Serial-killer (Giết người hàng loạt), Serial-adulterer (Thông dâm hàng loạt)

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Bà cố vấn về tai nạn giao thông**

*Truyện Pháp.*
La Celle Saint-Cloud là một vùng ngoại ô dân cư của thủ đô Paris. Ngôi nhà lộng lẫy của hai vợ chồng Jacques và Louise Bertin thể hiện đầy đủ sự thành đạt trong xã hội của họ, hơn nữa còn là biểu tượng một cuộc sống dư thừa: biệt thự mênh mông xây theo kiến trúc no nằmg giữa thảm cỏ bát ngát trồng nhiều cụm hoa hồng, một sự xa hoa hiếm có trong vùng.
Một sáng tháng Tư năm 1959, hai vợ chồng cùng ngồi ăn sáng như thường lệ. Jacques Bertin sáu mưới tuổi, tóc muối tiêu, dáng vẻ đường bệ vốn là luật gia. Louise kém chồng mười tuổi là một thiếp phụ tóc vàng, khuôn mặt đầy nét cương nghị. Trên mặt bàn bà ta đang ngồi, bên ly cà phê và đĩa bánh sừng bò là xấp báo chừng mười tờ của nhiều tỉnh lẻ do bà đặt mua dài hạn. Louise bóc mạnh tờ trên cùng: công việc trong ngày bắt đầu…
Từ nhiều năm nay, bà là người nuôi sống gia đình này. Người chồng chỉ hành nghề luật của ông ta từng lúc và không mặn mà lắm, vì nó chỉ đóng vai trò vỏ bọc hợp pháp cho nghề của người vợ, một nghề rất đặc biêt, rất độc đáo. Louise mở tờ “Tia chớp Clermont Ferrand”, bỏ qua các trang tin tổng hợp, lật ngay tới trang tin vắn. Vừa lướt mắt đảo qua vừa lẩm bẩm nhận xét:
- Tai nạn xe hơi: hai mạng nghẻo… Thêm một tên nữa đi đứt… Vô bổ! Một vụ án mạng… cũng cho qua luôn…
Bỗng bộ mặt dài như mặt ngựa của Louise Bertin tỏ vẻ kích động mạnh:
- Anh Jacques nghe này! Thật kỳ lạ…
Jacques Bertin dúi chiếc bánh vào ly cà phê:
- Anh nghe đây. Đọc đi xem sao…
Louise Bertin tuy hơi cận thị nhưng không chịu đeo kính vì sợ xấu gái, mụ nâng tờ "Tia chớp Clermont Ferrand" gí sát mặt và đọc to:
"Một phép lạ vô vùng kỳ diệu… Bữa qua bà Léonie Wallon đang đi trên cầu Tự Dorothy bắc ngang qua đường xe lửa thì gặp nạn. Chiếc xe hơi chạy cùng chiều hất tung bà qua thành cầu. Một sự may mắn kỳ lạ chưa từng thấy: đúng lúc bà Léonie rớt xuống cầu thì một đoàn tàu hàng chở toàn cát chạy dưới gầm cầu. Bà Léonie Wallon hạ cánh đúng giữa đống cát. Hiện bà đang nằm viện để bác sỹ theo dõi, nhưng xem ra không hề hấn gì ngoài vài vết bầm tím sơ sơ. Thật là kỳ diệu như phép lạ vậy, khó tin và có thật…" Anh thấy ca này thế nào, Jacques?
Ông Bertin vừa gặm chiếc bánh sừng bò vừa gật gù:
- Anh thấy em nên tới ngay Clermont Ferrand. Đây là một ca em đang cần chớp lấy.
Quả thật đây là một ca Louise Bertin đang cần… Chỉ những ca như của bà Léonie Wallon này mới là dịp cho Louise hành nghề… Một nghề độc đáo, hái ra tiền, độc đáo tới mức không có tên gọi…
Nhưng để kể tiếp câu chuyện này, dù sao cũng phải đặt cho nó một cái tên… Vậy ta cứ tạm gọi đó là nghề cố vấn tai nạn.
Ngày 19 tháng Tư năm 1959, một phụ nữ tóc vàng, khổ người to lớn, khuông mặt hơi dài mặt ngựa, khoác chiếc áo choàng y tá, tới đập mạnh cửa căn hộ số 37 trên đại lộ Gambetta thành phố Clermont Ferrand. Một thiếu phụ khoảng ba lăm tuổi ra mở. Thiếu phụ này tóc nâu, người mảnh khánh, nét mặt lộ vẻ ngần ngại.
- Bà Léonie Wallon phải không ạ?
- Dạ phải. Nhưng sau khi bị tai nạn tôi đã nhờ nhiều bác sỹ khám giúp rồi. Họ cho biết không có gì đáng lo.
Louise Bertin nhe hết bộ răng to đùng cười xởi lởi:
- Tôi chỉ là y tá, không phải bác sĩ, và định tới nói với bà về một chuyện rất thú vị liên quan tới vụ tai nạn vừa rồi…
Léonie Wallon hình như càng ngần ngại hơn. Bà quay đầu gọi với vào trong nhà:
- Anh Eugène, ra đây chút xíu đi.
Chồng của Léonie là Eugène Wallon trông bề ngoài gần giống bà vợ, nhỏ con, gầy ốm, và cũng tỏ ra bối rối không kém vợ. Ông ngước mặt lên nhìn người nữ y tá cao hơn mình hẳn một cái đầu:
- Bà cần gì xin cho biết?
Nụ cười trên miệng Louise Bertin vẫn chưa tắt:
- Cần giúp ông bà, chỉ thế thôi ạ. Sau khi nghe tôi nói rõ đầu đuôi, ông bà sẽ không tiếc thì giờ bỏ ra tiếp tôi…
Vừa sửng sốt vừa tò mò, hai vợ chồng đưa vị khách khác thường vào nhà mình. Louise Bertin không khách sáo ngồi phịch xuống ghế trong phòng ăn và đi ngay vào chuyện:
- Thưa bà Wallon, tai nạn đã gây cho bà những thương tổn gì?
- Các bác sĩ chỉ thấy vài vết bầm tím nơi hông, vậy thôi. Nhưng bà cần biết để làm gì?
Louise Bertin không đáp. Im lặng giấy lát:
- Giá như bà bị nặng hơn, ví dụ như bị mù chẳng hạn… Quỹ cứu trợ Xã hội sẽ trả cho bà số tiền rất lớn.
- Tôi vẫn chưa hiểu bà định nói gì…
- Thưa bà Wallon, để tôi nói bà nghe… Sau một tai nạn như trường hợp của bà, có khi qua nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần các biến chứng nghiêm trọng mới xuất hiện. Lại nói về Quỹ cứu trợ Xã hội để bà hiểu thêm: bà có biết họ trợ cấp bao nhiêu cho một ca mù mắt không? Từ 10 tới 15 triệu frans đấy.
Léonie Wallon cố ghìm tiếng kêu sửng sốt…
Từ 10 tới 15 triệu frans năm 1959 là khoản tiền bà khó tưởng tượng nổi (1 frans hồi đó giá trị bằng 6 frans hiện nay). Nhưng ông chồng lại tỏ ý không bằng lòng, thốt lên với giọng hơi sẵng:
- Nhờ ơn Chúa, bà xã nhà tôi không bị mù. Vậy bà tới đây để làm gì?
Louise Bertin không vì thế mà bối rối chút nào.
- Tôi tới đây với ý muốn giúp đỡ ông bà… Tôi đã tốt nghiệp y tá, có bằng đàng hoàng, nên biết rất rõ mọi triệu chứng cần tạo ra để bịt mắt các bác sỹ. Ông bà cần chứng cớ, phải không?
- …
Này nhá, chỉ riêng trong năm ngoài thôi, tôi đã làm ra một ông mù ở Lille, một bà liệt toàn thân ở Montbrisson và một ông điếc ở Cancale. Cộng cả ba vị này lại, họ đã vớ được cả thảy 40 triệu chứ ít ỏi gì!
Giọng Louise càng trở nên thuyết phục hơn:
- Mà sau khi mang về cho các vị món tài sản không nhỏ đó, tôi chỉ xin nhận phần công xá rất khiêm tốn: có một phần ba thôi. Giả dụ ông bà được lãnh 12 triệu, ông bà chỉ chi phần tôi có 4 triệu thôi à!
Im lặng kéo dài. Lúc này cặp Wallon đã hiểu rõ lời đề nghị bất ngờ của bà khách tới viếng. Cũng như hồi nãy, vẫn ông chồng lên tiếng trước:
- Tám triệu đối với gia đình tôi quả thật rất…
Câu nói hàm ý bắt đầu ngả theo làm và vợ lập tức phản ứng:
- Riêng tôi, không đời nào chấp nhận. Không ai được phép làm chuyện bỉ ôi như vậy. Rất xấu xa, và lại là điềm gở nữa, sẽ mang họa vào thân chứ chẳng chơi.
Louise Bertin nhếch miệng mỉm cười, để mặc hai vợ chồng tranh cãi. Mụ đã có kinh nghiệm, biết chắc cuối cùng sẽ đâu vào đó…
Quả nhiên ít phút sau Léonie Wallon thở dài rồi nói:
- Thôi được. Chiều lòng ông xã, tôi đồng ý. Bà cho biết tôi phải làm gì bây giờ.
Mụ Bertin liến thoắng như con buôn chào hàng:
- Kể ra thì giả mù là ngon ăn nhất, được nhiều tiền nhất. Nhưng phải là người có khiếu cơ. Mỗi ngày phải đi ngoài đường vài trăm mét, tay cầm chiếc gậy sơn trắng đập đạp vào bậc vỉa hè để dò đường, thỉnh thoảng dám đập đầu mình vào cột đèn, khi bác sỹ chiếu đèn pha vào mắt để kiểm tra vẫn phải tỉnh bơ không chớp mắt. Không phải ai cũng làm được.
Léonie Wallon khẽ rùng mình:
- Bà nói đúng, làm mù khó quá. Có lẽ giả điếc ngon hơn…
Louise đáp bằng giọng con nhà nghề lão luyện:
- Thưa bà thân mến, nhìn bên ngoài thì tưởng thế thôi. Giả điếc lại có những đòi hỏi riêng của nó. Nhất là phải đặc biệt cảnh giác cao độ. Luôn luôn phải tự nhủ thầm: “Mình điếc đặc. Mình điếc đặc”. Lơi lỏng một tí tẹo thôi là lộ tẩy liền. Như đang đi ngoài đường chợt nghe có người gọi lại giật nảy mình chẳng hạn. Hoặc đang ngồi trong nhà thấy tiếng gõ cửa liền đứng dậy đi ra mở. Những phản ứng theo thói quen từ lâu đời ấy vô cùng phản trắc, chúng có thể xảy ra bất chợt bất cứ lúc nào, không dễ gì chế ngự. Chưa kể tới những âm thanh choáng óc mà bác sỹ khám nghiệm đưa vào ống nghe gắn nơi tai bà để thử. Tập điếc mất khá nhiều thời giờ và phải chịu đựng không ít gian truân…
Đoạn miêu tả những khổ hình của người giả điếc chắc đã gây ấn tượng sâu sắc nơi bà Léonie Wallon.
- Chịu thôi! Tôi chả chơi trò đó. Không bao giờ.
- Hay là giả liệt, thưa bà? Giả bị bán thân bất toại, ngồi xe lăn. Chẳng phải làm gì hết, chỉ việc ngồi trên xe lăn cho người ta đẩy đi. Dễ ợt!
Bà Léonie bất giác giật lùi:
- Không, không chịu nổi. Ngồi như vậy, tôi sẽ không ngớt nghĩ tới những người khốn khổ bị liệt thực. Và mắc cỡ cả đời.
Lần đầu tiên trên mặt Louise Bertin thoáng vẻ phật ý.
- Bà thật khó tính quá xá. Nếu vậy, chỉ còn lại chứng suy sụp toàn thân thôi. Nhưng được trả rất ít: 4 triệu, xin ông bà nhớ cho chỉ được 4 triệu thôi đây nha! Được cái dễ đóng giả nhất hạng.
Bà Wallon rụt rè hỏi:
- Thế tôi phải làm những gì?
- Chẳng phải làm gì hết. Tôi sẽ cho bà uống mấy viên thuốc tiêu mỡ, bà vô phòng đóng kín mọi cừa chính, cửa sổ ở tịt trong đó mười lăm ngày không động chân động tay. Khi được đưa vào viện, số thuốc họ bắt uống vô bụng sẽ khiến bà đờ đẫn tới mức chẳng cần giả bộ nữa.
Bà Léonie Wallon cúi đầu nhìn thân hình ốm o trơ xương của mình.
- Đã thế này mà còn uống thuốc tiêu mỡ nữa ư? Tôi được có 45 kg hơi.
- Thế mới tốt! Kết quả sẽ càng ngoạn mục. Ngoài ra, tôi chẳng còn gì khác để giới thiệu với ông bà. Phải quyết định đi thôi.
Ông Eugène Wallon xen vào:
- Đúng đấy, Léonie. Em phải quyết đi. Chịu đựng một phen ngắn ngủi thôi mà. Nghe lời hướng dẫn của bà đây đi nào. Phải nghĩ tới số tiền lớn ta sẽ được lãnh chứ…
Bà Léonie nhìn chồng, nhìn người nữ y tá, lại nhìn chồng, mãi mới tuyên bố ưng thuận…
Mụ Louise Bertin lưu lại vài ngày trong căn hộ tại Clermont Ferrand theo dõi kết quả đợt “điều trị”…
Mụ thấy ngay không có gì trục trặc, liệu pháp của mụ tỏ ra hiệu nghiệm hơn dự kiến nhiều. Hình nhân Léonie biến thành bộ xương biết nói, đã không động chân động tay lại bị lương tâm giày vò vì chuyện bày trò lừa đảo nên bà bắt đầu suy sụp thực sự cả về thể chất lẫn tâm thần kinh…
Thành ra chỉ sau một tuần ông chồng đã phải đưa bà vào cấp cứu trong bệnh viện. Mụ Bertin trở về biệt thự lộng lẫy của vợ chồng mụ ở La Celle Saint-Cloud…
Lại trúng mánh lần nữa rồi. Sau khi nhân viên Quỹ cứu trợ Xã hội tới kiểm tra bệnh trạng bà Léonie, mụ sẽ nhận phần của mụ. Chắc ăn như tất cả những lần trước, vì vợ chồng Wallon không điên tới mức đút túi toàn bộ số tiền được lãnh. Để bị tố giác và mất tất cả. Không, cũng như những người trước, họ sẽ phải chi ra một phần ba như hợp đồng miệng đã thỏa thuận.
Ngày 26 tháng Năm năm 1959, tức một tháng sau. Giờ ăn sáng của hai vợ chồng nhà Jacques và Louise Bertin. Chông ngồi nhấm nháp bánh sừng bò nhúng cà phê sữa, vợ lật các tờ báo địa phương tìm những nạn nhân gặp may trong tai nạn giao thông hoặc tai nạn lao động…
Tiếng chuông cửa. Bà vú ra mở, rồi trở vào cùng với một người đàn ông khoác áo mưa. Anh ta tự giới thiệu:
- Cảnh sát trưởng Guerand… Xin được hỏi bà Louise Bertin vài điều.
Jacques Bertin can thiệp ngay tức thì, đầy tự tin ở trình độ nắm pháp luật của mình. Gã đã nghiên cứu tất cả những luật lệ cần thiết để phòng trường hợp vợ gặp rắc rối.
- Xin vui lòng cho biết bà nhà tôi có điều gì không phải?
Nhưng gã không hề dự đoán được câu trả lời của viên cảnh sát:
- Thưa ông, bà Louise Bertin bị tình nghi giết người. Đúng lúc đó, nhân vật nữa xuất hiện giữa phòng, trong bộ đồ tang. Ông ta chỉ tay giữa mặt mụ Louise, căm hờn thét lên:
- Chính nó! Ông cảnh sát trưởng ơi, chính nó giết vợ tôi!
Louise Bertin giật nảy…
Cảnh sát trưởng Guerand từ tốn giải thích:
- Sau khi từ bệnh viện trở về nhà, bà Léonie Wallon đã tự vẫn. Để lại bức thư tuyệt mệnh nói rõ vì bà hối hận điều đã làm. Ông Wallon đây tới gặp chúng tôi tố giác các người đã nhúng tay vào vụ này như thế nào: lửa đảo Quỹ cứu trợ Xã hội, thuốc tiêu mỡ và các trò bịp bợm khác. Bi kịch là ở chỗ bà đã thành công quá mức, bà Bertin! Bà đã gây ra một cơn suy sụp toàn diện cho bà Wallon đáng thương khiến bà ấy thiệt mạng.
Louise Bertin đã kịp trấn tĩnh. Mụ làm ra vẻ phẫn nộ:
- Chẳng hiểu chuyện này là thế nào nữa. Tôi chẳng quen biết gì cái ông này, thử hỏi xem là tôi có quan hệ gì nào?
- Có đấy, thưa bà. Có số điện thoại của bà ở nhà ông Wallon để ông trả công cho bà cố vấn, tức là bà Louise Bertin.
Gã chồng lại xông vào cuộc chiến:
- Số máy điện thoại này cũng do ông ta bịa ra như mọi chuyện kia.
Quá đau khổ vì vợ chết, ông này lú lẫn đổ vấy tùm lum. Tôi nói không sai.
Cảnh sát trưởng Guerand gật đầu:
- Tôi cũng đã từng cho là như vậy. Nhưng vợ ông đã phạm một sai lầm lớn. Vì muốn khoe tài, hoậc vì muốn nêu bằng chứng cụ thể, vợ ông đã kể lại ba trường hợp trước đây. Ông Wallon là người có trí nhớ rất tốt. Ông vẫn nhớ ba trường hợp đó: một người đàn ông mù ở Lille, một bà liệt ở Montbrisson và một ông điếc ở Canclae. Chúng tôi đã tới từng nơi kiểm tra kỹ, mấy ca này đều có thật.
Louise Bertin chưa chịu đầu hàng:
- Mấy ca đó chứng minh được cái gì nào? Ông Wallon đọc thấy trên báo chí, thế thôi.
- Chúng tôi đã mở cuộc điều tra tại chỗ. Kết quả thật đáng ngạc nhiên. Người mù vẫn sáng mắt, người bại liệt vẫn đi lại như thường và ông điếc vẫn thính tai như mọi người, mà cả ba người này đều không có ai tới lễ nhà thờ Đức Bà ở Lourdes hết… Thế nào, bà Bertin, bà giải thích sao?
Mụ Louise đột nhiên như già đi mười tuổi. Quay nhìn ông Wallon với vẻ buồn bã:
- Tôi không hiểu nổi. Thông thường mấy viên tiêu mỡ đó đâu có nguy hại gì…
Sáu tháng sau, hai vợ chồng bị đưa ra hầu tòa. Louise lãnh mười năm tù ngồi vì tội giết người không cố ý và tội lừa đảo. Chồng mụ lãnh án hai năm tù vì tội đồng phạm, nhưng được hưởng án treo. Ít lâu sau, Louise tự sát trong xà lim. Bác sỹ kết luận: do cơn suy sụp toàn diện đột ngột xuất hiện. Như trường hợp bà Léonie Wallon. Nhưng khác ở chỗ: thật sự chứ không phải nhân tạo.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Kẻ hèn nhát**

*Truyện Mỹ.*
Cảnh vật khô cằn hai bên đường vùn vụt lùi lại dưới ánh nắng chói chang. Nắng Mỹ chiếu trên bảng báo đây là vùng Medway. Xa xa chừng một kilômét thấp thoáng mấy ngôi nhà gỗ đầu tiên của Medway. Bầu trời đỏ rực cố níu vầng dương đang lặn nơi tận cùng thảo nguyên. Lề đường bên trái là trạm sửa xe bỏ hoang, bên phải có một quán rượu treo tấm bảng huênh hoang: "Bán bánh mỳ nhồi xúc xích nóng ngon nhất. Bán loại bia ngon nhất…"
Xe thắng gấp dừng lại bên vệ đường, người lái xe đưa cặp mắt hoảng hốt nhìn về quán rượu. Nhưng quán bỏ không từ lâu. Người đàn ông tuy biết thế, nhưng vẫn sợ. Bây giờ anh ta biết chắc không bị ai nhìn thấy, không thể có người nào đã nhìn thấy anh ta, anh ta mới hạ kính xe ngoái nhìn lại đoạn đường sau lưng. Chừng một trăm mét phía sau anh ta, thẳng vệt bánh xe xiết trên mặt đường có một khối tròn nhỏ nằm lăn bên mép đường. Khối tròn màu sáng. Bất động. Quanh nó một đám bụi đang lặng lẽ rơi xuống dưới ánh nắng chiều. Người đàn ông hít một hơi thật dài để trấn tĩnh lại. Không khí nóng tràn vào phổi không làm cho anh ta mát mẻ dễ chịu, trái lại càng làm anh vã mồ hôi. Áo sơ mi dán chặt vào ghế xe như thiêu đốt lưng anh. Đôi chân run bần bật sau những giây căng thẳng vừa rồi. Anh vẫn ngồi im không dám cựa quậy. Đầu óc rối tinh. Làm gì bây giờ? Xuống xe, nhào tới khối bất động kia, rồi làm gì tiếp? Lỡ nó chết rồi thì sao đây? Lúc đó sẽ nổ máy chạy trốn như một tên sát nhân chăng? Nhưng có thể nó vẫn còn sống, mình sẽ làm gì?
Người đàn ông có một quyết định thật đột ngột. Anh ta nổ máy, cài số lùi vội vã đến nỗi hộp số rít lên trèo trẹo và lùi xe một trăm mét tới chỗ khối tròn nhỏ. Tới sát bên nó, anh lấy hết can đảm nhìn xuống. Bé gái bận tấm áo màu hồng khá dơ dáy, chân đi dép cói. Bé nằm co tôm, mặt úp xuống đường đè lên hai cánh tay, trông như đang ngủ. Loáng thoáng nhìn thấy một mảng cổ và má nó nhợt nhạt. Hai chân bé co quắp, tay phải còn nắm chiếc quai giỏ. Người đàn ông đưa mắt nhìn quanh tìm chiếc giỏ, thấy nó bị văng khá xa. Một trái cam, một khúc bánh mì từ giỏ lăn ra ngoài. Giữa lòng đường có một chiếc mũ rơm bẹp dí đánh dấu nơi xảy ra tai nạn.
Câu chuyện là như vậy: một mình trên xa lộ, người đàn ông này đã tông ngã một bé gái, và đang lo sợ tự hỏi nên làm gì sau khi gây tai nạn. Tuy đáng lẽ anh ta không được chần chừ đắn đo gì hết. Phải lập tức xuống xe, xem tình trạng đứa nhỏ, trấn an nó, kiếm bác sỹ cứu chữa nó vì bản thân anh ta không phải là thầy thuốc nên không thể xác định đứa nhỏ bị thương tổn nặng nhẹ thế nào. Trong trường hợp rủi ro nhất, đứa nhỏ đã chết, anh ta phải chạy thật lẹ vào thành phố cách đây một kilomet báo với cảnh sát. Nhưng người đàn ông này không làm thế. Anh ta sợ. Sợ không dám xuống xe, quan sát, sờ nắn, xợ biết rõ sự thật. Một cái gì đó trong đầu anh ta vừa báo động, vừa rỉ tai: Chẳng có chuyện gì xảy ra. Xe anh không thể cán lên bé gái này. Không, không thể có chuyện đó. Anh ta không muốn và không thể thấy lại cảnh đứa nhỏ chạy băng qua lộ, thân hình bé bỏng của nó bị hất tung…
Cảnh ấy quá tàn nhẫn, anh ta không muốn nhớ lại, không muốn coi đó là sự thật. Không thể xảy ra chuyện đó. Nhưng đứa nhỏ đang nằm kia. Một khối tròn nhỏ màu hồng đầy bụi, bất động một cách đáng sợ, nó nằm sờ sờ ngay trước mắt anh ta, không muốn nhìn vẫn cứ thấy. Anh rụt rè, rón rén mở cửa xe. Rồi lại đặt chân xuống, bước tới một bước, ngập ngừng, hơi cúi xuống, khẽ gọi. Tiếng nói của anh ta khiến anh hoảng hồn. Anh nhảy giật lùi chui vội vào xe nổ máy chạy như phát điên, không dám nhìn vào kính chiếu hậu. Nắng tắt hẳn. Những ánh đèn đầu tiên của thành phố nhìn người đàn ông lẩn vào đám đông vô danh. Anh ta vào quán nốc một bữa rượu ê hề chưa từng có trong đời. Lúc này là 8 giờ tối.
Y hệt nhiều thành phố khác của Hoa Kỳ, Medway cũng có một đài phát thanh địa phương, làm công việc chủ yếu là ca ngợi nhạc rock, bột giặt sinh học và xà bông vớ vẩn. Xướng ngôn viên duy nhất của đài là Ronald Green, một người dường như từng giây từng phút đều phải sống với tốc độ 100km/h. Bằng chất giọng cực kỳ nhiệt thành, anh ta nhai nhải với niềm tin tưởng không thay đổi tất cả các tựa đề bài hát cũng như mọi tin tức trong thành phố và mọi mặt hàng được quảng cáo. Vương quốc của anh là tầng trệt ngôi nhà cũ, nơi anh sống trong mối liên hệ mật thiết với một kỹ thuật viên có bộ thần kinh cũng luôn căng thẳng và một nữ thư ký chuyên trách thư từ và điện thoại. Trong phòng có hai chiếc bàn, một máy chạy băng, hai máy quay đĩa, bình nước tự động và Ronald Green ngồi trước chiếc micro. Đài phát từ 9 giờ sáng tới 7 giờ tối liên tục không nghỉ. Khi nào xướng ngôn viên đói bụng thì kỹ thuật viên mở đĩa nhạc trong một tiếng hoặc mười phút, thời gian ngốn hết ổ bánh mỳ kẹp thịt. Ronald 26 tuổi, hơi đần nhưng rất năng nổ, hàng loạt thành tích chinh phục nữ giới được móc lủng lẳng trên đầu anh ta dưới dạng những bức hình có lời đề tặng đàng hoàng.
Sáng nay Ronald có vẻ bị "lỏng ốc". Lỏng ốc là cụm từ kỹ thuật viên ưa dùng để chỉ trạng thái thiếu nhiệt tình cháy bỏng của Ronald, thứ nhiên liệu tối cần cho sức năng động của đài. Tuy thế buổi sáng vẫn qua đi không chút trục trặc nhỏ nào mặc dầu Ronald bị lỏng ốc. Sau đó nữ thư ký chuyển cho anh ta bản thông báo gửi tới qua điện thoại của quận trưởng cảnh sát Medway. Ông yêu cầu giúp một tay. Nhờ Ronald phát trên làn sóng, nếu cần thì mỗi giờ một lần, bản thông báo yêu cầu tìm kiếm bé gái 12 tuổi tên Cory Materson rời khỏi nhà bố mẹ từ bữa qua cho tới giờ vẫn chưa về. Ronald nhận lời. Chí ít cũng có thể giúp được bằng cách đó. Lâu nay bạn nghe đài thường nhờ anh ta tìm giúp chiếc xe mô-tô mất cắp, chiếc xe hơi hoặc con mèo lạc. Một bé gái mất tích là chuyện quan trọng hơn gấp bội. Với tinh thần trách nhiệm thật cao. Ronald miêu tả nhận dạng đứa nhỏ: chiều cao, màu mắt, quần áo. Sau lần phát thứ ba, tức ba giờ sau quận trưởng cảnh sát lại gọi điện nhờ giúp một việc khác. Xe tuần tra đã kiếm ra đứa nhỏ, bây giờ cần thông báo nhằm tìm ra người lái xe đã tông phải nó. Vì rõ ràng nó gặp tai nạn giao thông. Đang nằm trong bệnh viện trong tình trạng hôn mê tuy không có thương tích rõ rệt ngoài mấy vết bầm tím…
Quận trưởng muốn kêu gọi lương tâm người lái xe đó. Để biết chắc đó là một tai nạn chứ không phải một vụ tấn công. Ronald không mấy thích thú loại việc này. Nguyên tắc lâu nay của anh khi nói trên đài là tọa nên không khí vui tươi liên tục trong thính giả. Anh đã vi phạm nguyên tắc này khi thông báo tìm kiếm đứa nhỏ mất tích, giờ đây không muốn bi kịch hóa hơn nữa không khí với thông báo truy lùng kẻ gây tai nạn giao thông. Nhưng quận trưởng cảnh sát cố ép. Ronald đành đồng ý với điều kiện quận trưởng tự tay soạn thảo lời kêu gọi. Lúc trưa Ronald đọc trước micro bản tin dưới đây xen giữa hai đĩa nhạc: *"Tôi ngỏ lời với người chạy xe hơi đã tông vào bé gái Cory Materson trong buổi chiều hoặc trong đêm qua. Hiển nhiên người đó đã hoảng sợ. Chúng tôi biết chắc người đó sợ đã giết chết đứa nhỏ. Cory không chết, nhưng các bác sỹ hết sức dè dật. Người đó nên tự thú. Lẩn tránh sẽ khiến cho cư dân thành phố chúng ta lảng vảng hình bóng một kẻ hèn nhát. Bố mẹ Cory không có khả năng chi trả phí tổn điều trị thuốc thang và sự chằm sóc vô cùng tốn kém cho đứa con của họ. Nhưng nếu người phạm lỗi tự thú và nhận trách nhiệm, hãng bảo hiểm sẽ chi trả. Tôi xin nhắc lại. Tôi xin nhắc lại…"*
Không mệt mỏi, mỗi giờ một lần Ronald lặp lại lời thông báo. Vả lại dù không muốn cũng không được: ông chủ đài phát thanh trực tiếp gọi điện cho anh:
- Sáng tác cho tôi một bài thật lâm li thống thiết về đạo đức công dân, về danh dự, về đủ thứ… Tìm ra thằng cha cán người đó là màn quảng cáo tuyệt vời cho địa phương ta đấy.
Ronald Green bèn nặn ra một mẩu rất lâm li thống thiết về đạo đức của công dân, về danh dự, về đủ thứ… Kỹ thuật viên tạo một nền nhạc thật thảm cho bài văn, có thể làm rơi nước mắt tất cả các bà nội trợ của Medway. Đột nhiên… Lúc 17h56, Ronald không đọc quảng cáo, không lặp lại bản thông báo mà yêu cầu thính giả chú ý. Anh nói:
- Chào quý bà, chào quý ông. Buổi phát thanh của chúng tôi tới đây chấm dứt. Chấm dứt hoàn toàn, nhưng mong quý vị yên tâm, người ta sẽ có cách thích hợp để phục vụ quý vị trong một ngày gần đây. Rồi anh tới gặp quận trưởng cảnh sát, khai: "Chính tôi đã tông ngã đứa nhỏ”. Quận trưởng nhìn anh ta. Và nói:
- Cory đã khá hơn, sẽ qua khỏi thôi, Ronald.
Và kiểm tra lại mảnh chắn bảo hiểm đã nhặt được tại hiện trường, nó cũng là mảnh từ xe Ronald vỡ ra nhưng anh ta không hay biết. Trong cuộc sống thường nhật từ trước tới nay anh ta chẳng hề hay biết tí gì vì quen mồm nói mãi những điều không thay đổi bằng một giọng không thay đổi, như một cái máy. Tuy vậy, dù sao anh ta cũng đã nhận ra một điều… kẻ hèn nhát đáng khinh chính là anh ta.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Một cuộc đời hai kiếp sống**

Truyện Đức.
Qua ánh mắt ta có thể phát hiện ra một tâm hồn đồng điệu, một mối tình chớm nở. Ánh mắt đắm say, giọng nói ngọt ngào, bàn tay nóng hổi của bạn tình đưa ta vào cõi lâng lâng của hạnh phúc tuyệt vời…
Đôi mắt, giọng nói, bàn tay của thầy thuốc có thể dùng phép thôi miên chữa khỏi một số bệnh thần kinh, tâm thần… Và cặp mắt, lời nói, bàn tay của một số kẻ cũng có thể biến những con người bình thường thành hung tợn, cuồng dâm hoặc thành tên giết người man rợ…
Hồ sơ lưu trữ của nhiều cơ quan pháp luật trên thế giới còn ghi lại bằng chứng xác thực về những kẻ lợi dụng phép thôi miên để thực thi những âm mưu đen tối. Dưới đây là một trong những vụ được lưu giữ trong “Hồ sơ Interpol”. Các chuyên gia nghiên cứu về thôi miên cho rằng: "Giấc thôi miên là một giấc ngủ không hoàn toàn. Ý thức cuả người bị thôi miên tuy tê liệt, nhưng không mất hẳn. Người đó vẫn có khả năng tập trung sự chú ý, các cơ quan cảm giác vẫn còn nguyên vẹn. Trong thời gian bị thôi miên, người đó hành động theo ý chí của người thôi miên, nhưng chỉ trong một giới hạn nhất định”. Chắc chắn quan điểm này còn được bàn cãi, bổ sung thay đổi. Bản chất của thôi miên là gì? Cơ chế phát sinh và tác động của nó ra sao?
Là những câu hỏi còn đang chờ được giải đáp. Nhưng đó là việc của các nhà khoa học. Câu chuyện dưới đây mới thực sự liên quan tới tất cả những người bình thường chúng ta.
Cô thôn nữ Julia mười bảy tuổi, xinh đẹp lộng lẫy, vừa lấy chồng được một tháng. Chồng là công nhân một nhà máy ở Heidelberg (Đức), cha mẹ cô là những nông dân chất phác, khỏe mạnh. Một bữa kia, trên chuyến xe lửa về quê thăm cha mẹ, hình như cô ngồi cùng toa với một người đàn ông. Người đó tên gì, mặt mũi ra sao… sau này Julia không nói được, chỉ nhớ mang máng anh ta là bác sỹ. Từ sau bữa đó, Julia mắc một chứng bệnh hiểm nghèo không rõ nguyên nhân, lúc nào người cũng bần thần, đôi khi có những hành vi khác thường không ra điên không ra tỉnh, không ra ngủ, không ra thức. Cô tới nhà người bác sỹ ấy khám bệnh nhưng bệnh không thuyên giảm. Chồng cô lo lắng:
- Hai chúng mình cùng đi tới nhà bác sĩ hỏi xem sao. Từ khi anh ta chữa chạy cho em, anh thấy em càng đau yếu hơn. Bác sỹ đó tên gì?
- Em không biết.
- Ủa. Tuần nào em cũng đến đó hai ba lần mà soa không biết tên gì. Sao kỳ vậy?
- Thôi đừng dày vò em nữa anh ơi. Em đau đầu lắm.
- Ít ra em cũng biết nhà bác sỹ chớ. Em vẫn thường tới đó một mình mà. Nào, ta đi.
Heidelberg là một thành phố cổ kính, có rừng bao bọc, có con sông tươi mát đôi bờ, có trường đại học nổi tiếng khắp châu Âu. Julia dẫn chồng vào trung tâm thành phố. Tới một quảng trường nhỏ có vòi nước phun, cô đột nhiên đứng khựng ngay giữa vỉa hè.
- Em không biết phải đi tiếp về hướng nào nữa. Hình như nhà bác sỹ ở ngay gần đây thôi. Chắc chắn vậy mà không tài nào nhớ ra đường… Em van anh, đừng bắt em đi tiếp, em chịu không thấu nữa rồi.
Heinrich sửng sốt nhìn vợ. Cô ta như đang lên cơn thần kinh, toàn thân run bần bật, mắt dại hẳn đi, miệng không ngớt lặp đi lặp lại:
- Em không thể… em không thể…
- Cố lên chút nữa nào Julia. Em biết nhà bác sỹ. Nhất định em biết, cố nhớ coi.
Julia buông mình ngồi bệt xuống hè, bưng mặt khóc rưng rức, không nói không rằng. Heinrich đành dìu vợ quay về. Sau đó anh còn tiếp tục thử bảo vợ đưa mình đi như vậy nhiều lần. Lần nào cũng chỉ tới quảng trường vòi nước phun là Julia dừng lại, lên cơn thần kinh. Mãi về sau, qua nhiều lần anh khéo léo dỗ ngọt, vợ anh mới thổ lộ đôi điều:
- Chỉ một mình anh ấy mới chữa được bệnh cho em. Anh ấy biết cách chữa: đặt tay lên đầu em và nhìn chằm chặp hồi lâu, thế là hết đau đầu.
- Có nói gì không?
- Nói: "Julia bình tĩnh nào. Ngủ đi”. Thế là em ngủ luôn và lành hết bệnh.
Heinrich không moi thêm được gì hơn. Những tháng sau đó Julia vẫn kêu đau đầu dữ dội, khóc lóc suốt ngày, gầy tọp đi, luôn miệng thở than sẵp chết đến nơi. Nhưng hễ chồng vừa đi làm là cô tót ngay tới nhà viên bác sỹ bí ẩn, mang cho anh ta những món tiền khá lớn. Heinrich nhận ra mình đang bị cứa cổ ngày càng sâu thêm nên từ chối không đưa tiền cho vợ nữa. Julia bèn lấy cắp, bán thêm đồ nữ trang để cung phụng cho bác sỹ. Nhưng sức khỏe của cô ngày càng suy kiệt. Heinrich mấy lần bí mật bám theo nhưng lần nào cũng bị vợ phát hiện. Mới đi được chừng nửa đường cô ta đã quay về không đi tiếp nữa. Thế là bệnh cô ngày càng trầm trọng hơn, các cơn đau càng dữ dội hơn trước. Thương vợ Heinrich đành bỏ cuộc. Chỉ còn một cách duy nhất: tới báo cảnh sát nhờ can thiệp.
- Thưa, một người không rõ là ai. Từ gần bảy năm nay hắn chữa bệnh cho vợ tôi, nhưng tôi chưa hề biết mặt, biết tên, cũng chẳng rõ địa chỉ. Hắn đã lấy của vợ chồng tôi trên ba ngàn Mác…
Viên sỹ quan cảnh sát trực ban ghi lời khai, nhưng ông ta thấy nó kỳ cục. Heinrich phải trở về nhà lôi toàn thể họ hàng, láng giềng thân quen, lôi cả bác sỹ gia đình tới Sở cảnh sát làm chứng anh ta không điên, chuyện anh ta thưa kiện là có thật..v.v..
Cảnh sát Heidelberg lúng túng không biết nên mở cuộc điều tra như thế nào, xưa nay họ chưa hề gặp chuyện này. Chỉ biết đặt giả thuyết vụ này chắc có liên quan tới thuật thôi miên. Họ bèn nhờ giáo sư Mayer tiếp tay. Ông là giáo sư rất nổi tiếng, chuyên gia về khoa tâm thần kinh, một trong những vị thành thạo về khoa thôi miên hồi này còn rất hiếm ở Đức. Ngay sau lần khám bệnh đầu tiên, giáo sư khẳng định:
- Cô này đang trong trạng thái thôi miên rất sâu. Thủ phạm đang thôi miên Julia rất giỏi. Hắn dùng những khóa mật mã bằng từ ngữ để ngăn cản cô ấy nói ra những điều muốn giữ kín. Nếu ta không tìm ra chìa khóa thích hợp để giải mã thì không thể biết hắn sai Julia làm những việc gì. Suy nghĩ hồi lầu, giáo sư Mayer tiếp:
- Để tôi thử xem. Bằng cách tôi cũng thôi miên Julia. Phải rất kiên nhẫn, phải mất nhiều thì giờ mới mong thành công. Nhưng tôi hy vọng Julia là tuýp người rất nhạy cảm, nhạy cảm quá mức bình thường. Tôi lo tên kia đã bắt cô ấy làm nhiều chuyện nghiêm trọng. Tình hình thật đáng ngại.
Buổi thôi miên thứ nhất, Julia kể đôi điều với cảnh sát bằng giọng khó nhọc, đều đều, khác lạ:
- Tôi ngồi xe lửa. Đau đầu. Người đàn ông ngồi bên nói: "Tôi là bác sỹ thiên nhiên liệu pháp, tên là Berjen. Cô đang bệnh. Để tôi chữa giùm. Mang va-li giúp tôi. Cầm tay. Nhìn vào mắt tôi. Tôi mất hết ý chí. Hắn bảo: "Xung quanh cô tối den", tôi không nhìn thấy gì nữa, nhưng chân vẫn bước. Hắn đưa tôi vào một căn nhà, một cầu thang, hai lầu. Hắn đặt tay lên đầu tôi, nói: “Bình tĩnh"… và tôi không thấy gì nữa.
- Tả người đó coi.
- Không được, không nhìn thấy gì.
- Xóa hết mọi hình ảnh khác. Chỉ nghĩ về người đó. Hắn làm gì để cô khỏi đau đầu?
- Đặt tay trái lên ngực tôi, tay phải đưa lên đầu tôi xoa xoa rồi đưa dần xuống trước mặt tôi.
- Tiếp tục nghĩ về hắn, cô thấy gì?
- Ống chân trái có vết sẹo. Bận áo tắm màu trắng, thắt lưng xanh. Cao lớn.
- Tóc màu gì?
- Màu sáng.
- Mặt thế nào?
- Hàm phải có một răng vàng. Chỉ thấy thế, không thấy gì hơn. Cho tôi nghỉ…
Dần dần, mỗi buổi một ít, bằng cách ghép các từ với nhau, thu gọn các câu hỏi và sử dụng vô vàn kỹ thuật phức tạp tinh vi mà chỉ các nhà tâm thần học, thôi miên học mới nắm được, giáo sư Mayer mon men tới gần cái cơ chế đã kìm hãm ý thức của Julia. Cô tả thêm những nhân vật mới, những địa điẻm mới, những đồ đạc có hình thù, màu sắc. Đặc biệt có một phòng khách được tả tỉ mỉ đến mức cảnh sát căn cứ vào những đồ đạc trang trí trong phòng do Julia kể lại mà tìm đúng căn phòng đó, trong một khách sạn tại thành phố. Điều đã xảy ra trong phòng khách sạn này được Julia thuật lại qua những câu rời rạc đứt đoạn, trong tiếng khóc nức nở. Cô bưng hai tay che kín mặt, cô giãy giụa lăn lộn trên giường khám. Rõ ràng Julia đã bị ép phải hiến thân cho kẻ kia. Trường hợp này rất hiếm khi xảy ra. Thông thường người phụ nữ bị thôi miên không chịu vâng lệnh cởi bỏ váy áo. Nhưng Julia thì tuân lệnh. Cô là người dễ điều khiển, nhạy bén với thôi miên. Và gã kia là một tên cực kỳ nguy hiểm, trình độ rất cao.
Một hôm, cảnh sát vùng Speyer tình cờ bắt giữ tên Kanter, cựu nhân viên ngân hàng về tội mạo nhận là lương y để trấn lột vài trăm Mác của một bệnh nhân nhẹ dạ cả tin. Vì câu chuyện về Julia đang gây dư luận bàn tán sôi nổi khắp nước Đức, nên cảnh sát Speyer gửi tấm hình của Kanter tới Heidelberg. Cảnh sát Heidelberg đưa tấm hình cho Julia coi, cầu may vậy thôi, với hy vọng làm bật lên trong ý thức cô một chân dung rõ nét. Nhưng cô không nhận ra đó là ai. Chỉ thấy một mặt tối đen chùm lên bức hình. Cảnh sát giải Kanter tới tận nơi để đối chất với Julia. Hắn chối bay chối biến mọi chuyện.
- Không biết người phụ nữ này. Không tới Heidelberg. Không biết thôi miên là thứ gì…
Tuy cãi rất hăng nhưng thái độ lại lúng túng, không dám nhìn thẳng vào Julia. Cặp mắt hắn rất lạ: nhợt nhạt như của người khác cấy vào, như tự chúng đứng riêng một mình, không hề ăn nhập với khuôn mặt. Nhưng hắn có tất cả những đặc điểm mà nạn nhân đã mô tả: ống chân có vết sẹo, một cái răng vàng, mặc áo lót trắng, thắt lưng màu xanhv.v…
Nhưng hắn vẫn gân cổ chổi bai bải. Điều rất lạ là tuy Julia đứng ngay trước mặt nhưng cô không nhận ra hắn.
Cảnh sát thực sự bối rối. Cho dù đúng hắn là thủ phạm đi nữa, nhưng buộc tội hắn sao được? Căn cứ vào bằng chứng gì? Cuối cùng lại phải nhờ đến giáo sư Mayer mới giải nổi bài toán hóc búa này. Giáo sư phải bỏ ra một thời gian dài tìm tòi, suy luận, làm việc cật lực. Ông đã tìm ra được khóa mật mã đầu tiên: Flosila. Từ này tự nó chẳng có ý nghĩa gì, nhưng chính vì thế nên rất khó khám phá. Trong khi hỏi chuyện Julia, giáo sư nhận thấy thỉnh thoảng cô thốt ra những âm tiết lẻ tẻ, rời rạc, khó hiểu. Giáo sư ghép những âm tiết đó lại, thử nhiều lần, thay đổi thứ tự… cuối cùng mới nắm được chìa khóa giải mã. Sau Flosila, giáo sư Mayer tìm thêm được hai từ khác; Combarus và Filofi.
Khóa Flosila mở chiếc cửa cho Julia nói ra những quan hệ tình dục hỗn loạn mà cô buộc phải chấp thuận. Kanter chỉ cần nói "Flosila" là đủ khiến cho Julia chịu để hắn thỏa sức cưỡng bức. Với từ này hắn có thể làm điều đón mạt đó với bất cứ người phụ nữ nào bị hắn khống chế. Flosila đã biến cô gái nông thôn thùy mị nết na thành con người dâm dục trơ trẽn tột độ. Kanter còn nói:
- Filofi… Heinrich nó định giết em đấy… Em phải xuống tay trước mới ổn… Này, nó có súng không?
- Có.
- Để chỗ nào?
- Trong hộc bàn ngủ.
- Tối nay em lấy súng bỏ sẵn dưới gối. Chờ khi Heinrich ngủ say, em mở khóa an toàn, gí sát nòng súng vào thái duơng nó rồi xiết cò. Xong, đặt súng vào tay nó làm như nó tự sát. Em phải bắn, Julia. Anh ra lệnh cho em phải bắn Heinrich!
Julia đã làm đúng như lời dẫn dụ của tên phù thủy gian ác. Nhưng chồng cô không chết. Vì Heinrich đã cảnh giác tháo hết đạn trong súng, đem giấu kín từ khi nghe vợ nói nhiều tới chuyện tự sát. Mỗi lần ra lệnh, Kanter lại dùng một từ khóa thích hợp với từng loại hành động và dặn Julia: "Không được nói cho bất cứ ai biết tôi bảo cô làm gì. Cô không được nhớ gì hết. Chỉ khi nào tôi đập vào tay cô và bẻ ngón tay út cô mới nhớ lại và nói kết quả công việc đã làm với tôi". Công trình nghiên cứu khoa học của giáo sư Mayer dày cộp, không thể trích hết trong bài này. Sau sáu tháng thử công phu, ông mới dựng lại được kiếp sống thứ hai của Julia với đủ ba lần mang thai rồi bị nạo thai mà vẫn không hề hay biết tý gì!
Tuy cực kỳ tài giỏi nhưng giáo sư Mayer vẫn không phanh phui hết mọi tình tiết của vụ án. Cuối cùng chính Julia đã tình cờ nhận ra tên Botmor chủ cửa hàng thịt heo, kẻ đã trả một giá cắt cổ cho Kanter để thuê cô một đêm. Sau phiên tòa kéo dài ba tuần, tòa án Heidelberg tuyên phạt Kanter với hình phạt cao nhất vì phạm tội lừa đảo, phá hoại thuần phong mỹ tục, gây thương tật cho nạn nhân. Bọn đồng phạm cũng bị trừng trị thích đáng. Julia dần dần hồi phục. Cô trở lại cuộc sống bình thường sau bảy năm sống đồng thời hai kiếp sống dưới luồng mắt, lời dẫn dụ và bàn tay ma quái của phù thủy Kanter.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Đoạn kết một cuộc tình Vương giả**

*Truyện Thái Lan.*
Vào khoảng gần 9 giờ sáng ngày 21 tháng Tám năm 1995, viên thư ký riêng của hoàng thân Thitipan Yugala phát hiện thấy ông chủ của mình nằm bất tỉnh trong căn phòng tiếp tân rộng mênh mông ốp đá cẩm thạch của điện Asawin, một trong những tòa lâu đài lộng lẫy nhất thủ đo Bangkok. Bầu không khí trong căn phòng đã bắt đầu oi ả, da mặt vị hoàng thân 60 tuổi xanh xám chằng chịt nhiều vết bầm tím, hai môi sưng vù, từ lỗ mũi rỉ ra một vệt nước trắng đục.
Được gia nhân cấp báo, hoàng thân phu nhân chạy tới. Chalassa, một thiếu phụ mới 22 cái xuân xanh có sắc đẹp nghiêng nước, nghiêng thành đứng lặng trước ông chồng đang mê man bất động nhưng vẫn còn thở. Không chần chừ, các người hầu cận tức tốc đưa hoàng thân vào bệnh viện Vichaivuth trong lúc cập rập, không ai để mắt ngắm nhìn các dãy máy thu, máy phát vô tuyến điện giăng giăng khắp phòng rộng. Và càng không để ý tới chiếc tách trà uống gần cạn đặt trên bàn đá hoa, bên bó hoa phong lan xum xuê…
Tám ngày sau hoàng thân Thitipan qua đời. Bác sỹ riêng của hoàng thân, ông Leechawenwong triệu tập cuộc họp báo thay cho bài điếu văn. Bác sỹ công bố: “Hoàng thân, cháu nội của vua Chulalongkom Rama thứ năm, anh họ nhà vua đương triều, có trong dạ dày những dấu vết thuốc độc!” Một hoàng thân bị đầu độc! Báo chí khắp Bangkok lập tức sôi sùng sục và hầu như chúng khẩu đông từ: “Thủ phạm không thể ai khác, đích thị là Chalassa - cô vợ trẻ mới 22 của cụ già 60 nọ".
Từ lâu đã có nhiều lời đàm tiếu về cô ta. Kẻ hầu người hạ trong cung đều nói: đêm trước bữa xảy ra thảm kịch, cô ta từ chối không chiều theo ý hoàng thân vào ngủ một mình trong phòng riêng. Các mẩu chuyện kỳ quặc và khó hiểu về nàng Chalassa được đăng tải trên trang nhất tờ báo ngày phổ thông nhất của Bangkok, tờ "Thai Rath". Tiểu sử của cô lần đầu tiên được phơi bày trước thần dân. Năm 1972 cô ra chào đời tại cô nhi viện Chulalankorn tiều tụy nhất thủ đô. Sau vài tháng, được chuyển vào nuôi trong cơ sở từ thiện do em của hoàng thân, bà vương phi Ransinopadah đỡ đầu. Lên 6 tuổi, vận may bất chợt từ trên trời rơi xuống: cô bé mồ côi được tuyển vào cung Asawin làm nữ tỳ hầu hạ cho một cô con gái nhỏ của hoàng thân Thitipan. Từ nay, những bộ xiêm y nhung lụa đắt tiền đã thay thế những tấm áo vải thôi trên thân hình cô gái. Và trở thành gần như người nhà của vị hoàng thân, ngang hàng với ba người con của ông. Cô được đi học. Cô lớn phổng lên. Và càng ngày càng xinh. Bữa tròn 14 tuổi, Chalassa chợt nhận thấy cặp mắt hoàng thân đặt lên thân hình cô không còn như ngày trước. Và cô trở thành tình nhân của Thitipan - người đã kiên quyết bỏ ngoài tai lời dị nghị của những người hầu cận và thuận tình li dị vợ thứ ba theo yêu cầu của bà ta. Từ nay trở đi, hoàng thân được tự do chung sống với cô nhân tình trẻ măng được ông đặt cho biệt hiệu là "Baby fish" (Bé Cá), đáp lại cô ta cũng gọi ông ta bằng biệt danh khá kỳ cục: “Bé Ếch”.
Từ đây, các chùm đèn mạ vàng trong cung điện trên đường Sukhumvit luôn chao đảo giữa những cơn cuồng phong điên dại. Vị hoàng thân si tình bỏ bê mọi công chuyện quốc gia để chúi đầu vào hai niềm đam mê quyện chặt: Bé Cá và thú vui vô tuyến điện nghiệp dư. Căn phòng tiếp tân chất đầy rẫy những thiết bị điện tử hiện đại liên lạc với các tay chơi rađio trên toàn thế giới. Chẳng mấy chốc, cuộc sống gần như cấm cung khiến Bé Cá buồn chán. Lúc này đã 20 tuổi, cô ta không còn là cô bé vị thành niên e lệ ngày xưa đêm đêm đỏ mặt đón hoàng thân cất lẻn tới chung chạ trong phòng kín. Cô mặc váy ngắn nhún nhảy trong các vũ trường nhộn nhịp. Làm cách nào thoát ra khỏi cái lồng vàng son này? May nhờ được hoàng thân chỉ vẽ cách sử dụng các thiết bị thông tin điện tử, cô tận dụng các cánh én vô hình đó để tìm bạn và chọn ra một số tâm đầu ý hợp. Để mỗi khi Bé Ếch vừa đi khỏi, Chalassa lập tức hạ trát gọi bọn người tình vào cung, hú hí với họ trong vài giờ dưới con mắt sững sờ của quân hầu. Thần dân thủ đô Bangkok tha hồ lan truyền những chuyện nực cười về cuộc tình quái gở trong cung cấm. Một tối kia, vừa bước chân ra khỏi tiệm ăn tỏng công viên Siam, cô nàng Chalassa đứng khựng lại trước Uther Chupeva, một chàng trai 19 tuổi đẹp như thiên thần chuyên bán hạt dẻ. Chàng ở với bố mẹ trong túp lều dựng tạm tại phường tồi tàn nhất thủ đô, gần cảng sông Chao Phrava... Chalassa không ăn hạt dẻ của anh ta nhưng vẫn như ăn phải bùa mê, mời anh ta cùng vào rạp coi phim rồi qua đêm đó trong vòng tay anh chàng đẹp trai.
Những ngày đầu, Chalassa không tiết lộ lai lịch, có lẽ do cô muốn được yêu vì bản thân con người mình chư không phải vì cuộc sống giàu sang của cô...Cô không ngần ngại có những hành động rồ dại nhất miễn là được gặp người yêu: nhiều đêm cô bí mật lẻn vào tự tình với Uther trong lớp học của ngôi trường do bố anh ta làm bảo vệ. Cho tới đêm nọ, Chalassa quyết định vén hẳng chiếc màn bí mật. Cô đưa anh chàng bán hạt dẻ tới thành phố nghỉ mát Hua Hin bên bở Vịnh Thái Lan và thú nhận: vì mình là một vương phi nên cuộc tình này vô cùng mạo hiểm. Uther tái xanh mặt, nhưng được trấn an ngay: trở về Bangkok, anh ta sẽ được giời thiệu chính thức với hoàng thân dưới danh nghĩa bạn thân từ thủa hàn vi, bạn tâm giao hiện tại. Sau buổi lễ ra mắt đó, chàng bán hạt dẻ nghiễm nhiên được tự do lui tới cùng Chalassa đú đởn ngay trước mũi gia nhân và các thợ săn ảnh. Tuy biết bị cô nhân tình trẻ cắm sừng nhưng Thitiphan sợ mất Bé Cá, nên chẳng những không dám hé răng mà còn tìm mọi cách níu kéo cô ả bằng của cải, thứ duy nhất ông ta có trong tay; những bộ đồ thời trang đắt giá, các đồ nữ trang bằng đủ loại đáquý, một chiếc máy bay, một tàu thủy và một chiếc Ferranri. Kết quả ngược hẳn với dự tính của hoàng thân: Bé Cá tận dụng những phương tiện ấy để mang người tình đi thật xa, thật lâu, đến nỗi hoàng thân phải đăng báo hứa thưởng số tiền lớn (tương đương 100 triệu VNĐ) cho ai tìm được cô gái. Nhưng tự cô ả sau khi no nê thỏa mãn lại tìm đường quay lại chiếc lồng son. Hoàng thân thấy chỉ còn nước tung ra con chủ bài cuối cùng: làm lễ cưới.
Ngày 19 tháng Mười năm 1994, lễ cưới được tổ chức tưng bừng trong đại khách sạn Amari Waterrgate. Nhưng một lần nữa, kết quả không như hoàng thân trù định: những nghi thức tôn giáo và pháp luật chẳng bền chắc gì hơn chỉ buộc chân voi. Dư âm buổi hôn lễ chưa tan, đôi trai gái lại cắp nhau đi biền biệt! Các tay săn tin giật gân viết lên bao nhiêu chi tiết hấp dẫn những đọc giả tò mò: "Vương phi thiếu tiền chi cho những chuyến đi hoang đã đem gán chiếc nhẫn cưới lấy 200 ngàn tuy nó đáng giá tới 90 triệu”. Mỗi tối ăn cơm ở nhà, Bé Cá đều bí mật pha thuốc ngủ vào ly rượu của hoàng thân để mau chóng rảnh chân đi tới nơi hò hẹn…
Vụ việc trở thành nghiêm trọng đối với hoàng gia. Bartolo người con đẻ chịu không thấu những trò chơi trống bỏi của ông bố, đã vậy còn phải nghe ông nói khắp nơi mọi chỗ: nhất định sẽ làm Bé Cá đẻ cho ông một đứa con nữa. Khi biết cô ả mắc chứng vô sinh, ông lớn tiếng tuyên bố: sẽ cho thụ tinh nhân tạo làm cô đẻ luôn một lúc hai đứa! Xem chừng vụ bê bối có thể kéo dài không biết bao nhiêu năm… Nếu không xảy ra chuyện bất ngờ.
Ngày 21 tháng Tám, Hoàng thân lăn ra bất tỉnh. Ngay sau khi Bé Cá vừa từ một chuyến du hí trở về vài tiếng đồng hồ. Sáng tinh mơ hôm sau, cảnh sát ập tới khám xét túp lều dơ dáy của Uther. Chàng bán hạt dẻ bị thẩm vấn nhiều ngày liên nhưng vẫn một mực kêu oan. Bé Cá cũng thề độc: không đời nào nỡ đụng tới người mà từ giờ phút này cô bắt đàu gọi bằng "bố". Tám ngày sau, hoàng thân trút hơi thở cuối cùng. Nhóm điều tra viên cho rằng: Chalassa thủ tiêu ông chồng hờ đã quá khọm để hưởng trọn cuộc tình sôi động với chàng bán hạt dẻ khỏe mạnh và điển trai. Nhưng công luận rất phân vân. Có thật Chalassa đã xuống tay? Luật sư của cô nói: cô không được quyền thừa kế của hoàng thân vì di chúc do ông ta viết từ năm 1993 tức là trước lễ cưới, vậy cô chẳng được lợi gì nếu trở nên góa bụa. Trong khi chờ kết luận, Chalassa trở thành ngôi sao sáng trên truyền hình Thái. Công chúng khám phâ thêm nhiều nét mới trong cuộc đời của cô gái bất trị: Năm 12 tuổi đã bị bố nuôi cưỡng hiếp rồi trở thành nhân tình của ông ta. Mơ ước của cô: trở thành người mẫu. Ảnh cô được đăng trên bìa tờ Lady, chuyên san phụ nữ in ấn rất đẹp. Cô đỡ đầu nhiều món hàng xa xỉ bày bán trong thành phố. Mỗi lần xuất hiện trước công chúng, cô đều đeo trên tay chiếc nhẫn hình trái tim do chàng bán hạt dẻ tặng… Giờ đây Chalassa đã trở lại Chiang Mai. Cô ở trong phường có cô nhi viện đã nuôi nấng cô mấy năm đầu cuộc đời. Luật sư của cô ngăn không cho giới báo chí tiếp xúc hòng tìm hiểu rõ thêm về những nghi vấn đang còn lơ lửng. Do đó, nàng vương phi bốc lửa dần dần vắng bóng trên các phương tiện thông tin. Vả lại, cuộc điều tra kéo dài gần như bất tận đã làm công chúng chán ngấy. Tuy Bé Cá vấn không ngớt phản đối sự đối xử bất công, từ nhà tù vẫn không ngớt vọng ra tiếng Uther kêu oan. Vậy trong hai người này, ai là kẻ nói dối? Ai bỏ thuốc độc vào tách trà của ông hoàng thân Thitiphan? Cuộc giải phẫu thi thể ông ta cho thấy những gì? Dù câu trả lời như thế nào đi chữa, Chalassa cũng sẽ cưới chàng bán hạt dẻ. Cô đã tuyên bố như vậy. Và còn cho biết: đám cưới sẽ được tỏ chức thật giản dị tại túp lều của bố mẹ chông, bên bờ sông Chao Phrava… Có lẽ bữa đó, cô sẽ bán bản quyền ghi hình cho hãng CNN của Mỹ. Đầu óc kinh doanh của Chalassa vẫn nguyên vẹn như xưa.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Người vượt biên sống sót**

*Truyện Pháp.*
Bến cảng Le Havre - Pháp - đêm mùng 8 tháng Mười một năm 1992 tối đen như mực. Một bóng người cũng đen như mực cắm đầu chạy thục mạng suốt chiều dọc tuởng như bất tận của bến cảng. Đó là Cudjoe 22 tuổi, người Ghana, tuy đã gần lả vì đói, vì khát và trên tất cả là vì khiếp sợ, vẫn cố chạy hòng thoát khỏi thần chết đang rượt đuổi anh ta. Vừa chạy vừa la thất thanh "Cảnh sát! Cứu tôi, cảnh sát!" Mãi mới gặp được một người giúp đưa tới đồn cảnh sát gần đó.
Cudjoe có ý định di tản khỏi nơi anh phải oằn lưng cõng những bao ca cao nặng trĩu suốt mười tiếng đồng hồ mới kiếm nổi 20 frans, mong tới những nước giàu kiếm tiền gửi về nuôi vợ đang sắp sinh đứa con đầu lòng. Ngày 24 tháng Mười, đứng trước con tàu đồ sộ đang ăn hàng ca cao với giá rẻ mạt của quê hương anh để chở đi châu Âu, ý định của Cudjoe càng cháy bỏng. Tàu treo cờ một công ty Cameroun khiến anh ta đỡ nghi ngại về cái tên Ăng-lê của nó, cờ hiệu là của Bahamas nổi tiếng giàu sang, thủy thủ đoàn nói thứ tiếng lõm bõm như tiếng Nga, càng khiến anh yên tâm... Đang cõng bao ca cao thứ mấy mươi bước xuống hầm tàu, bỗng Cudjoe đụng phải một anh chàng cũng đen đúa xác xơ y hệt mình, nhưng là nguời Cameroun. Một chàng lậu vé. Hai người trao đổi ngắn gọn:
- Cậu làm gì dưới này vậy?
- Không... không...
Gã kia bỏ chạy, hồn vía lên mây. Nhưng bị Cudjoe đuổi kịp:
- Xuống tàu từ hồi nào?
- Từ cảng Douala.
- Ngày mấy?
- 16 tháng Mười.
- Tàu này đi đâu?
- Hambourg, nước Đức.
- Thế cậu đi đâu?
- Paris, có thằng con ở đó.
- Cậu làm cách nào khéo vậy?
Chàng Andues giải thích: thu vén hết tài sản được 300 mác, thủ ít bánh mỳ, ít nước uống chờ đến tối tót lên nóc chiếc contener và nằm thu lu trên đó. Từ sáu ngày nay đã vượt đại dương trong bóng đêm hầm tàu, ăn uống cầm hơi bằng số lương thực ít ỏi mang theo, đi vệ sinh vào vỏ đồ hộp, không cụ cựa, không gây một tiếng động nhỏ. Chờ tới đích sẽ thừa cơ nhảy xuống bến cảng, trà trộn vào giữa đám người di tản bất hợp pháp. Andues biết nhiều người đã làm thế, để có tiền gửi về giúp vợ con ở quê nhà.
Sau bữa đó, Cudjoe về bàn với em tai Albert mười chín tuổi. Hai anh em giấu mẹ, lặng lẽ gom nhặt mọi khoản được 2.600 đô tiền công bốc xếp ăn nhịn để dành bấy lâu. Cudjoe rỉ tai vợ, anh sẽ ở lại Châu Âu chừng một hai năm, sẽ gửi tiền về, sẽ trở lại quê nhà sau khi giàu có hơn, chí ít cũng đỡ nghèo hơn. Nhất thiết phải tạm xa rời vùng bờ biển vàng này, nơi chỉ tặng vàng cho những ai ai, đâu có tặng cho mình!
Nhiều bạn bè công nhân bốc xếp cũng bùi tai nhập bọn, Emmanuel 25, John 23, Charles 25, Ebenezer 25, Bob cũng 25 và Ebow mới 17. Tất cả đều là những thanh niên trẻ khỏe, đứng đắn, không đòi hỏi gì hơn là có công ăn việc làm tử tế, được trả công đủ nuôi sống bản thân và gia đình... Vậy là tất cả có chín chàng trai: Cudjoe và chú em Albert, sáu bạn trong đó có Quaicoa lận lưng mang theo được 100 đô và Alduse lẻn xuống tàu đầu tiên với 300 mác trong túi.
Chiều 24 tháng Mười họ xuống tàu. Tàu ăn hàng xong nhổ neo. Vượt đại dương theo kiểu này, thứ hành trang thiết yếu nhất là nước ngọt. Nhịn ăn dăm bảy ngày không chết nhưng nhịn uống vài ba ngày đã chịu không thấu. Vậy mà chia theo đầu người, cả bọn chỉ có mỗi người một lít dùng cho mười ba ngày nằm trên nóc container dưới tấm bạt phủ kín. Được đến ngày thứ sáu, nước dự trữ đã cạn. Phải lợi dụng đêm tối mò xuống lấy trộm nước đổ vào can. Sai lầm chết người từ đó mà ra. Đáng lẽ sau khi kiếm được nước phải lập tức trèo lên container núp dưới bạt, họ lại tranh thủ hít thở không khí thoáng đãng và dạo chơi vài bước cho đỡ cuồng cẳng. Bất chợt Cudjoe nhận ra sáu thủy thủ đang lặng lẽ bước tới. Chắc họ đã theo dõi từ khi bọn anh đang múc nước trộm. Hết đường trốn chạy!
Cuộc thẩm vẫn diễn ra bằng tiếng Anh. Câu hỏi đầu tiên: Từ đâu tới? Câu thứ hai: có tiền không? Cudjoe hiểu rằng họ sẽ trấn lột tiền của bọn anh coi như tiền phạt đi lậu vé rồi sẽ đuổi xuống cảng sắp ghé. Chuyến đi vượt biên nửa chừng đứt gánh. Dù sao, cũng không đến nỗi nào, sẽ tính đường xoay sở tiếp... Tốp thủy thủ ra lệnh gom hết tiền bạc mang theo, chờ sáng sẽ nộp cho sếp.
Sáng, rồi chiều, rồi đêm vẫn không thấy ai hỏi han gì. Như tuồng không có chín người này trên con tàu đang lặc lè chở ba ngàn tấn ca cao giữa biển khơi cách xa bờ biển Tây Ban Nha mấy chục hải lý.
Mãi tới 2 giờ sáng hôm sau nữa, sáu thủy thủ do sếp họ dẫn đầu mới tới thu tiền. Sếp nói tiếng Anh, lần lượt đút túi 2.700 đô của anh em Cudjoe và Albert cùng với 300 mác của Anduse. Rồi ra dấu cho chín người đi theo dưới mũi súng ngắn dữ tợn, tới chiếc thùng sắt to đùng, bắt cả bọn chui vào. Nắp thùng nặng nề sập xuống. Không lương ăn, không nước uống. Ba ngày trôi qua. Chín người vẫn co quắp trong thùng kín như bưng, tuy không được ăn được uống nhưng vẫn có chất thải ra bê bết lên người nhau. Không hiểu sao, sau ngày thứ ba, tức mùng 3 tháng Mười một, bỗng có ai ném xuống ba chai nước. Hy vọng dâng lên trong đầu chín chàng khốn khổ. Họ cho nước, dù chỉ nhỏ giọt thôi, cũng ngụ ý không định giết chết chúng mình... Một ngày đêm nữa trôi qua. Chín người vẫn hy vọng... Nhưng họ đã lầm. Bọn thủy thủ chờ họ kiệt sức hẳn mới ra tay cho chắc ăn hơn. Sáu tên da trắng lực lưỡng thịt cá bia rượu đầy bụng đối đầu chín gã da đen khát mềm người, tinh thần hoảng loạn, nhưng biết đâu đấy!
Tên chỉ huy ra lệnh: Từng đôi, từng đôi một ra khỏi chiếc chảo sắt qua cầu thang gắn bên sườn chảo. Mong sớm được hít thở không khí tự do, ba người vội vã theo chân nhau trèo lên boong. Mười phút sau, hai người nữa ra khỏi chảo, rồi hai người tiếp theo. Cuối cùng chỉ còn lại hai anh em Cudjoe và Albert. Cudjoe trèo lên thang sắt, ngửa cổ nhìn và thấy tên thủy thủ đang chờ mình trên boong mặc chiếc áo sơ mi loang lổ máu đỏ lòm. Anh cúi xuống bảo em bằng tiếng mẹ đẻ:
- Cẩn thận, có thể chúng giết chết mấy cậu kia rồi. Lên tới boong, đưa mắt nhìn quanh cả hai đều không thấy các bạn đồng hành đâu. Và bị đẩy ra mũi tàu. Bất thình lình Cudjoe bị một đòn sau ót. Anh gục xuống, đầu tuôn máu xối xả, rồi cố gượng dậy chạy bừa trên boong. Nghe sau lưng tiếng em mình rú lên:
- Nó giết em, Cudjoe!
Cudjoe quay lại, thấy rõ hai tên da trắng nâng bổng Albert qua lan can tàu rồi ném thẳng xuống biển. Anh tiếp tục chạy bán sống bán chết, nghe hai phát súng bắn đuổi theo càng chạy thục mạng, chui được xuống hầm tàu tối đen, trèo đại lên một container dưới tấm bạt phủ hàng, co mình nằm im. Trước mắt vẫn nguyên vẹn cảnh tượng chú em Albert mười chín tuổi bị ném xuống biển như một giỏ rác. Trong tốp chín người đi tìm miền đất hứa, chỉ còn lại một mình Cudjoe nằm với nỗi kinh hoàng thót tim giữa những luồng gió lùa giá buốt, giỏng tai nghe mọi tiếng động quanh mình. Bọn sáu tên đang lùng sục, luôn mồn la hét những tiếng Cudjoe không hiểu. Đôi lúc ánh đèn pin quét qua quét lại trên dãy container anh đang nấp. Anh càng bám thật chắc vào tầm bạt, nằm thật im. Không động đậy, không thở. Không tồn tại. Suốt đêm đó và cả ngày hôm sau, lũ hung thần cố công sục sạo trên tàu, thay phiên nhau tuần tra trên boong. Nhưng Cudjoe vẫn nằm im tại chỗ, dán chặt vào chiếc container. Không ăn uống ba ngày liền, gần bốn ngày cũng nên. Chỉ làm một việc duy nhất: cầu nguyện. Cudjoe là người ngoan đạo, tin Chúa đã cứu mình thoát chết hẳn sẽ bảo toàn tính mạng cho anh. Vả lại, cầu nguyện thì đỡ sợ, dễ nhịn hơn khỏi nhảy mũi và tăng niềm tin. Anh biết: Nếu bị chúng tóm được, cái chết của anh còn muôn phần thê thảm, muôn phần ghê rợn hơn cái chết của tám người kia. Vì anh là kẻ duy nhất sống sót, là nhân chứng duy nhất có thể tố cáo chúng trước công lý.
Sang ngày thứ Tư, từ chỗ núp Cudjoe nghe tiếng máy tàu giảm tốc. Rồi tắt hẳn. Lúc này đã gần nửa đêm, cuộc hành trình của con tàu có lẽ đã tới đích. Mà cũng có thể bọn hung thủ dừng tàu ngoài khơi một bến cảng nào đó để lùng sục càn quét khắp tàu một lần cuối thật kỹ hòng tóm kẻ sống sót trước khi vào bến. Lại cũng có thể cho rằng chúng dò chừng Cudjoe quá hoảng hốt đã liều mạng nhảy xuống biển vào một lúc nào đó rồi nên chúng yên chí đưa tàu cập bến...
Cudjoe nán đợi xem sao. Xung quanh vắng lặng hẳn, nguy cơ bị lộ nếu gây tiếng động càng tăng. Ba giờ sau anh mới thò đầu ra đảo mắt nhìn quanh. Không một bóng người. Anh rón rén tụt xuống chân container. Chắc hẳn tàu đã neo đậu tại bến, vì không thấy nó lắc nữa. Nhưng đây là bến nào? Anh không rõ. Có thể là Hambourg, như anh bạn Anduse hồi trước đã nói. Làm sao ra khỏi hầm tàu bây giờ? Trong hầm bịt bùng kín mít, có một lối ra duy nhất thì lại ở tít trên cao. Suy tính một lát, Cudjoe chui vào trong một chiếc cần cẩu, rồi cứ theo đó leo lên, leo lên nữa, cuối cùng thấy mình ngồi chót vót trên cao, cách mặt boong chừng hai tầng lầu. Chẳng còn cách nào khác phải nhảy thôi. Anh nhắm mắt nhảy đại. Các khớp chân hầu như bị trật hết khi anh rớt xuống. Sau đó, anh bò, bò, kiếm chỗ núp kín. Lát sau, khi đã đỡ đau, Cudjoe lại bò ra lan can thành tàu. Nhìn xuống cầu cảng sâu sâu phía dưới, lại nhắm mắt nhảy lần nữa. Rồi chạy... chạy thục mạng... Chạy nhưng không biết đây là cảng Le Havre bên Pháp. Cứ cắm đầu chạy trong đêm tối, dọc theo những con tàu hình thù ma quái, dữ tợn, tưởng chừng như sắp vồ lấy anh. Chạy như vậy suốt năm kilômét mới thấy loáng thoáng có bóng người phía trước. Gần như đứt hơi, nhưng Cudjoe thu hết sức mình la to, kêu cứu, gọi cảnh sát...
Ác mộng chấm dứt. Bọn hung thủ không đuổi kịp người sống sót của cuộc thảm sát giữa đại dương. Lần đầu tiên cảnh sát Pháp có được nhân chứng để ra tay. Từ lâu nay, họ thu lượm đã khá nhiều lời đồn đại về bọn cướp biển vẫn tống tiền, trấn lột những người di cư bất hợp pháp rồi ném xuống biển. Nhưng chưa bao giờ nắm được bằng chứng trong tay. Tất nhiên, vì mọi bằn chứng đều nằm sâu dưới đáy đại dương. Câu chuyện của Cudjoe tường thuật tuy làm các cảnh sát viên kinh hoàng nhưng họ buộc phải tin là có thật, không phải chuyện bịa của một gã mất trí: trên đầu nạn nhân có vết thương. thể trạng hoàn toàn suy kiệt, những chi tiết rất cụ thể rõ ràng. Và anh ta cam đoan sẽ nhận diện đúng sáu hung thủ đã sát hại các bạn. Anh đã đối mặt với chúng khi chúng nhăn nhó mỉa mai “lũ mọi nhảy tàu", xét túi anh lấy tiền. Đã giỏng tai nghe chúng thúc giục nhau, gắt gỏng khi sục sạo trong hầm tàu. Và đến chết vẫn không quên bộ mặt ghê tởm của thằng bận chiếc sơ mi loang lổ máu đứng trên cửa hầm tàu nghiêng ngó cái đầu chó đẻ kêu bọn anh lên từng đôi một để ném xuống làm mồi cho cá mập. Cánh sát đường biển kiểm tra lời khai của Cudjoe. Thủy thủ đoàn trên thương thuyền gồm hai mươi bốn người dưới quyền thuyền trưởng Vladimir 57 tuổi. Thuyền phó Valery 31 tuổi chính là sếp của nhóm năm thằng giết người. Khám xét chiếc tàu là chuyện không dễ dàng. Nó treo cờ hiệu của Bahamas, chủ nhân là người đảo Sip, thuyền trưởng và thủy thủ đoàn là người Ucraina, chở hàng thuê cho Camoroun và Gana đang đậu trong cảng của Pháp. Phải vận dụng bộ luật về chống cướp biển mới nhất của Pháp được ban hành ngày 10 tháng Tư năm 1825. Và phải xin lệnh của một loạt nước liên đới.
Cuối cùng mọi thủ tục cũng thu xếp xong. Khám tàu, cảnh sát thu giữ 2.700 đô và 300 mác của các nạn nhân bị trấn lột. Ngoài ra còn có một số quần áo và dưới khoang hầm mà Cudjoe tưởng là cái chảo sắt khổng lồ có nắp kín, cảnh sát tìm thấy nhiều dấu viết của cực hình mà Cudjoe và các bạn đã chịu đựng. Trên boong tàu, từng quãng lại có những sợi dây thép căng là là mặt sàn nhằm đánh bẫy kẻ sống sót nếu anh ta mò ra khỏi nơi ẩn nấp. Nhưng lũ hung thủ một mực chối. Chúng khai: cả tám hành khách lậu vé có lẽ vì sợ hãi, vì thất vọng hoặc vì mất trí sao đó nên đã tự ý nhảy xuống biển. Cả thuyền phó và năm tên thủy thủ đều cam đoan đã ném những tấm ván để mong cứu vớt họ... quanh co mãi, sau hai mươi bốn giờ thẩm vần riêng từng tên, chúng mới thú nhận đã bắn chết hoặc dủng gậy sắt đập cho ngất xỉu rồi ném xuống biển tám người. Riêng Albert xấu số hơn khi bị lăng qua thành tàu anh vẫn còn sống.
Trả lời câu hỏi chất vấn tại sao không tôn trọng luật đi biển là phải tiếp nhận và đảm bảo an toàn cho hành khách đi trên tàu dù là hành khách lậu vé, chúng đáp: “Quen làm như vậy rồi". Thì ra bọn thủy thủ - hung thủ này đã quen làm như vây: phát hiện ra có người đi tàu "chui" là chúng ném xuống biển. Và không quên lột trụi món tiền còm của những kẻ lữ thứ khốn cùng. Lý lẽ chúng đưa ra để tự bào chữa: không thanh toán họ theo cách đó, chúng sẽ bị phạt tiền. Vì chủ tàu sẽ bị truy tố nếu chứa chấp hành khách bất hợp pháp, sẽ phải nộp phạt, và chủ tàu sẽ bổ khoản phạt vạ ấy xuống đầu thủy thủ. Chúng khai: chuyện này đã từng xảy ra, chủ tàu đã trừ lương thủy thủ đề chi cho khoản phí hồi hương những kẻ đi chui, di cư phi pháp. Động cơ phạm tội là như vậy. Nghe chúng khai cung, ai mà không rùng mình lạnh xương sống? Thế luật rừng này đã ném bao nhiêu sinh mạng xuống đại dương? Năm tên thủy thủ và tên thuyền phó bị tam giam chờ ngày ra tòa vì tội "cố ý giết người".
Thuyền trưởng cũng phải theo vào vì tội tòng phạm với bọn sát nhân. Tuy không trực tiếp nhúng tay, không ra lệnh giết nhưng biết trên tàu có chín người đi chui, và khi được thuyền phó báo cáo, thuyền trưởng đã bảo hắn: "Giải quyết đi”. Bước dự thẩm gặp nhiều trở ngại phức tạp vì hầu hết các quốc gia liên can kể cả Ucraina đều chưa ký kết với Pháp thỏa hiệp về xử lý nạn cướp bóc và giết người trên biển cả. Thành thử Cudjoe tuy thoát khỏi cơn ác mộng khủng khiếp trên con tàu vượt biển. lại chìm trong mớ bòng bong những thủ tục pháp lý quốc tế rối rắm, trong tay không một xu nhỏ, không giấy tờ tùy thân, không việc làm... Một cơn ác mộng mới, không biết bao giờ kết thúc.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Người tình của Kenedy thú nhận**

*Truyện Mỹ.*
Năm 1960 Judith Campbell 25 tuổi là một trong những người tình đông đảo của J.F. Kennedy. Trong hai năm sau đó, Judith vừa là người tình vừa là đại sứ của tổng thống Mỹ bên cạnh Sam Giancana bố già Mafia Chicago nhằm thực hiện âm mưu của JFK ám sát chủ tịch Fidel Castro. Năm 1975 Judith đã khai trước uỷ ban Thượng viện về liên hệ giữa chính quyền và mafia. Năm 1977 viết hồi ký nhưng chỉ dám kể lại một phần câu chuyện vì lo sợ bị trả thù. Mới đây, trước cái chết cận kề vì bệnh ung thư giai đoạn cuối, Judith Campbell Exner bộc lộ toàn bộ sự thật...
Ngày 7 tháng Ba 1960, trong căn phòng đại khách sạn Plaza ở New York, một cô gái trẻ hết đứng lại ngồi không yên, vừa sung sướng hồi hộp vừa hoảng sợ: cô có hẹn với người tình, một người đã có vợ và hơn nữa, là một chính khách cỡ bự. Đây là lần đầu tiên hai người hẹn gặp trong khách sạn. Cô ngồi xuống mép giường. Lát sau, cửa phòng nhẹ nhẹ mở. Vừa trông thấy người đàn ông tươi cười bước vào, cô gái càng nhận rõ mình đang đặt chân vào cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm và đầy ngang trái. Người đàn ông tỏ ý thông cảm, thăm hỏi cô gái rất ân cần, rồi giả bộ ra về. Cô vội chạy theo nắm áo, ngước mắt van nài: "Jack!". Sau này cô thú nhận: "Tôi không sao cưỡng nổi sức quyến rũ của Kenedy". Cuộc truy hoan bữa đó trong khách sạn Plaza sẽ không phải là một cuộc tình thoáng qua, nó nhanh chóng biến thành thiên tình sử kéo dài hai năm rưỡi. Judith không biết mình chỉ là một trong vô số nhân tình của vị tổng thống thứ 35 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. "Nếu biết ông ta còn dắt nhiều phụ nữ khác vào Nhà Trắng, tôi đã cắt đứt rồi". Hai năm sau, bài viết của nhà báo đầy thế lực Walterr Winchenll trên tờ "Người quan sát Los Angeles" đã chính thức đưa Judith bước vào lịch sử nước Mỹ. Ông viết: "Nàng Judith Campbell của Palm Springs và Beverly Hills đang là đề tài chính trong các câu chuyện ngồi lê đôi mách của giới chính khách". Đây là lần đầu tiên tên tuổi của Judith Campbell được nêu trên mặt báo.
Qua bức thông điệp này, phải chăng nhà bình luận thời sự có ảnh hưởng lớn nhất nước nhờ các bài viết về giới thượng lưu dã muốn cảnh tỉnh, hoặc đe doạ vị tổng thống trẻ người non dạ và liều lĩnh? Tuy nhiên, nhà báo danh tiếng này dù đã được đích thân J. Edgar Hoover giám đốc FBI cung cấp tin tối mật đó cũng không biết được gì hơn. Vì không một công dân hay quan chức nào được phép làm hoen ố ảo ảnh đẹp đẽ của cuộc tình duyên đầy thơ mộng giữa Kenedy và Jackie trong đầu óc người Mỹ hồi ấy.
Sau đó, suốt mười ba năm liền, công chúng Mỹ không nghe thấy nói tới Judith Campbell nữa. Cho tới năm 1975, khi Quốc hội quyết định thành lập uỷ ban đặc biệt của Thượng viện chịu trách nhiện làm rõ mối liên hệ giữa chính quyền liên bang với mafia, mọi người mới lại thấy Judith Campbell xuất hiện. Cô đã lấy chồng, đổi tên thành Judith Exner. Một thiếu phụ tóc nâu xinh đẹp tuy đã trạc tứ tuần nhưng vẫn còn bốc lửa, có đôi mắt sắc như dao. Cô được mời lên đứng ở bục nhân chứng và được giới thiệt là một "bạn gái" của cố tổng thống Kennedy, là một người tự nguyện hoạt động cho ông ta trong chiến dịch vận động bầu cử. Theo một vài nguồn tin, hồi đầu thập niên 60, Judith là đầu mối liên lạc giữa anh em Kennedy với Sam Giancana bố già mafia Chicago và Johny Roselli bố già Las Vegas. Những tin đồn đại này đã phá vỡ một mảng lớn trong huyền thoại về gia đình Kennedy. Nhưng báo chí Mỹ có lẽ không muốn chuyện này đổ bể vì "xấu chàng, hổ ai" nên trong suốt mười năm liền, họ hùa theo tờ "Bưu điện Washington" thi nhau bêu xấu Judith, gọi cô ta bằng đủ thứ tên nhục mạ: nhân tình mafia, gái bao của Giancana và Roselli, gái giang hồ ưa lượn lờ trong bóng đêm Hollywood, gái gọi ngốc nghếch...
Năm 1977, Judith viết cuốn tự thuật kể lể những cuộc hẹn hò với Tổng thống, nhưng không dám nói hết sự thật vì các giới thân cận mafia đe doạ nếu nói toạc mọi chuyện, sẽ có đổ máu, kể cả máu của chính Judith. Chúng không nói suông: kể từ sau khi Judith cắt đứt với Kennedy, hàng ngũ những người trong cuộc đã thưa thớt dần: hai anh em Jack và Bobby lần lượt ngã gục dưới làn đạn những tên sát thủ, cô Mary Meyer một người tình khác của Kennedy bị ám sát trên bờ sông Potomac năm 1964, Marilyn Monroe chết ngay trong đêm Bobby Kennedy tới nhà, năm 1975 Sam Giancana bảo kê của Judith mặc dầu được FBI che chở nhưng vẫn bị bắn hạ ngay trong bếp, chưa kịp khai báo lời nào với uỷ ban Thượng viện; một năm sau đến lượt Johny Roselli bị đúc trong khối bê tông ở Miami, cảnh sát phải đào bới mãi mới lôi được xác ra. Trong những năm khủng khiếp đó, Exner luôn giấu dưới gối một khẩu súng nòng lên đặt sẵn. Giờ đây, cô biết mình sẽ không chết vì bọn đâm thuê chém mướn, mà vì bệnh ung thư đã di căn vào xương và phổi. Cô quyết định tính sổ với lịch sử.
Cuối tháng Mười hai 1996 vừa rồi, cô tiết lộ toàn bộ các bí mật của đời mình với Liz Smith nữ phóng viên tờ Vanity Fair và Barbara Walters của đài truyền hình. Tự thuật của Judith được đăng tải trên 70 tờ báo ngày trong cả nước, cô xuất hiện trên kênh truyền hình ABC.
Judith nói: "Đôi khi có những người đổ tội cho tôi làm hỏng sự nghiệp của Tổng thống Kennedy. Thật oan uổng tôi quá. Sở dĩ tôi tiếp xúc với Giancana và Roselli là do Kennedy khẩn thiết yêu cầu tôi làm việc đó. Hồi ấy tôi mới 26 tuổi và đang yêu say đắm. Tôi làm sao hiểu rõ mọi chuyện bằng ông Tổng thống Hoa Kỳ? Ông ta thấy tôi xuất hiện đúng lúc ông ta cần. Đúng lúc ông cho ta giao nhiệm vụ ám sát Fidel Castro cho mafia tốt hơn giao cho CIA. Ồng có biệt tài hiểu rõ người xung quanh, biết rõ nên tin ai và đã sử dụng tôi".
Câu chuyện khởi đầu năm 1960. Cô gái Cali 25 tuổi thuộc tầng lớp trung lưu, theo đạo Thiên chúa, sau khi thất bại cuộc hôn nhân với một diễn viên vô danh, đã theo ca sĩ Frank Sinatra tới Las Vegas chung sống với nhau một thời gian ngắn. Chẳng bao lâu sau, Judith đã mê anh chàng dáng vẻ hấp dẫn, khéo kể chuyện về đạo, về đời, về các ngóc ngách của Hollywood, thường xuyên gọi điện tới nhà hỏi mẹ cô ta xem Judith đi đâu vắng...
Tháng Tư năm đó, nhân dịp Jackie đi khỏi Washington, JFK tranh thủ mời Judith tới ăn tối tại biệt thự của ông ở Georgetown cùng với nhà "chính khách hậu trường" Bill Thompson. Tiệc tan, JFK nhờ cô mang tới Chicago đưa cho Sam Giancana một xắc đầy giấy bạc. Tới Ilinois, Judith mới hay Sam chính là một doanh nhân đáng ngờ cô đã gặp tháng trước trong bữa dạ tiệc do ca sĩ Frank Sinatra thiết đãi ở Miami. Tháng Mười một 1960, trúng cử Tổng thống. Cương vị mới khiến cho cuộc tình giữa ông ta với Judith càng thêm rắc rối. JFK mời người tình tới dự lễ tuyên thệ nhập chức ở Itoie nhưng cô từ chối. Sau đó, nhiều lần ông ta nhờ cô tận tay chuyển thư của ông cho Sam Giancana về chuyện ám sát Fidel Castro, rồi yêu cầu cô tổ chức một cuộc gặp Sam. Tổng thống và trùm mafia bí mật gặp nhau trong một phòng khách sạn Chicago, trong khi Exner ngồi chờ trong phòng tắm.
Mỗi lần tiếp xúc về công chuyện, Judith đều được Sam khoản đãi hậu hĩ và dần dà, vị "nữ sứ giả" thấy ưa Sam, con người rất mực hào phóng, có thế lực, có quyền uy lớn. Ngược lai, tên trùm mafia cũng không ngại làm Tổng thống nổi cơn ghen. Quả nhiên JFK luôn nhắc nhở Judith "Đừng mất quá nhiều thì giờ với Giancana và cả với Sinatra cũng vậy". Ông ta còn luôn gọi điện tra hỏi cô đi đâu, với ai... Nhiều lần yêu cầu cô dọn về Washington "Ở đây, anh mới che chở em được!” Judith than phiền cô bắt đầu bị FBI quấy rối, họ đập cửa gọi bất cứ ngày đêm, tự tiện vào khám nhà không có giấy phép, một bữa còn định bắt cô ngay tại bãi xe. Còn Giancana luôn mồm tự đề cao trước mặt cô: “Không có anh giúp một tay, anh bạn Kennedy của em đừng hòng trúng cử. Anh em Kennedy không tốt với em đâu. Chúng huỷ hoại đời em". Tuy nhiên tên trùm mafia Chicago không lần nào đả động tới sự móc ngoặc giữa chúng với CIA và âm mưu sát hại Castro.
Tháng Giêng năm 1963, Exner quyết định chấm dứt với Kennedy. Hai người đã cãi nhau kịch liệt vì cô khăng khăng không dọn về Wasington. JFK chưa dứt nổi, vẫn muốn gặp người tình nên yêu cầu cô về dự một số dạ tiệc trong Nhà Trắng. Nhưng Judith buồn bực vì sự hiện diện của Jackie, ngày càng chán chường tình cảnh "người tình bóng tối". Cô nói với phóng viên tờ Vanity Fair "Tôi hết chịu nổi. Mỗi ngày qua đi là mỗi ngày cuộc tình càng gây đau nhiều hơn. Thêm vào đó, FBI mỗi ngày càng làm tôi phát điên nặng hơn. Phải chấm dứt thôi. Jack bảo tôi tới gặp để bàn cách cứu vãn mối quan hệ. Ông ta bảo tôi: "Ta vẫn có thể tiếp tục như thường". Cuối tháng Mười hai 1962, tôi trở lại Nhà Trắng gặp Jack lần cuối cùng, tôi bảo Jack "Thế là hết, em sẽ không bao giờ gặp lại anh nữa". Đây cũng là lần cuối cùng hai người làm tình với nhau. Tôi vẫn còn yêu Jack say đắm. Rời Washington, tôi về New York rồi về Chicago. Không biết có phải Chúa muốn trừng phạt tôi hay sao ấy, về tới đây tôi mới hay mình có mang. Tôi hoảng hồn. Trong thời gian mê Kennedy, tôi không hề biết đến một người đàn ông nào khác. Tôi gọi điện “Jack! Đièu tồi tệ nhất đã xảy ra: em có bầu!". Trong máy, im lặng rát lân. Mãi mới nghe tiếng đap: “Em sẽ làm thế nào bây giờ?" Chừng như biết mình lỡ lời, Jack chữa: "Xin lỗi, chúng ta làm thế nào bây giờ? Em có muốn giữ lại cái thai này không?" Tôi oà khóc: "Jack, anh thừa biết em không thể giữ đúa con này. FBI nó bám theo chúng mình không một lúc nào ngơi. Suốt từ bữa gõ cửa nhà em lần đầu năm 1960 tới giờ, nó đâu có buông tha em một phút nào!". Giọng Jack lúc này rất dịu dàng: "Em có thể giữ con lại, không sao. Anh bảo đảm cho. Ta có thể tính đến sự lựa chọn này. Và sẽ thu xếp ổn thoả". Nghe vậy, tôi đáp: “Không xong đâu. Với cương vị hiện tại của anh, chúng mình khó lòng rút chân ra khỏi vụ này". Jack dặn tôi: "Anh sẽ gọi lại cho em sau". Ngay trong bữa dó, Jack gọi điện tới, hai người lại trao đổi cách giải quyết. Tôi đã mang thai hai tháng, càn xử trí gấp. Nhưng ở Mỹ, phá thai là phạm pháp. Cuối cùng Jack bảo: "Em thấy liệu Sam có giúp chúng mình được không? Em thử bàn với anh ta xem. Em thấy có trở ngại gì không?" Tôi rất ngạc nhiên trước đề nghị đó, nhưng trả lời Jack rằng tôi sẽ hỏi Sam. Tôi gọi điện cho Sam, rủ đi ăn tối và cho anh ta biết tôi đang cần gì. Sam giật bắn người, hét to: "Thằng quỷ tha ma bắt Kennedy, thẳng quỷ tha ma bắt".
Sam Giancana tích cực thu xếp mọi bề để đưa Exner vào phá thai trong bệnh viện Grand Hospital. Hiện giờ cô vẫn còn giữ các hoá đơn viện phí, tên họ những người đã thực hiện thủ thật nạo thai cho cô hồi đó. Ngày 28 tháng Giêng năm 1963 Giancana tới đón cô xuất viện. Ngay sau đó, Kennedy gọi điện tới, nài nỉ cô về Washington. Lúc này Judith vừa cảm thấy bơ vơ, bị bỏ rơi, vừa sợ: sợ FBI, sợ CIA, sợ cả Sam Giancana và mafia nữa. Cô thú nhận thết với Kennedy và nhận lời sẽ tới gặp. Nhưng số phận trớ trêu thế nào không hiểu, tự nhiên cô quên phứt địa điểm hai người đã gặp nhau lần trước.
Sau này, khoảng giữa cuối những năm 60 Judith còn gặp lại Sam Giancana một lần, khi hắn từ bữa ăn tối với ca sĩ Frank Sinatra trong khách sạn ở Palm Springs bước ra. Sinatra không để ý tới Judith. Tên trùm mafia tuy trông thấy cô nhưng làm lơ giả bộ không quen, Có thể đó là cách hắn chở che cho cô chăng?
Nhà báo Liz Smith trong khi đi xác minh câu chuyện cua Judith Campbell Exner đã tìm thấy hoá đơn điện thoại của Nhà Trắng trong mười ngàn ngày trị vì của Kennedy và phát hiện Judith đã gọi 80 cuộc cho thư ký riêng của John Kennedy, nhiều cuộc gọi từ đây gọi cho cô, và nhiều cuộc gọi từ máy riêng của Kennedy trực tiếp gọi Judith Campbell Exner. Cô gái tóc nâu Judith Campbell đã đi vào lịch sử nước Mỹ như vậy, tuy cho tới nay người ta vẫn chưa khẳng định cô chỉ là một người tình cuồng nhiệt và dại khờ, hay một nạn nhân vô tội của những thế lực đầy quyền uy đã lợi dụng cô nhằm thực hiện những mưu đồ đen tối? Dù thế nào đi nữa, điều không may chính là ở chỗ cô hiện diện đúng nơi và đúng thời điểm mà mafia, CIA và Tổng thống Hoa Kỳ đều đang cần móc ngoặc với nhau.

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**Cô gái trên đoàn tàu tốc hành**

*Truyện Đan Mạch.*
Đoàn tàu chạy vào đường hầm Mulehortz, Thuỵ Sĩ. Dưới luồng đèn pha, người lái tàu chợt thấy hình như có người nép vào góc hầm. Một xác chết. Cô gái cao 1.60m, khoảng ngoài đôi mươi, rất xinh đẹp. Biên bản khám nghiệm tử thi vẫn miêu tả cô rất xinh đẹp: thon thả, mặt trái xoang, lông mi dài, mắt to rất xanh, răng đều, tóc vàng mượt. Trên người có sẹo mổ ruột thừa. Bận đồ nhẹ, vải caro xanh đậm và trắng, túi to, có nhãn đề “Chế tạo tại Đan Mạch”. Đeo nhẫn, không đi giầy. Tính giờ, đoán chừng cô bị rơi từ đoàn tàu tốc hành tuyến Bắc, đoàn tàu này đã dừng ở Zurich rồi đi Roma. Tất cả các quốc gia đoàn tàu đi qua: Đan Mạch, Thuỵ Sĩ, Tây Đức, Italia dều được Interpol yêu cầm tham gia cuộc điều tra.
Trung uý cảnh sát Đan Mạch Brenxen được cảnh sát Thuỵ Sĩ báo: họ tìm thấy trong đường hầm những mảnh hộ chiếu chắc là của nạn nhân. Chắp lại thấy số hộ chiếu là 146945 cấp ngày 22-6-1961 cho một cô gái Đan Mạch tên là Epba, sinh ngày 20-8-1937 ở Djetol, bác sỹ vật lý trị liệu ngủ ở Copenhaghen. Trung uý Brenxen tìm đến nhà cô gái, trên lầu 2 một ngôi nhà loại trung bình. Anh bỏ mũ, lấy bộ đưa đám hỏi người đàn ông đứng tuổi vừa mở cửa:
- Bác là người nhà của Epba Guttensen?
- Vâng, tôi là bố. - Ông ta tái mặt, sửa lại kính, nhìn kỹ viên trung uý rồi hỏi - Chắc có chuyện gì?
- Con gái bác đi vắng ạ?
- Vâng.
- Đi tàu tốc hành tuyến Bắc?
- Tôi vừa tiễn chân nó cách đây ba ngày. Có gì nghiêm trọng lắm không?
- Tôi sợ là có, bác ạ.
- Rất nghiêm trọng à?
- Vâng.
Những cuộc viếng thăm loại này bao giờ cũng nặng nề, khó nói. Nhất là những phút đầu tiên tiếp xúc. Lần lần, trung uý mới đỡ lúng túng, xem ra ông già đã hiểu.
- Người ta tìm thấy thi thể của một cô gái bận đồ ca-rô xanh trắng trong đường hầm bên Thuỵ Sỹ, trên đường tàu tuyến Bắc chạy qua. Có cả hộ chiếu của con gái bác.
- Nó ngã chắc?
- Có thể.
- Bác ở nhà một mình đấy chứ? Bác gái không có nhà chứ? Tôi có ba tấm ảnh của cảnh sát Thuỵ Sĩ chụp để nhận dạng nạn nhân. Tuy người ta cố thu xếp nhưng cảnh tượng vẫn rất nặng nề. Nếu bác thấy không đủ can đảm thì thôi, để nhờ người khác nhận diện cũng được.
- Không sao, cứ đưa tôi xem. Nhanh lên, bà nhà tôi sắp về. Sau đó người bố khốn khổ kể lại cuộc đời ngắn ngủi của con mình.
Cô Epba từ nhà đi ngày 10-5, lúc 13h30, tới Zurích bằng đoàn tàu tốc hành tuyến Bắc. Cô được tuyển vào làm bác sỹ vật lý trong một bệnh viện, sẽ bắt đầu làm việc từ ngày 1-6 tới. Ông bố đã tiễn cô ra ga, đứng lại với con cho đến lúc tàu chuyển bánh. Bố bùi ngùi, con cũng xúc động, hai bố con chưa bao giờ phải xa nhau. Tuy vậy, cô vẫn không tỏ ra quá yếu đuối, mệt mỏi. Không có lý do gì khiến cô tự sát.
- Cô Epba đi một mình?
- Một mình.
- Bác có thấy người nào đứng gần hoặc tỏ vẻ quan tâm đến cô ấy?
- Không. Vả lại nó không mua vé ghi số, định ngang đường sẽ mua vé nằm.
- Tôi xin thành thật chia buồn với bác. Các đồng nghiệp của tôi sẽ tới gặp bác để ghi lời khai.
- Anh cho rằng nó bị ngã à?
- Ít có khả năng. Ít khi bị ngã từ trên tàu xuống mà chân không đi giày và vẫn mặc đồ dạo phố. Cảnh sát Thuỵ Sỹ nghĩ đến án mạng nhiều hơn. Chào bác, tôi thành thật chia buồn cùng bác.
Khi xuống đến tầng, trung uý gặp một bà già trạc 60. Bà cụ mỉm cười chào anh. Anh biết đó là ai, cúi đầu đi thẳng, không dám nhìn lại.
Trung uý mua vé đi Zurich trên đoàn tàu tuyến Bắc, khởi hành từ Copenhagen lúc 13h30. Anh đứng trên tàu nhìn đám đông dưới sân ga, kẻ cười người khóc, tưởng tượng cảnh ông già tóc bạc tiễn chân con gái lần đầu đi xa. Chắc có những giọt nước mắt đọng trên cặp kính lão. Lúc tàu gần chạy, ông còn mua cho nó tờ báo "Ô chữ" và cuốn phim. Tàu vừa rùng mình, cô nghịch ngợm bấm một tấm ảnh chụp bố đứng tần ngần dưới sân ga, rồi nắm chặt bàn tay bố trong lòng bàn tay nóng ấm, bảo: "Bố đừng lo lắng gì. Bữa nào được nghỉ ba bốn ngày, con sẽ chạy về thăm bố. Không lâu đâu bố ơi!". Trung uý đi kiếm chỗ ngồi, gặp người kiểm soát vé đang tíu tít kiểm tra vé trước khi đến biên giới. Bác ta đang vội nên cau có trả lời trung uý:
- Phải. Hôm kia tôi có công tác trên tàu.
- Bác có thấy một cô gái tóc vàng từ Copenhagen đi Zurich?
- Hỏi hay nhỉ. Một cô gái tóc vàng, lên tàu hôm kia? Mỗi ngày có hai trăm cô gái tóc vàng đi tàu, ai nhớ được.
- Nếu muốn thuê giường nằm cô ta phải hỏi bác chứ?
- Không. Hỏi nhân viên chuyên trách. Vào tìm trong các khoang vé nằm ấy.
- Tên người ấy là gì? Bác soát vé nguýt dài, định tống khứ anh chàng ấm ớ này đi cho khuất mắt, nhưng Brenxen nhanh hơn.
- Cảnh sát đây nhé, đừng giỡn!
- Dạ, dạ ... vâng, mời anh gặp Letto, người Đức.
Letto nhỏ con, tóc nâu, mắt lấm lét. Trung uý nhìn anh ta hồi lâu.
- Giường nằm à? Chậm mất rồi. Nhưng cứ đợi xem. Đến ga Putgarza may ra... Tôi sẽ cố gắng... Anh ta lên mặt quan trọng. Phân phối giường nằm, đút túi số tiền phụ trội à khoản "bồi dưỡng" không nhỏ. Tàu đỗ ga Lubech. Trung uý tranh thủ gọi điện báo cho đồng nghiệp bên Đức biết anh vừa qua biên giới và xin một cảnh sát Đức đến tiếp sức vì anh không được quyền hành động trên lãnh thổ nước khác. Anh sẽ nhận ra người đó ở tờ báo Hamburg mở rộng cầm tay.
Từ ga Hamburg đi tiếp, trung uý đã có thêm người giúp. Anh và viên cảnh sát Đức phải đợi nửa giờ mới thấy Letto làm xong việc phân phát giường.
- Ông là Letto?
- Phải.
- Ông có nhớ một cô gái tóc vàng, cách đây ba ngày hỏi thuê giường nằm trên đoàn tàu này không?
Cặp mắt lấm lét của Letto lướt qua hai nhân viên cảnh sát.
- Có biết bao nhiêu người hỏi mua vé nằm! Làm sao nhớ?
- Đúng, nhưng sau đó cô ta đã chết. Rất xinh đẹp. Mặc đồ caro xanh trắng.
- Vậy à? Cô đó hả? Trời, khủng khiếp quá!
- Thế ra, ông còn nhớ?
- Nhớ! Một cô gái đẹp hết sức... mà có vẻ ngơ ngác, như con chim non rớt khỏi tổ.
- Ông xếp được chỗ nằm cho cô ấy chứ?
- Tất nhiên.
- Ở đâu?
- Toa 6 thì phải... Nhưng không nhớ khoang số mấy.
- Cố nhớ lại xem.
- Không chắc lắm, có lẽ khoang 12.
- Cô ấy có một mình ở đấy?
- Hừm... không.
- Với ai?
- Để nhớ xem đã. Không biết là một hay hai người. Chắc chắn có một cậu mặc bludong màu be.
- Ông có nói chuyện với cô ta chứ?
- Có, đôi ba câu.
Letto nở nụ cười hiểu ngầm rất khó coi. Nhân đà, trung uý hỏi luôn:
- Gạ gẫm cô ta chứ gì?
- Đại khái cũng có gạ tí tỉnh. Chuyện thường tình phải không? Nhưng thấy không ăn tôi cho qua luôn. Trò vặt vãnh kể gì. Không thiếu con gái, chả cần.
- Cô ấy xuống ga nào?
- Cái đó thì chịu. Để xem nào! Xuống Zurich thì phải. Ga cuối cùng của cô nàng mà.
- Ông có thấy cô ấy xuống tàu không?
- Không.
- Qua Zurich có thấy xuống không?
- Không. Ai để ý làm gì nữa. Tôi nghiệp cô bé! Sao mà chết?
- Ông không biết thì lạ thật. Báo cả nước Thuỵ Sỹ sáng nay đều đăng tin.
- Tôi không đọc báo Thụy Sỹ.
- Tìm xác thấy trong hầm Mulehorzt. Có thể rơi xuống đường tàu này.
- Anh vặn vẹo tôi chuyện đó hử? Chắc anh là cảnh sát?
- Đúng. Ông theo tàu tới tận Roma chứ?
- Tới Roma.
- Ta còn gặp nhau.
Trên chặng Francfurt đi Bale, viên cảnh sát Đức cùng Brenxen chuyển chỗ tất cả hành khách nằm toa 6 sang toa khác. Đến Zurich sẽ cắt toa này lại để cảnh sát Thuỵ Sỹ lên khám xét kỹ. Trung uý vào khoang 12 ngồi. Ánh đèn ngủ lờ mờ soi chiếc giường tầng dưới. Cô Epba đã nằm đây đêm hôm kia. Có khi cô đã bị giết trên đó, sau cuộc vật lộn kịch liệt, nếu không bị bất ngờ đánh chết. Có nhiều khả năng chính cô đã tự mình gây ra cái chết thảm thương đó, sắc đẹp của người con gái nhiều khi là con dao hai lưỡi. Trên đoàn tàu ai biết được có những loại người gì? Nhân viên soát vé rụt rè đến gặp trung uý đang gà gật. Trung uý giật mình giơ vé ra.
- Không, - bác xua tay, thì thầm - Tôi vừa đọc báo Francfurt, có bài về cô bé đáng thương ấy. Tôi cố nhớ lại...
- Bác nhớ ra cái gì?
- Nhớ nhưng không dám chắc. Trước khi tới ga Zurich, cô bé đánh thức tôi và hỏi tàu có đi đến Sua không? Ga Sua dưới Zurich. Tôi bảo: Phải trả thêm tiền vé. Điều làm tôi để ý là... Hình như không phải cô ấy trả tiền. Lúc ấy Letto đứng gần đó thì phải. Cô ấy cười, trao tiền cho tôi như thể anh ta vừa trao tiền cho cô bé.
- Bác cho rằng chính anh ta xúi cô bé đi tới Sua?
- Có thể lắm. Nhưng anh mới là người làm nghề đặt giả thuyết này, giả thuyết nọ, không phải tôi. Lúc cô bé hỏi tôi là 5 giờ sáng. Tàu sẽ đến Zurich lúc 8h17 phút.
Trung uý tỉnh hẳn ngủ, đi dọc hành lang tìm Letto. Anh ta nằm trên giường dành riêng cho nhân viên. Brenxen đứng nhìn không dám hỏi, vì anh không được quyền điều tra trên đất Đức. Vả lại, dại gì đánh động.
Đoàn tàu tới ga Bale. Trong sương mù đêm tối, có một thanh tra cảnh sát Thuỵ Sỹ tới truyền đạt lai lịch của Letto do Interpol cung cấp: sinh ngày 3-10-1934 ở Rey, Cộng hoà Liên bang Đức, quốc tịch Đức, đã có nhiều tiền án, một lần can tội năm 1956.
Đúng 8h17 phút, tàu tốc hành tuyến Bắc vào ga Zurich. Cảnh sát Thuỵ Sỹ tới còng tay Letto. Hắn thú nhận: thấy cô Epba tỏ ra có cảm tình với gã, gã rủ cô ở lại trên tàu cho tới ga Sua rồi sẽ quay lại Zurich trên chuyến tàu thứ nhất, để có dịp tìm hiểu nhau thật sâu... Nhưng cô gái không cho gã vượt qua giới hạn nào đó, ít ra cũng không cho vượt vào đêm nay, trên con tàu này. Thế là gã đùng đùng nổi giận, bóp cổ cô bé rồi vứt xác qua cửa sổ. Khi khám nhà hắn, cảnh sát còn thấy chiếc máy ảnh Kodak của Epba trong có cuộn phim, quà tặng của ông bố già trước khi cô đi xa. Cuộn phim được trả lại cho ông gần như còn nguyên vẹn... Trừ một tấm chụp bố già rơm rớm nước mắt giơ bàn tay gầy guộc vẫy đứa con yêu khi đoàn tàu chuyển bánh. Lần đầu tiên nó rời tổ ấm, ngờ đâu cũng là lần cuối cùng... Nhũng con chim non khi rời tổ thường thích bay thật nhanh đến những chân trời mới lạ mà không lường hết những cạm bẫy rình rập trên mọi nẻo đường...

**Phương Hà, Vĩnh Hồ**

Những vụ án nổi tiếng thế giới

**"Chó Ngao" nhân viên FBI**

*Truyện Mỹ.*
Vào khoảng 0 giờ 30 đ êm 6 tháng Tư 1960, phát thanh viên đ ài radio thành phố Saint Louis ngồi sau bàn phòng bá âm đọc trước micro bản thông báo: “Mới đây, một người đ àn ông vừa chạy vào quán ăn nhanh tr ên đại lộ Nam th ì ngã gục vì mất quá nhiều máu từ hai vết dao trên mình. Tung tích hung thủ cho tới lúc này vẫn rất mơ hồ: hình như đó l à một người cao lớn khoảng ba mươi tuổi, ria mép rậm và đen”.
Saint Louis, một thành phố lớn bên Mỹ, là thành phố ảm đạm với những d ãy nhà gạch, những nhà máy gạch, xưởng thợ chen chúc hỗn độn tạo th ành những con đường chật hẹp, dơ bẩn, xấu xí, những mặt tiền phản mỹ thuật, những cầu thang thoát hiểm bằng sắt thô kệch. Gạch v à sắt, sắt và gạch xô bồ, nham nhở... Đôi khi các phát thanh vi ên ca đ êm thường có cảm tưởng mình nói vào chỗ không người. Thực ra tiếng nói trên làn sóng điện không khi n ào rơi vào chỗ trống không, dù ban ngày hay ban đ êm. Bao giờ cũng có người nào đó, ở đâu đó lắng nghe. M à đ êm khuya tĩnh mịch, người nghe càng ch ăm chú lắng nghe hơn. Cho d ù đ êm nay chỉ có hai thính giả, bức thông điệp của phát thanh vi ên vẫn không đến nỗi vô ích.
Thực vậy, trong mấy thính giả đó có cả t ên hung thủ. Nó vừa trở về c ăn ph òng nhỏ ở Monmouth, thị trấn cách Saint Louis 150km về phía Bắc. Nó rứt bộ ria giả, mở radio nghe xem công trình của mình đ ã được nói đến chưa? Thính giả thứ hai l à nhân viên thanh tra cảnh sát vừa bị cú phone dựng dậy, lôi khỏi nhà. Lúc 0 giờ 20 đang ngồi coi tivi, hai chân đ ã rút khỏi giầy sắp sửa lên giường ngủ. Vậy mà lại phải nhảy lên xe, bật radio nghe thử vụ việc đ ã lên đ ài chưa, không chừng giới báo chí lại biết tường tận hơn cảnh sát. Nhưng chẳng có tin gì hơn. Ở hai nơi khác nhau, hung thủ và cảnh sát lại cùng nghĩ như nhau: "Lơ mơ quá! Người cao lớn trạc ba mươi tuổi thì ở bang Missouri này có cả chục ngàn". Hung thủ nghĩ bụng: "Thằng khốn kiếp chưa chịu ngoẻo. Mong sao nó chết hẳn, chết thật lẹ, cho mình nhờ". Thanh tra cảnh sát thì nghĩ: "Chắc tr ăm phần trăm bộ ria l à của giả". Hung thủ tự trấn an: "Mình cóc để lại dấu tay. Bọn cớm thả sức t ìm... Mình đếch quen thằng bị đâm, nó th ì tối qua mới thấy mặt mình lần đầu... ”
Viên cảnh sát vửa dừng xe, chợt nghe có tin mới: *"Nạn nhân tên là Jack Philip Ross, hai mươi sáu tuổi, tái phạm hình sự,* đ ã ở nhiều n ăm trong trại cải huấn. Bị bắt sau vụ lừa đảo, mới được tự do có điều kiện th ì sắp bị đưa ra to à về tội trộm cắp vỏ xe trong một gara". Cảnh sát và hung thủ đều vừa nghe đoạn thông báo tr ên, nhưng lập luận khác hẳn nhau. Hung thủ cho rằng: "Chẳng ma nào chịu mất công tìm kiếm kẻ đầm chết t ên bất lương vô danh tiểu tốt nọ. Bọn cớm sẽ bỏ ra một tuần, giỏi lắm thì nửa tháng để điều tra rồi xếp xó”. C òn thanh tra Eugene Robert O’Donnell hai mươi tám tuổi của đội H ình sự thì nghĩ: "Món của ta đây rồi... Không ai có thể gi ành của ta vụ này, nó sẽ giúp ta khẳng định t ài ba..". Nhân viên đội C ảnh sát hình sự thành phố Saint Louis đều gọi O’Donnell bằng biệt hiệu Bulldog, Chó Ngao. Họ đặt cho anh biệt hiệu n ày trước hết vì hàm r ăng dưới nhô d ài hơn hàm trên, trông xấu trai. Sau nữa, giống hệt loài chó Bulldog khi đ ã ngoạm vào mồi là không chịu nhả, O’Donnell cũng không bao giờ chịu bỏ mồi. Khi chẳng may bị xấu trai thì bù lại phải xây dựng cho mình một tính cách độc đáo khác người, v à O’Donnell đ ã chọn thứ tính cách phù hợp với hình dạng anh ta.
Anh dừng xe lúc 0h30 trước tiệm ăn tr ên đại lộ Nam, nơi chủ nhân vừa báo có người bị đâm vừa chạy v ào gục trong cửa hàng. Trên đường v ào nhà, Chó Ngao chạm trán ngay với nạn nhân Jack Ross đang được chở đi tr ên cáng, máu túa đầy ngực, hơi thở chỉ c òn thoi thóp... Chó Ngao tạm gác ý định v ào thẩm vấn chủ tiệm Hamburger Heaven, chạy theo mấy người y tá lên xe cứu thương. Trong khi xe hụ còi chạy như đi ên qua thành phố, anh hỏi người sắp chết:
- Tên gì? Đứa n ào đâm? Người bị hại khó nhọc thều th ào nhát gừng:
- Không.. biết... không quen... chỉ kịp... nhảy... nhảy ra... xe.
- Xe nào? Giờ ở đâu?
Ross cấm khẩu không nói được nữa, vừa tới bệnh viện th ì tắt thở. Chó Ngao quay lại tiệm Humberger Heaven vẫn mở cửa tới ba giờ sáng theo lệ xưa nay.
Chủ quán tên Paul Monica, gốc Ý, bụng phệ, mũi cà chua, đầu nhẵn thín trong vẻ tử tế v à đang tỏ ra buồn phiền. Ông thở d ài.
- Rắc rối quá!
- Ông biết nạn nhân chứ?
- Không gặp anh chàng đáng thương đó bao giờ .
- Không lần nào?
- Vâng, không một lần.
- Kể tôi nghe...
Ông Monica tới đứng sau quầy theo thói quen khi sắp nói những điều quan trọng, đi tới đây ông thấy chắc dạ v ì nó làm ông nhận rõ mình đảm đương một chức năng x ã hội. Vả lại, đi như vậy mới có th ì giờ suy nghĩ trước khi đối đáp. Ông nói :
- Vâng, để tôi kể. Lúc anh ta mới chạy v ào tôi ngỡ anh ta xỉn. Sau mới nhìn thấy máu, đúng lúc anh ta hét: “K êu cảnh sát... gọi cấp cứu... Nó đâm chết tôi”. Tiệm nhốn nháo. Anh ta ng ã gục cách quầy rượu vài mét. Một ông khác chạy tới gọi điện, tôi cố t ìm cách cứu anh ta. Nhưng máu tuôn ồng ộc, tôi đâu biết l àm cách nào cầm lại. Giá như bị ở tay ở đ ùi thì còn garô được, ở ngực thế n ày thì làm gì? Bây giờ anh ta ra sao rồi, ông thanh tra?
Chó Ngao cho chủ tiệm biết nạn nhân vừa chết. Ông Monica sa sầm nét mặt:
- Tệ hại quá!
- Khi ông cúi xuống anh ta, ông có nghe được g ì không?
- Ôi, lúc đó đ ã mê sảng rồi còn gì, chỉ ú ớ vài tiếng khó nghe. Hai lần tôi bảo tả hình dạng hung thủ, anh ta gắng gượng hêt sức mới nói "cao lớn" ... "ria rậm"... "khoảng ba mươi"...
Tin quá đỗi sơ s ài. Chó Ngao cảm ơn, gọi điện về bệnh viện. Một đồng nghiệp chuy ên lo về c ăn cước vừa tới đó .
- Cậu thu được giấy tờ chưa ?
- Rồi… Một giấy phép lái xe, mấy bì thư đề t ên anh ta.
- Nhà ở đâu ?
- Cùng vợ kinh doanh một tiệm may nhỏ ở số 20 đường Bắc. Có ba con.
Chó Ngao quyết định tới báo tin dữ cho vợ nạn nhân . Xe dừng trước tiệm may tiều tuỵ, tủ kính dơ bẩn, nằm dưới tầng trệt ngôi nhà nhỏ xây gạch đỏ có hai tầng lầu. Không thấy chuông, Chó Ngao đập cửa. Một lúc lâu mới có ánh đ èn phía sâu trong tiệm: Một thiếu phụ trẻ khoác áo ngủ, tóc nâu, người hơi đẫy đ à, ra bằng cổng sau, đi v òng bên cạnh nhà tới gặp thanh tra. Chó Ngao thận trọng lựa từng lời báo tin về người chồng. Thiếu phụ choáng váng phải dựa người vào tường một lúc lâu mới thốt nên lời giữa hai tiếng nấc:
- Tại sao... tại sao tôi lại để anh ấy về một m ình?
Chị ta giải thích: hai vợ chồng đi coi phim ở b ãi drive-in, tức là bãi chiếu phim ngoài trời, người xem cứ ngồi nguyên trong xe. Lúc hai mươi ba giờ thì ra về. Nhưng về tới nhà, chỉ một mình chị ta xuống xe. Chồng chị lại nổ máy có chút việc cần đi. Chị nói tiếp, khuôn mặt đầm đ ìa nước mắt.
- Tất nhiên tôi biết đó l à việc gì. Đ êm nào anh ấy cũng chơi bài, chơi poke hoặc thứ gì khác... bữa đó có hai trăm đô trong túi .
- Bỏ trong bóp?
- Vâng, trong bóp.
Theo lệ, Chó Ngao hỏi chị vợ Ross: trong những người thân quen hoặc bạn cờ bạc của chồng chị có người nào cao lớn, trạc ba mươi để ria rậm. Vợ Ross không thấy có ai như vậy, Chó Ngao cáo từ về ngủ một giấc: đ ã n ăm giờ sáng rồi.
Anh trở lại tiệm may lúc chín giờ, rùng mình ớn lạnh vì ngủ chưa đẫy giấc. Đẩy mạnh cánh cửa gắn kính, bước v ào, anh thấy ngay trước mặt một anh chàng rất đẹp trai, c òn trẻ m ăng, có đôi mắt của si êu sao điện ảnh, đôi môi đỏ tươi, tóc hớt ngắn .
- Ông cần gì?
- Cảnh sát đây! Anh l à nhân viên bán hàng?
- Dạ phải.
- Tên gì?
- Arthur Feru.
- Bao nhiêu tuổi?
- Mười tám.
- Làm ở đây được bao lâu ?
- Tôi làm cho ông bà Ross tám tháng nay. Hai ông bà coi tôi như người nhà. Tối qua họ đi coi drive -in, tôi trông ba đứa nhỏ .
- Tôi cần gặp bà Ross ngay bây giờ, được chứ ?
- Không được, thưa ông thanh tra. B à Ross đang nằm nghỉ. Vụ n ày quá kinh khủng, bà chủ nhà tôi chịu hết nổi.
Lẽ dĩ nhiên, Chó Ngao tranh thủ hỏi chàng trai có tin gì cung cấp cho nhà chức trách không... Chẳng hạn, có thấy gì khác lạ, lúc đó nếu có người cao lớn để ria, chắc chắn cậu ta đ ã phát hiện ra. Và khi Jack Ross quay xe đi tiếp, đường phố vắng ngắt không một bóng người.
Trở về cơ quan ngồi chưa ấm chỗ, Chó Ngao được báo cáo: vừa t ìm thấy xe của Jack Ross, đỗ trái luật tr ên đại lộ Mississippi. Anh tới nơi, đi một v òng quanh chiếc xe: cửa xe bên trái, phía người lái, vẫn mở hé, trên sàn và phía trong cánh cửa đọng nhiều vệt máu khô. Chứng tở Jack bị đâm khi c òn ngồi sau tay lái. Trên mặt đường cũng có v ài vệt máu cho thấy nạn nhân thoát khỏi xe ở chỗ này, hung thủ không đuổi theo m à bỏ đi ngay sau khi gây án. Jack bị đâm chí mạng m à vẫn chạy được gần một cây số theo các con đường vắng vẻ để cầu cứu, quả l à kỳ diệu. Chắc anh ta phải gắng gượng hết mình. Các chuyên viên lấy dấu tay vừa tới kiểm tra chiếc xe.
Các vết vân tay đều của hai vợ chồng Ross. Chó Ngao lại về cơ quan. Các đồng nghiệp sửng sốt nghe anh tuy ên bố: cuộc điều tra đ ã thu được v ài kết quả bước đầu. V ì anh đ ã thấy vụ này không do một bàn tay chuyên nghiệp thực thi. Tên sát nhân già đời sẽ không để người bị hại ra khỏi xe chạy đi cầu cứu. Nó không bao giờ qu ên kiểm tra xem nạn nhân đ ã chết hẳn chưa. Vậy thì hung thủ có thể là một tên ăn sương non tay nghề, động cơ gây án l à cướp của. Nhưng viên cảnh sát khám Ross trong bệnh viện đ ã bác ngay suy luận này: trong túi nạn nhân có hai mươi l ăm đô la. Theo vợ nạn nhân đ ã cho biết, Ross có bỏ hết tiền trong bóp, tổng cộng là hai tr ăm đô la. Không lẽ t ên cướp chỉ lấy đi một trăm bảy lăm đô, bỏ lại trong bóp hai mươi lăm đô? Vậy th ì.. phải đưa ra giả thuyết khác: tối đó Ross thua bạc một trăm bảy lăm đô. Nhưng thua về tr ò cờ bạc gì? Chơi với ai? Ở đâu? Chó Ngao thấy cần phải kiểm tra bằng chứng ngoại phạm của chị vợ v à anh chàng Arthur... Đứa con đầu của hai vợ chồng mắc chứng khó ngủ, khai đ êm đó lúc đ ã rất khuya nó có nghe tiếng mẹ nó trong nhà. Và lại, bàn tay đ àn bà khó có thể làm chuyện này. Còn chàng Arthur do lây nhiễm tật xấu của ông chủ thân thương, tối đó đi chơi b ài poke từ hai mươi ba giờ đến hai giờ sáng hôm sau.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.
Sưu tầm: Nguyễn Học ( Mỏ Hà Nội)
Nguồn: Thư viện Ebook
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 15 tháng 5 năm 2007